

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

TÂN THỊNH HƯNG YÊN

-----o0o-----

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi”

Địa điểm dự án: xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên



Hưng Yên, Tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Xuất xứ của dự án.....	1
1.1. Thông tin chung về dự án.....	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.....	1
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan	2
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	3
2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án	3
2.1.1. Luật, Nghị định, thông tư, nghị quyết	3
2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam	6
2.2. Văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án	7
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ đầu tư dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	8
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	8
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường	9
4.1. Nhóm phương pháp ĐTM	9
4.2. Nhóm các phương pháp khác	9
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM	10
5.1. Thông tin về dự án.....	10
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án.....	10
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án	11
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	12
5.4.1 Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí.....	12
5.4.2 Các công trình và biện pháp xử lý nước thải.....	13
5.4.3. Công trình lưu giữ chất thải.....	15
5.4.4. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải.....	15
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án	17
CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN.....	18
1.1. Thông tin chung về dự án	18

1.1.1. Tên dự án	18
1.1.2. Chủ đầu tư dự án	18
1.1.3. Vị trí địa lý dự án.....	18
1.1.4. Mục tiêu, quy mô công suất, công nghệ và loại hình dự án	19
1.2.1. Danh mục máy móc, thiết bị tại dự án.....	19
1.2.2. Các hạng mục công trình chính	20
1.2.3. Các hạng mục công trình phụ trợ	20
1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	21
1.2.5. Hiện trạng sử dụng đất khu đất thực hiện dự án; sự phù hợp địa điểm thực hiện dự án	22
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án	23
1.3.1 Nhu cầu nguyên liệu	23
1.3.2. Nhu cầu nhiên liệu, hóa chất	25
1.3.3. Nhu cầu sử dụng nước	25
1.3.4 Sản phẩm của dự án.....	Error! Bookmark not defined.
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành của dự án	27
1.4.1. Quy trình sản xuất ván mỏng để sản xuất các sản phẩm mặt bàn máy khâu, mặt bàn cắt các loại	27
1.4.2. Quy trình sản xuất bán thành phẩm đồ gỗ nội thất.....	Error! Bookmark not defined.
1.4.3 Quy trình sản xuất chân bàn máy khâu	Error! Bookmark not defined.
1.4.4. Quy trình cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho	27
1.5. Biện pháp tổ chức thi công	28
1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	30
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án	30
1.6.2. Vốn đầu tư	30
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	30
CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	32
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	32
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	32
2.1.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội.....	38
2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án	43
2.2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường	43
2.2.2. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	44

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	45
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	47
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	48
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị của dự án	48
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	48
3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện.....	51
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng của dự án	52
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	52
3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	67
3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	71
3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	71
3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	82
3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	101
3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	102
CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG..	104
4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ đầu tư dự án	104
4.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án.....	106
4.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng.....	106
4.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của dự án	106
4.2.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án	106
4.2.4. Các phương pháp quan trắc và phân tích	106
4.2.5. Dự toán kinh phí quản lý, giám sát môi trường.....	106
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ THAM VẤN	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng ..	Error! Bookmark not defined.
5.1.1 Tham vấn thông qua đăng tải trên mạng thông tin điện tử	Error! Bookmark not defined.
5.1.2 Tham vấn bằng tổng chức họp lấy ý kiến.....	Error! Bookmark not defined.
5.1.3 Tham vấn bằng văn bản.....	Error! Bookmark not defined.
5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng	Error! Bookmark not defined.
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT.....	108
1. Kết luận.....	108

2. Kiến nghị	108
3. Cam kết.....	108

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
QH	Quốc hội
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
WHO	Tổ chức y tế thế giới
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ATLĐ	An toàn lao động
BTCT	Bê tông cốt thép
GPMB	Giải phóng mặt bằng
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
BYT	Bộ Y tế
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTNH	Chất thải nguy hại
HTXL	Hệ thống xử lý

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị giai đoạn thi công, xây dựng	20
Bảng 1.4. Danh mục thiết bị máy móc dùng trong sản xuất của cơ sở	Error!
Bookmark not defined.	
Bảng 1.6. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án.....	23
Bảng 1.7. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án.....	24
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	26
Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án	31
Bảng 2.1. Lượng mưa trung bình các tháng trong năm.....	33
Bảng 2.2. Số giờ nắng các tháng trong năm.....	34
Bảng 2.3. Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm.....	35
Bảng 2.4. Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong năm	37
Bảng 3.1. Đối tượng và quy mô tác động trong giai đoạn đền bù, bồi thường	51
Bảng 3.2. Nguồn phát sinh và đối tượng chịu tác động trong giai đoạn xây dựng	52
Bảng 3.4: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp.....	54
Bảng 3.5: Nồng độ khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động	56
Bảng 3.6: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra	57
Bảng 3.7: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động vận chuyển.....	57
Bảng 3.8: Định mức tiêu thụ nhiên liệu của các động cơ.....	57
Bảng 3.9: Tải lượng các khí thải phát sinh từ các loại máy thi công, xây dựng	58
Bảng 3.10: Nguồn phát sinh, mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn theo khoảng cách	59
Bảng 3.11: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	61
Bảng 3.12: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt.....	61
Bảng 3.13: Chất thải thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng	63
Bảng 3.14: Chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng.....	64
Bảng 3.15: Nguồn phát sinh khí thải giai đoạn vận hành dự án.....	71
Bảng 3.16: Tải lượng khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động.....	72
Bảng 3.17: Tải lượng bụi phát sinh trong các công đoạn sản xuất	Error! Bookmark not defined.
Bảng 3.18: Tải lượng bụi phát sinh trong các công đoạn sản xuất	Error! Bookmark not defined.
Bảng 3.19: Tải lượng và nồng độ phát thải hơi keo trong các công đoạn sản xuất	Error! Bookmark not defined.
Bảng 3.20: Tải lượng các chất gây ô nhiễm từ khí thải của lò hơi đốt củi.....	Error! Bookmark not defined.

Bảng 3.22: Nồng độ bụi và khí thải phát sinh từ quá trình **Error! Bookmark not defined.**

hoạt động của lò hơi ở điều kiện tiêu chuẩn.....**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.23. Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt76

Bảng 3.24: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt.....76

Bảng 3.25: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh78

Bảng 3.26: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh78

Bảng 3.27: Vị trí, diện tích trồng cây xanh của Công ty83

Bảng 3.28: Danh mục kích thước các hạng mục xử lý của hệ thống90

Bảng 3.29: Danh mục máy móc thiết bị vận hành hệ thống90

Bảng 3.30: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án.....101

Bảng 3.31: Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM103

Bảng 4.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây106

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.3. Quy trình sản xuất gỗ ván sàn	27
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu hồi bụi gỗ từ công đoạn cắt	Error! Bookmark not defined.
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu hồi bụi gỗ từ công đoạn chà nhám	Error! Bookmark not defined.
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi	Error! Bookmark not defined.
Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý hơi keo từ công đoạn ép nhiệt	Error! Bookmark not defined.
Hình 3.7. Sơ đồ xử lý nước mưa chảy tràn	84
Hình 3.8. Sơ đồ phân luồng dòng thải của dự án	85
Hình 3.9. Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn	85
Hình 3.10. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	87
Hình 3.11. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của HTXL bụi, khí thải của lò hơi	93
Hình 3.12. Biểu cảnh báo chất thải nguy hại	95

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên là Công ty TNHH với mã số doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 thực hiện dự án *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi*. Quy mô dự án: Bột gạo: 2.000 tấn/năm; bột đậu xanh: 200 tấn/năm; mứt các loại (mứt lạc, mứt bí, mứt gừng, mứt táo, mứt cà rốt, mứt sen): 2.000 tấn/năm; nhà xưởng, kho, bãi ngoài trời cho thuê: 15.000m².

Công ty thực hiện đầu tư dự án tại xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Huyện Văn Lâm nằm sát thành phố Hà Nội, với hệ thống giao thông nối hai thành phố lớn Hà Nội - Hải Phòng là Quốc lộ 5, có đường sắt chạy qua nên Văn Lâm có nhiều thuận lợi trong việc giao thương cũng như thu hút các dự án đến đầu tư trên địa bàn. Phát huy những thuận lợi đó, Văn Lâm đẩy mạnh chuyển dịch nền cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ. Do vậy, việc thực hiện dự án tại xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm hoàn toàn phù hợp với quy hoạch, chủ trương phát triển của địa phương.

Dự án *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi* là dự án đầu tư mới 100%. Theo mục số 6, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án phải lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường, nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt.

Việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi* của Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên là cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng và vận hành dự án nhằm đánh giá tác động của các hoạt động thực hiện tại dự án đến môi trường. Từ đó, đưa ra các biện pháp quản lý, xử lý và kiểm soát chất thải phát sinh, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình triển khai dự án.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Dự án đầu tư *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi* do chủ dự án là Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên lập.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định chấp thuận, phê duyệt dự án đầu tư *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi* và cấp Quyết định chủ trương đầu tư là Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

1.3.1. Sự phù hợp với các quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về môi trường

Theo Quyết định 611/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 08/7/2024 về việc Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 thì một trong những quan điểm là “Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia phải phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam tham gia, ký kết; đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Kịch bản biến đổi khí hậu. Quy hoạch bảo vệ môi trường gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn cả nước”.

Theo Quyết định 489/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 10/6/2024 về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 thì một trong những quan điểm là “Phát triển các ngành dịch vụ mà Hưng Yên có thế mạnh và điều kiện phát triển, nhất là du lịch, vận tải, logistics, thương mại, khoa học - công nghệ, tài chính, ngân hàng, bất động sản, thông tin, truyền thông, giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, thể thao, vui chơi, nghỉ dưỡng,... Đẩy mạnh phát triển du lịch theo hướng sinh thái, văn hóa, thể thao, vui chơi, nghỉ dưỡng cao cấp. Xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành một trung tâm dịch vụ logistics, trung chuyển hàng hóa của vùng.”.

Mục tiêu sản xuất của Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên là sản xuất gỗ ván sàn, gỗ ép xuất khẩu; kho bãi, lưu giữ hàng hóa nên hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Quyết định 611/QĐ-TTg và Quyết định 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Dự án “*Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi*” thực hiện tại xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Dự án đi vào hoạt động góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương (tăng ngân sách địa phương, giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế địa

phương...) là hoàn toàn phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên nói chung và trên địa bàn huyện Văn Lâm nói riêng.

Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên đã được UBND tỉnh Hưng Yên chấp thuận Quyết định chủ trương đầu tư số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 . Vì vậy, dự án hoàn toàn phù hợp với Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Văn Lâm.

Khu đất thực hiện dự án nằm tiếp giáp đường tỉnh ĐT.385 là điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa, nguyên liệu.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án

2.1.1. Luật, Nghị định, thông tư, nghị quyết

► Luật

- Luật PCCC số 27/2001/QH10 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 12/7/2001 và có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 13/06/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2020;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 /11/ 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

► Nghị định

- Nghị định số 114/2010/NĐ- CP ngày 06/12/2010 của Chính Phủ ban hành về bảo vệ công trình xây dựng;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật phòng cháy chữa cháy;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính Phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính Phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

► **Thông tư**

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/02/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Thông tư số 10/2013/TT-XD ngày 25/3/2013 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy;
- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 15/6/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;
- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.
- Thông tư số 02/2019/TT-BYT ngày 21/3/2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- Thông tư số 10/2019/TT-BYT ngày 10/6/2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.
- Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 2/11/2023 của của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

► **Quyết định**

- Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường;
- Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 16/06/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

► **Chỉ thị**

- Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tăng cường công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh;

• Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

► **Nghị quyết**

• Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/06/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên tại hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam

• TCXDVN 7957:2008/BXD: Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

• TCVN 33:2006/BXD: Cấp nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

• TCVN 6100:1996 - Phòng cháy chữa cháy. Chất chữa cháy - Cacbon đioxit;

• TCVN 5738:2000 - Hệ thống báo cháy tự động – Yêu cầu kỹ thuật;

• TCVN 2622:1995- Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình- Yêu cầu thiết kế;

• TCVN 6707:2009/BTNMT: Về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo;

• QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

• QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

• QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

• QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất.

• QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

• QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

• QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;

• QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng;

• QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

• QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

• QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

• QCVN 27: 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

• QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- QCĐP 01:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt;

- QCĐP 02:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp;

2.2. Văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

- Quyết định chủ trương đầu tư số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận nhà đầu tư: Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên đăng ký thực hiện dự án đầu tư *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi* trên địa bàn xã Chi Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901013893 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 20/6/2017.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ đầu tư dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Hồ sơ dự án đầu tư *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi* của Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên;
- Kết quả phân tích hiện trạng chất lượng môi trường do đơn vị tư vấn đo đạc và phân tích mẫu môi trường tại khu đất thực hiện dự án trên địa bàn xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên,.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Báo cáo ĐTM cho dự án *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi* do chủ đầu tư Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên chịu trách nhiệm và thực hiện.

a) Cơ quan chủ trì lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên

- Địa chỉ trụ sở chính: xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Trình tự lập báo cáo theo các bước như sau:

- **Bước 1:** Tiến hành thu thập và nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của Dự án “*Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi*” thu thập các số liệu, tài liệu về điều kiện địa lý, khí hậu, thủy văn, kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực thực hiện dự án.
- **Bước 2:** Khảo sát thực địa, quan trắc, đo đạc, lấy mẫu phân tích các thành phần môi trường tự nhiên tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án.
- **Bước 3:** Trên cơ sở các tài liệu, số liệu thu thập được và các kết quả phân tích về hiện trạng môi trường khu vực, tiến hành lập báo cáo ĐTM cho dự án theo hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- **Bước 4:** Tổng hợp báo cáo và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên chờ thẩm định theo quy định.
- **Bước 5:** Bảo vệ trước hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của tỉnh Hưng Yên.
- **Bước 6:** Chỉnh lý, sửa chữa hoàn chỉnh bản báo cáo ĐTM theo ý kiến đóng góp của hội đồng thẩm định. Xin cấp quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường này được hoàn thành dựa trên việc sử dụng 2 nhóm phương pháp sau đây:

4.1. Nhóm phương pháp ĐTM

- *Phương pháp so sánh*: Kết quả phân tích được so sánh với QCVN hiện hành, nhằm đánh giá chất lượng môi trường nền của dự án. Phương pháp so sánh được sử dụng tại chương II của báo cáo.

- *Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm của WHO*: Đây là phương pháp đánh giá tải lượng các chất ô nhiễm do hoạt động của dự án gây ra dựa trên các hệ số tải lượng đối với lĩnh vực hoạt động. Đây là tài liệu chuẩn được ban hành bởi tổ chức y tế thế giới nên các hệ số đáng tin cậy. Phương pháp này được sử dụng tại chương III của báo cáo.

- *Phương pháp liệt kê*: Liệt kê các tác động phát sinh có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án, phương pháp này được sử dụng tại chương III của báo cáo.

4.2. Nhóm các phương pháp khác

- *Phương pháp thống kê*: nhằm thu thập và xử lý số liệu khí tượng, thủy văn, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án để đánh giá nguy cơ bị ảnh hưởng từ khu vực xưởng tới khu vực dân cư theo các mùa trong năm (chủ yếu đối với thành phần khí thải), và khả năng bị ảnh hưởng của các thành phần môi trường khác như nước ngầm thông qua cấu tạo địa chất của khu vực. Phương pháp được thực hiện tại chương II của báo cáo.

- *Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm*: để xác định hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án. Đây là phương pháp được thực hiện tại hiện trường trong phạm vi của dự án và khu vực lân cận (tiến hành lấy mẫu môi trường nước, không khí, đất) và phân tích tại phòng thí nghiệm để phân tích các thành phần ô nhiễm trong môi trường. Tại phòng thí nghiệm, các chỉ tiêu môi trường được phân tích bằng các phương pháp chuẩn được cơ quan quản lý môi trường đưa ra. Các kết quả phân tích được sử dụng để đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực dự án và khu vực lân cận. Trên cơ sở đó đánh giá được mức độ ảnh hưởng tới khu vực xung quanh do hoạt động của dự án gây ra. Phương pháp này được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng môi trường nền của dự án.

- *Phương pháp lấy ý kiến cộng đồng dân cư qua hình thức họp*: Độ xác thực và hiệu quả của phương pháp này phụ thuộc nhiều vào phương pháp và cách tiến hành xin ý kiến dân cư, chính quyền địa phương và các nhà quản lý liên quan đến dự án. Chủ dự án đã gửi công văn tham vấn gửi UBND và UBNDTTQ xã Chỉ Đạo xin ý kiến tham vấn. Chủ dự án đã phối hợp với UBND xã tổ chức cuộc họp xin ý kiến cộng đồng chịu tác động trực tiếp của dự án. Đồng thời nó cũng phụ thuộc nhiều vào số

lượng đối tượng được lấy ý kiến và sự khác biệt về trình độ nhận thức của họ, do vậy nếu phương pháp này không được thực hiện một cách nghiêm túc, nó sẽ không thể phát huy được hiệu quả và vai trò của mình trong việc đánh giá những tác động đến môi trường. Phương pháp này được thực hiện tại chương V của báo cáo này.

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

Tên Dự án : Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi

Địa điểm thực hiện dự án : Xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên

*** Mục tiêu, quy mô, công suất và phạm vi dự án**

Mục tiêu của dự án: Kinh doanh và chế biến lương thực, thực phẩm; xây dựng nhà xưởng, kho, bãi ngoài trời cho thuê.

Quy mô dự án: Bột gạo: 2.000 tấn/năm; bột đậu xanh: 200 tấn/năm; mứt các loại (mứt lạc, mứt bí, mứt gừng, mứt táo, mứt cà rốt, mứt sen): 2.000 tấn/năm; nhà xưởng, kho, bãi ngoài trời cho thuê: 15.000m².

Phạm vi thực hiện dự án:

+ Phạm vi về không gian: Dự án đầu tư xây dựng trên khu đất có tổng diện tích khoảng 20.942 m², tại xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

+ Phạm vi về thời gian: Toàn bộ quá trình thực hiện dự án, bao gồm 03 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công các hạng mục công trình dự án và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Khu đất thực hiện dự án với tổng diện tích là 20.942 m². Theo trích lục khu đất, hiện trạng sử dụng đất có chuyển mục đích sử dụng đất lúa với diện tích là 20.562m². Các hộ dân có diện tích đất canh tác (đất trồng lúa) bị thu hồi hoàn toàn đồng thuận về việc thực hiện dự án cũng như các chính sách đền bù, hỗ trợ của dự án.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

Tóm tắt các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường như sau:

Hạng mục công trình/Hoạt động	Các tác động xấu đến môi trường				
	Đất	Nước	Không khí	Tài nguyên sinh học	Kinh tế - xã hội
I. Giai đoạn xây dựng					
San nền, hệ thống giao thông, xây dựng các hạng mục công trình	++	+++	++	+	+
Hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải	+	+	++	+	+
Hệ thống cấp điện, vỉa hè, cây xanh	++	++	++	+	+
Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường	++	+++	++	+	+
II. Giai đoạn hoạt động					
Hoạt động của phương tiện ra vào dự án	+	+	+++	+	+
Sinh hoạt của công nhân viên	+	+++	+	+	+
Hoạt động của lò hơi	++	++	++	+	+
Hoạt động sản xuất	++	++	++	+	+
Hoạt động của máy phát điện dự phòng	++	++	++	+	+

Ghi chú: +: Ít tác động có hại;

++: Tác động có hại ở mức độ trung bình;

+++ : Tác động có hại ở mức độ cao;

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

* *Giai đoạn xây dựng*

* *Bụi, khí thải:*

- Bụi phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san lấp mặt bằng: Chủ yếu là bụi từ quá trình phát quang thảm thực vật và bụi từ quá trình đào đất và đắp đất san nền.

- Quá trình vận chuyển các nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công làm rơi vãi nguyên vật liệu, và bụi cuốn theo phương tiện vận chuyển;
- Bụi phát sinh khi các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công đốt cháy nhiên liệu;

** Nước thải:*

- Nước thải thi công: 1,5 m³/ngày
- Nước thải sinh hoạt: 0,9 m³/ngày
- Nước mưa chảy tràn.

** Chất thải rắn:*

- Chất thải rắn xây dựng: đất, cát đào móng 8,09 tấn; vụn, sắt thép 55 kg/tháng; vụn bê tông, vật liệu xây dựng 58 kg/tháng; bao bì carton 36 kg/tháng.
- Chất thải rắn sinh hoạt: 6 kg/ngày.
- Chất thải rắn nguy hại: tổng khối lượng phát sinh khoảng 14,2 kg/tháng.

*** Giai đoạn hoạt động**

Bụi, khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh ra do quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa.
- Bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng;

Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án: 5,25 (m³/ngày đêm).
- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng dòng chảy sinh ra do nước mưa trong 1 năm từ 35.931 – 38,326,4 m³.
- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình xử lý khí thải lò hơi.

Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 12,28 tấn/năm.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 41.175,2 kg/năm.
- Chất thải nguy hại phát sinh: 769 kg/năm.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1 Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí

*** Giai đoạn xây dựng**

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn qui định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Che kín mọi phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng (cát, đất, xi măng, đá...) để tránh phát tán bụi;
- Không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm;
- Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công;
- Vật liệu xây dựng được chứa trong các kho chứa để quản lý, tránh hiện tượng phát tán bụi ra môi trường xung quanh;
- Thiết bị và máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên để giảm thiểu ô nhiễm do khói xe;
- Không đốt các nguyên vật liệu tại khu vực dự án;
- Phun, tưới nước thường xuyên để giảm thiểu lượng bụi phát tán.
- Lắp đặt tấm chắn cao 2m để hạn chế bụi phát sinh ra khu vực xung quanh;

*** Giai đoạn vận hành**

Bụi, khí thải và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông

- Thiết kế tăng ma sát tại đường dốc dẫn vào cổng chính của dự án để hạn chế tốc độ của các phương tiện ra vào;
- Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông nhằm phân luồng xe ra vào hợp lý và thuận tiện;
- Trồng nhiều cây xanh tại các khu vực đất trống tạo cảnh quan, không gian xanh. Trồng cây xanh là biện pháp hỗ trợ tích cực để vừa giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, chắn tiếng ồn... Cây xanh lựa chọn trồng tại khu vực dự án là cây bản địa, dễ dàng thích nghi với điều kiện khí hậu của địa phương;
- Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh;

5.4.2 Các công trình và biện pháp xử lý nước thải

*** Giai đoạn xây dựng**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường:
 - + Lượng nước thải sinh hoạt tại công trường xây dựng dự án trong giai đoạn này sẽ được không chế bằng cách tăng cường tuyển dụng nhân công tại khu vực, tổ chức hợp lý các nguồn nhân lực trong các giai đoạn thi công tránh tình trạng tập trung quá đông nhân công.
 - + Đối với nước thải sinh hoạt: trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình bổ sung nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được xử lý bằng nhà vệ sinh, dự án dự kiến lắp 02 nhà vệ sinh loại 2.000 lít. Vị trí đặt nhà vệ sinh di động được bố trí ngay

khu vực cuối khu đất. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn cặn vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Ban hành nội quy nghiêm cấm công nhân phóng uế, vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

+ Tăng cường nhắc nhở cán bộ nhân viên ý thức tiết kiệm sử dụng nước và tuân thủ nội quy quy định của công ty.

- Nước mưa chảy tràn và nước thải thi công:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải trong khu vực dự án.

+ Các tuyến thoát nước mưa, nước thải thi công được thực hiện phù hợp với quy hoạch thoát nước của dự án cũng như của toàn khu vực nói chung.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị được dẫn vào hệ thống thu gom riêng, qua song chắn rác, hố ga lắng cặn trước khi thoát vào hệ thống thoát thải. Công ty bố trí 02 hố ga với kích thước của mỗi hố ga lắng cặn là $L \times B \times H = 1m \times 1m \times 1m$, đảm bảo đạt giới hạn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát thải.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

*** Giai đoạn vận hành**

Biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn

- Lắp đặt hệ thống song chắn rác tại các hố ga để tách rác có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước, rác đọng lại trên song được thu gom theo chất thải rắn.

- Khi vào mùa mưa, hàng tháng phải có đội vệ sinh môi trường vệ sinh các hố ga, đường cống dẫn nước, không để nước mưa lưu trữ lâu trong hố ga và đường cống dẫn nước mưa.

- Giáo dục ý thức cho công nhân làm việc trong Nhà máy luôn vệ sinh sạch khu vực của mình làm việc và thu gom chất thải đúng nơi quy định là một yếu tố quan trọng nhằm giảm thiểu khả năng ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

- Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn của dự án như sau: Nước mưa → Hố ga → Nguồn tiếp nhận.

Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt: HTXL NTSH công suất 8 m³/ngày đêm

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn và nước thải nhà bếp sau bể tách dầu mỡ → Hố thu gom → Rọ chắn rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí

(MBR) → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra đạt QCDP 01:2019/HY → Nguồn tiếp nhận.

Biện pháp xử lý nước thải từ HTXL bụi, khí thải lò hơi

Bể gom chung → Bể lắng (Bùn thải định kỳ nạo vét) → Bồn chứa tuần hoàn cho HTXL bụi, khí thải lò hơi.

5.4.3. Công trình lưu giữ chất thải

*** Giai đoạn xây dựng**

Toàn bộ lượng chất thải phát sinh sẽ thu gom, phân loại và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11,...) với tần suất thu gom 1tuần/lần.

*** Giai đoạn hoạt động**

Bố trí khu lưu giữ tạm thời chất thải thông thường và chất thải nguy hại với tổng diện tích khoảng 50 m² có dán biển báo theo quy định, kích thước khu lưu giữ của nhà máy. Trong đó, diện tích khu lưu giữ chất thải thông thường là 25 m² và diện tích khu lưu giữ chất thải nguy hại là 25 m². Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11,...).

5.4.4. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

*** Giai đoạn xây dựng**

a, Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh làm việc vào giờ nghỉ của dân cư, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông và giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ. Ngoài ra, các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào đêm khuya.

- Các công nhân xây dựng sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt;
- Ngoài ra, các phương tiện vận tải hạng nặng sẽ được quản lý tốt trong khi vận chuyển vật liệu xây dựng trong vùng đô thị để giảm phát sinh tiếng ồn.

b, Giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội

- Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các khu vực thi công
- Kết hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân lao động.

- Đối với hệ thống đường giao thông: Kiểm tra độ chịu tải của hệ thống giao thông khu vực để xác định loại xe vận chuyển có trọng tải phù hợp khi tham gia giao thông. Có các giải pháp khắc phục và sửa chữa các tuyến đường hư hỏng do quá trình thi công của dự án gây ra để đảm bảo không ảnh hưởng đến đi lại của người dân trong khu vực.

- Trong quá trình thi công xây dựng lượng khí thải và chất thải phát sinh sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, hiện tượng sụt lở đất có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến chất lượng đất và công trình ở gần. Vì vậy trong quá trình thi công cần tuân thủ đúng các quy trình kỹ thuật đã thiết kế, thi công.

- Thi công theo phương án thiết kế đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

*** *Giai đoạn hoạt động***

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Hầu hết các loại máy móc, thiết bị dự kiến sử dụng đều có mức ồn không lớn lắm. Để giảm tiếng ồn Nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn bằng việc cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm.

- Các thiết bị gây ồn lớn như: Máy cắt, máy phát điện, máy bơm,... áp dụng phương pháp cách âm, cách ly và tách riêng biệt.

- Đối với các thiết bị không thể cách ly (máy bơm, quạt gió..), tại các ống hút, ống đẩy sử dụng các mối nối mềm. Lắp các chi tiết giảm ồn và rung, ống giảm thanh và gioăng cao su, lò xo giảm chấn..

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

Đặc biệt công nhân làm việc ở bộ phận tiếng ồn lớn được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động...).

b. Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng với chiều cao hợp lý đảm bảo cho không khí bên ngoài và không khí bên trong nhà xưởng lưu thông, trao đổi dễ dàng, giảm thiểu bức xạ nhiệt do ánh nắng mặt trời và nguồn hơi nóng do hoạt động sản xuất.

- Lắp đặt các quạt công nghiệp tại khu vực phát sinh hơi nóng như khu ép nhiệt.

c. Các vấn đề về an toàn lao động

- Trang bị kiến thức đầy đủ cho công nhân trước khi công nhân bước vào làm việc chính thức, cần có thời gian đào tạo ngắn hạn để đảm bảo công nhân hiểu rõ quy trình làm việc của máy móc và thực hiện nghiêm ngặt quy trình đảm bảo an toàn lao động.

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, mũ bảo hộ, ...
- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao và các thiết bị tại các công đoạn sử dụng hóa chất.
- Nhà máy sẽ thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Nhà máy.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án

Giám sát trong giai đoạn thi công, xây dựng

**** Giám sát nước mặt***

- Số mẫu: 01 mẫu;
- Vị trí giám sát: Mẫu nước mặt tại mương phía Bắc cạnh dự án;
- Thông số giám sát: pH, DO, BOD₅, COD, TSS, NO₂⁻, NO₃⁻, NH₄⁺, Fe, As, Hg, Pb, Cd, tổng dầu, mỡ, coliform;
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT.

**** Giám sát môi trường không khí xung quanh***

- Số mẫu: 02 mẫu;
 - Vị trí giám sát: Đầu và cuối khu đất thực hiện dự án;
 - Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, SO₂, CO, NO₂
 - Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
 - Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT.
- #### **** Giám sát chất thải rắn***
- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại;
 - Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;
 - Tần suất giám sát: Một lần sau quá trình thi công xây dựng, tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Giám sát trong giai đoạn hoạt động

**** Giám sát chất thải rắn***

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;
- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình hoạt động và định kỳ 1 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương 1. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1. Tên dự án

Tên Dự án : ***Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi***

Địa điểm thực hiện dự án : Xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

1.1.2. Chủ đầu tư dự án

Chủ đầu tư : **Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên**

Địa chỉ trụ sở chính : Xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Quyết định chủ trương đầu tư : Số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng

Yên cấp

- Nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 55.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn góp để thực hiện dự án: 25.000 triệu đồng, chiếm 45,45% tổng vốn đầu tư;

+ Vốn vay: 30.000 triệu đồng, chiếm 54,55% tổng vốn đầu tư.

1.1.3. Vị trí địa lý dự án

- Dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi” thực hiện trên khu đất có diện tích sử dụng vào khoảng 20.942 m², thuộc địa bàn xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

*** Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án**

Trong khu vực thực hiện dự án không có công trình nhà ở hoặc lán trại tạm của người dân.

- Đối với các nương thủy lợi trong khu đất dự án: nhiệm vụ của các nương này là tưới nước cho phần diện tích đất chuyên trồng lúa mà dự án đã thu hồi. Khi thực hiện dự án toàn bộ phần đất chuyên trồng lúa và nương thủy lợi sẽ được thu hồi, do đó việc thu hồi và san lấp phần nương thủy lợi khi thực hiện dự án không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ tưới tiêu nước hay khả năng thoát nước của khu vực dự án.

- Trong khu đất thực hiện dự án có 158 m² quy hoạch là đất bãi thải, xử lý chất thải. Tuy nhiên hiện trạng khu đất chưa sử dụng làm đất bãi thải nên không có rác thải tồn đọng trong khu đất thực hiện dự án.

- Ngoài ra, trong quá trình khảo sát hiện trạng khu đất dự án không phát hiện có ngôi mộ vô danh, ngôi mộ đã cải táng nằm trên khu đất.

*** Mọi tương quan giữa dự án với các đối tượng xung quanh:**

- Giao thông:

Dự án nằm cạnh đường ĐT.385 về phía Bắc, vì vậy điều kiện giao thông tương đối thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu và tiêu thụ ra vào Công ty, thuận lợi cho hàng hóa được lưu thông ra các tỉnh lân cận.

- Thủy văn:

Qua khu vực huyện Văn Lâm có Hệ thống Bắc Hưng Hải, sông Bún, sông Đình Dù... Hệ thống Bắc Hưng Hải là hệ thống giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân khu vực dọc hai bên hệ thống. Cạnh vị trí thực hiện dự án có hệ thống mương tưới tiêu, đây cũng là nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án.

- Di tích văn hoá - lịch sử:

Trong khu vực dự án không có công trình kiến trúc, công trình Quốc gia và di tích lịch sử văn hoá.

1.1.4. Mục tiêu, quy mô công suất, công nghệ và loại hình dự án

Mục tiêu của dự án: Kinh doanh và chế biến lương thực, thực phẩm; xây dựng nhà xưởng, kho, bãi ngoài trời cho thuê:.

Quy mô dự án: Sản xuất gỗ ván sàn, gỗ ép xuất khẩu 350.000 m²/năm (tương đương sản phẩm/năm); Kho bãi, lưu giữ hàng hoá: 10.000 tấn/năm

- Loại hình dự án: Tổng vốn đầu tư dự án là 55.000 triệu đồng do vậy dự án thuộc nhóm C, theo khoản 3, điều 10 của Luật Đầu tư công. Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa.

1.2. Các hạng mục công trình của dự án

1.2.1. Danh mục máy móc, thiết bị tại dự án

Giai đoạn thi công xây dựng

Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị giai đoạn thi công, xây dựng

STT	Loại thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Ô tô vận tải thùng 15 Tấn	Chiếc	5
2	Máy ủi 160 CV	Chiếc	2
3	Xe lu 10 tấn	Chiếc	1
4	Cần trục ô tô 16 tấn	Chiếc	2
5	Máy xúc lật loại 1,25m ³ /gầu	Chiếc	2
6	Máy san 180CV	Chiếc	2
7	Máy đào 1 gầu, bánh hơi 1,25m ³ /gầu	Chiếc	3
8	Máy ép cọc	Chiếc	2
9	Máy kéo	Chiếc	1
10	Bơm bê tông	Chiếc	1
11	Cần trục di động	Chiếc	1
12	Máy nén	Chiếc	1
13	Máy hàn	Chiếc	3
14	Máy khoan	Chiếc	2
15	Máy cưa	Chiếc	2

Giai đoạn hoạt động

Để phục vụ cho quá trình sản xuất của dự án, Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên sẽ đầu tư thiết bị máy móc mới 100% đồng bộ, hiện đại.

1.2.2. Các hạng mục công trình chính

Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên xây dựng trên khu đất có diện tích 20.942 m². Công ty sẽ bố trí xây dựng các hạng mục công trình chính phục vụ mục đích sản xuất của Dự án như sau:

- 02 Nhà xưởng sản xuất

- 01 nhà kỹ thuật

1.2.3. Các hạng mục công trình phụ trợ

Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án bao gồm:

- Cổng chính + nhà bảo vệ

- Nhà bảo vệ

- Nhà điều hành, nhà để xe, nhà ăn + nghỉ ca công nhân

- Trạm biến áp

- Hồ điều hòa + PCCC

- Khu xử lý kỹ thuật môi trường

- Nhà vệ sinh

- Đường giao thông, sân bãi, cây xanh, mặt nước

1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Khu xử lý nước thải tập trung: Công ty sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất **8 m³/ngày đêm**, đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt GHCP theo QCVN 01:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt. Vị trí của hệ thống xử lý nước thải của dự án đặt tại khu xử lý vệ sinh môi trường nằm về phía Bắc của khu đất dự án.

- Khu lưu giữ chất thải rắn: **Công ty bố trí 01 khu có diện tích khoảng 50 m² để** làm khu lưu giữ chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy.

Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải (như Công ty cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 – Urenco 11,...). Tần suất thu gom, xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hệ thống PCCC:

+ **Hệ thống báo cháy:** Để đảm bảo việc báo cháy cho công trình, công trình sử dụng hệ thống báo cháy thông thường bao gồm các đầu báo khói và tủ điều khiển báo cháy. Các đầu báo cháy được nối với nhau theo từng vùng. Việc bố trí và lắp đặt các đầu báo khói đảm bảo theo tiêu chuẩn của PCCC. Tủ báo cháy được lắp ở khu vực có người trực 24/24h, như nhà thường trực. Để đảm bảo cho việc thoát hiểm khi có sự cố xảy ra, công trình được thiết kế hệ thống chiếu sáng dẫn hướng thoát hiểm và chiếu sáng thoát hiểm bằng các bộ đèn có pin tại chỗ đặt tại chiếu sáng tại các lối ra như sảnh chính, hành lang và các phòng làm việc, các khu vực dịch vụ, hoạt động dịch vụ.

+ **Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm:** Bộ phận điều khiển, bộ phận cung ứng, dự trữ chất chữa cháy, bộ phận phân bố chất chữa cháy và đầu phun, lăng phun, bộ phận đường ống.

+ **Hệ thống đường nội bộ bên trong và bên ngoài:** được thông suốt, đảm bảo theo đúng quy định về PCCC.

- Hệ thống cấp và thoát nước:

+ **Hệ thống cấp nước:** Xung quanh khu vực Dự án hiện đã có nhà máy nước sạch, công ty sẽ thực hiện thỏa thuận với đơn vị cấp nước sạch để đấu nối đường ống cấp nước cho dự án.

+ **Hệ thống thoát nước:** Thiết kế hệ thống thoát nước tách rời giữa nước thải và nước mưa.

+ **Hệ thống thoát nước mưa:** Gồm hố ga thu nước mưa chảy tràn và hệ thống cống thoát nước. Cống thoát nước mưa được xây bằng gạch, nắp bằng bê tông cốt thép. Độ dốc của rãnh thu là 0,1%. Tiết diện cống có dạng hình chữ nhật, bề rộng từ 0,4- 1,2 m.

+ Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt từ được xử lý sơ bộ rồi được dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo giới hạn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống cấp điện: Điện cung cấp cho các hoạt động sản xuất của Dự án, chiếu sáng, sinh hoạt, bơm nước và an ninh.

Nguồn điện cấp cho dự án có điện áp 220kV do điện lực địa phương cung cấp. Nguồn điện hạ thế 380/220V cấp cho các ki ốt được lấy từ trạm biến áp Kiot 22/0,4 kV.

Tổng hợp các hạng mục công trình chính, phụ trợ và công trình BVMT của dự án như sau:

Nhà xưởng 01 công ty sẽ bố trí dây chuyền sản xuất gỗ ván sàn. Nhà xưởng 02 công ty sẽ bố trí sản xuất gỗ ép xuất khẩu. Nhà xưởng 3 công ty dùng cho các đơn vị có nhu cầu thuê nhà xưởng.

1.2.5. Hiện trạng sử dụng đất khu đất thực hiện dự án; sự phù hợp địa điểm thực hiện dự án

1.2.5.1. Hiện trạng sử dụng đất trên khu đất dự án

Trong khu vực thực hiện dự án không có công trình nhà ở hoặc lán trại tạm của người dân.

- Đối với các mương thủy lợi trong khu đất dự án: nhiệm vụ của các mương này là tưới nước cho phần diện tích đất sản xuất mà dự án đã thu hồi. Khi thực hiện dự án toàn bộ phần đất sản xuất và mương thủy lợi sẽ được thu hồi, do đó việc thu hồi và san lấp phần mương thủy lợi khi thực hiện dự án không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ tưới tiêu nước hay khả năng thoát nước của khu vực dự án.

- Trong khu đất thực hiện dự án không có rác thải tồn đọng.

- Ngoài ra, trong quá trình khảo sát hiện trạng khu đất dự án không phát hiện có ngôi mộ vô danh, ngôi mộ đã cải táng nằm trên khu đất.

1.2.5.2. Hiện trạng kiến trúc-cảnh quan

Trong khu vực nghiên cứu hiện trạng cảnh quan không có giá trị kiến trúc đô thị, chủ yếu là đất nông nghiệp, kênh mương nội đồng, cây bụi.

1.2.5.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

a. Hiện trạng giao thông:

Khu vực thực hiện dự án tiếp giáp với đường tỉnh ĐT.385 tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng và hệ thống đường nội bộ của xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm.

b. Cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc

- Hệ thống cấp điện: Điện cung cấp cho các hoạt động sản xuất của Dự án, chiếu sáng, sinh hoạt, bơm nước và an ninh.

- Nguồn điện cấp cho dự án có điện áp 220kV do điện lực địa phương cung cấp. Nguồn điện hạ thế 380/220V cấp cho các ki ốt được lấy từ trạm biến áp Kiot 22/0,4 kV.

c. Cấp, thoát nước

Nhà máy sẽ sử dụng nước sạch để cấp cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại dự án.

Toàn bộ lượng nước mưa và nước thải sau xử lý của công ty được thải ra mương phía Bắc giáp dự án. Đường thu gom, thoát nước thải tách riêng biệt với đường thu gom, thoát nước mưa.

1.2.5.4 Đánh giá sự phù hợp của địa điểm dự án

- Dự án Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi nằm trên địa bàn xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Lâm của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Hệ thống giao thông đối ngoại rất thuận lợi để đi lại và kết nối với các khu vực xung quanh nhờ tuyến đường tỉnh ĐT.385 và tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng;

- Khu vực thực hiện dự án không quá gần khu tập trung đông cư nên giảm thiểu được tác động của hoạt động sản xuất đến các đối tượng xung quanh.

- Khu vực quy hoạch thuận lợi cho công tác đầu tư xây dựng, hiện trạng phải di chuyển không đáng kể, đất quy hoạch chủ yếu là đất ruộng, nên kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng không lớn.

Nhìn chung, địa điểm khu vực thực hiện dự án là phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và các chính sách của Nhà nước, của tỉnh và của huyện.

Dự án là động lực phát triển, góp phần từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của địa phương từ nông nghiệp sang công nghiệp; tạo việc làm cho người dân địa phương và cung cấp các sản phẩm từ gỗ, chân bàn máy khâu cho thị trường.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1 Nhu cầu nguyên liệu

*** Giai đoạn thi công xây dựng**

Nhà máy thực hiện xây dựng mới toàn bộ các hạng mục công trình, nhu cầu sử dụng một số nguyên liệu như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Cát đen san nền	m ³	14.400	Văn Lâm –

Báo cáo ĐTM của dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi”

2	Khung kết cấu thép	Tấn	4.100	Hưng Yên
3	Xi măng	Tấn	7.800	
4	Cát vàng	m ³	17.500	
5	Đá dăm	m ³	8.600	
6	Bê tông thương phẩm	m ³	10.200	
7	Gạch lát nền	viên	23.333	
8	Gạch xây	viên	45.870	
9	Tôn cuộn	m ²	11.852	
10	Que hàn	kg	489	
11	Sơn tường	kg	876	
12	Sơn sàn	kg	526	

*** Giai đoạn hoạt động sản xuất**

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của dự án như sau:

Bảng 1.7. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Gạo		2.000.000
2	Đậu xanh		200.000
3	Lạc		2.000.000
4	Bí		
5	Gừng		
6	Táo		
7	Cà rốt		
8	Hạt sen		
9	Đường	kg/năm	1.192.293
10	Nha	kg/năm	1.810.842
11	Dầu Shortening	kg/năm	190.377
12	Phẩm vàng chanh	kg/năm	2.715
13	Profam	kg/năm	2.670
14	Tinh dầu	kg/năm	6.789
15	Phẩm màu	kg/năm	135
16	Gelatin	kg/năm	25.377
17	Axit citric	kg/năm	12.900
18	Phụ gia 0090	kg/năm	16.974
19	Bột tan	kg/năm	6.141
20	Dầu paraffin	kg/năm	339
21	Dầu lạc	kg/năm	3.435

Công ty cam kết các nguyên liệu, hóa chất sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

Nhà máy cam kết sử dụng các nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và giảm phát thải trong quá trình sản xuất.

1.3.2. Nhu cầu nhiên liệu, hóa chất

Tham khảo của một số đơn vị đã hoạt động, có hệ thống xử lý nước thải tương tự, tính toán với công suất của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án là $8\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm, ước tính khối lượng định mức Clorin viên nén sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải giai đoạn dự án đi vào hoạt động trung bình là 8 kg/năm.

1.3.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nhà máy sẽ sử dụng nước sạch để cấp cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại dự án. Theo TCVN 13606:2023 thì Tiêu chuẩn dùng nước của công nhân trong nhà máy = Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp tính cho một người trong một ca * Hệ số không điều hòa giờ = $25 \times 3 = 75$ lít/người/ca.

- Nước cấp cho sinh hoạt: 75 lít/người/ngày đêm; số lượng công nhân làm việc tại dự án khoảng 70 người.

- Dự án cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa: Quá trình này chỉ diễn ra hoạt động lưu giữ, bảo quản hàng hóa chứ không sử dụng lao động cho mục tiêu này. Vì vậy dự án không cấp nước cho mục tiêu này.

- Nước tưới cây, rửa đường: $2\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

Cụ thể nhu cầu sử dụng nước tối đa tại dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Mục đích sử dụng nước	Định mức cấp	Tổng lượng nước cấp
1	Cấp nước cho sinh hoạt công nhân viên nhà máy	75 l/người/ngày	5,25 m ³ /ngày đêm
2	Cấp nước tưới cây, rửa đường	-	2 m ³ /ngày đêm
	Tổng		7,25 m³/ngày đêm

Riêng nước cấp và dự trữ cho phòng cháy chữa cháy được cấp từ bể chứa ngầm thể tích 100 m³. Từ bể ngầm các chỗ hút nước được nối với hệ thống ống dẫn và họng cứu hoả.

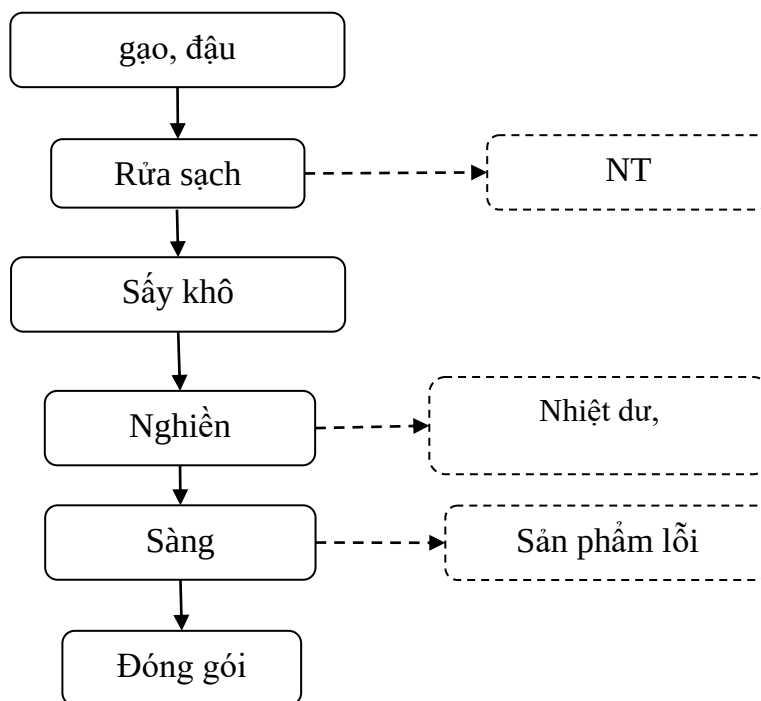
- *Nhu cầu sử dụng điện*

+ Nguồn điện cấp cho dự án có điện áp 220kV do điện lực địa phương cung cấp. Nguồn điện hạ thế 380/220V cấp cho các ki ốt được lấy từ trạm biến áp Kiot 22/0,4 kV.

+ Ước tính nhu cầu sử dụng điện phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án khoảng 3.000.000 KWh/năm.

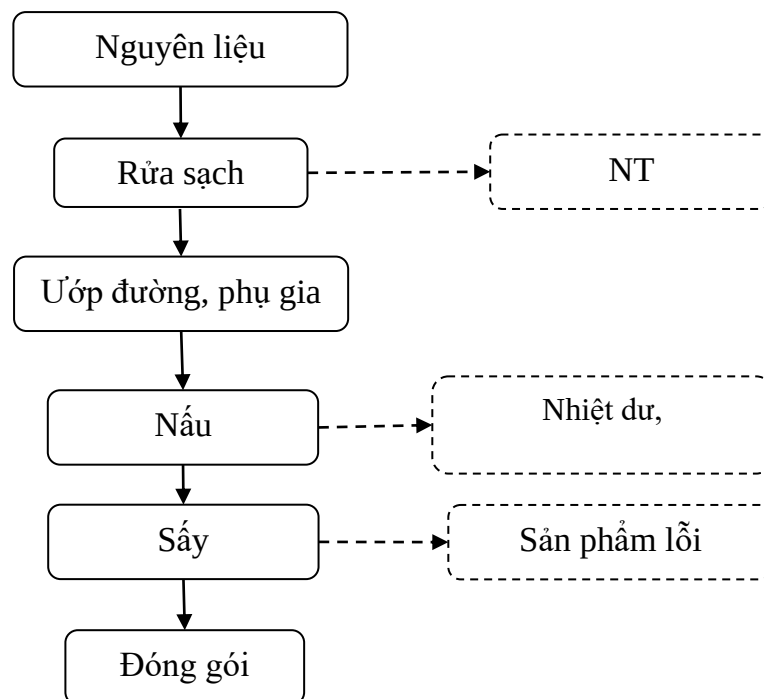
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành của dự án

1.4.1. Quy trình sản xuất bột gạo, bột đậu xanh



Hình 1.3. Quy trình sản xuất bột gạo, bột đậu

1.4.1. Quy trình sản xuất mứt



Hình 1.3. Quy trình sản xuất mứt

1.4.4. Quy trình cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hoá

Vị trí cho thuê được thể hiện trên mặt bằng quy hoạch tổng thể được đính kèm tại phụ lục báo cáo. Trong quá trình cho thuê, tại nhà xưởng cho thuê sẽ có các hoạt động về bốc dỡ và vận chuyển hàng hóa ra vào nhà máy. Hoạt động này sẽ phát sinh một lượng bụi do các xe vận chuyển gây nên.

Dự án chỉ cho thuê kho bãi để lưu giữ hàng hóa nên sẽ không có lao động làm việc tại mục tiêu này. Vì vậy sẽ không làm phát sinh nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại các dự án vào thuê kho bãi.

Trách nhiệm của đơn vị thuê nhà kho, bãi: trách nhiệm thu gom, thuê xử lý chất thải rắn thông thường và CTNH, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của từng cơ sở, thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường theo quy định.

Đồng thời chủ Dự án cũng cam kết không cho thuê đối với các công ty có hoạt động gây ô nhiễm môi trường cao như: chế biến tinh bột sắn, miến dong, chế biến mủ cao su, sản xuất hoá chất cơ bản, nhuộm, giặt mài, thuốc da, chế biến thủy sản, sản xuất phân bón hoá học, hoá chất bảo vệ thực vật, sản xuất giấy; và các dự án có mạ kim loại, tái chế kim loại thủ công, tái chế nhựa,...theo tinh thần Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Đề tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như sử dụng hiệu quả diện tích đất của Dự án, việc bố trí mặt bằng của Dự án đáp ứng các nguyên tắc chính sau:

+ Bố trí thuận tiện cho hoạt động giữa các hạng mục xưởng sản xuất cũng như các hạng mục khác của Dự án;

+ Bố trí hợp lý các vị trí của các bộ phận trong xưởng sản xuất tạo thuận lợi cho việc phối hợp hoạt động, liên kết giữa các dây chuyền sản xuất và quy trình hoạt động kinh doanh của Dự án;

+ Đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh trong quá trình sản xuất;

+ Tiết kiệm đất xây dựng, các nhà xưởng sản xuất chính được thoáng mát, các công trình phụ trợ như cấp nước, trạm xử lý nước;

+ Đảm bảo quy phạm phòng cháy chữa cháy.

+ Các công trình nhà xưởng sản xuất, nhà kho:

Các công trình nhà xưởng, kho lưu giữ hàng có kết cấu chính bằng khung thép tiền chế, cột dầm mái bằng thép, xà gồ thép hình, mái lợp tôn múi, có lớp cách nhiệt dọc theo mái bằng vật liệu cách nhiệt.

Nền nhà xưởng sản xuất đổ bê tông đá dăm xoa nhẵn mặt, trên sơn phủ.

Phòng điều hành quản lý.....lát gạch ceramic, nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn và ốp tường bằng gạch men kính cao 2 m.

Tường nhà xây gạch cao 4 m, phía trên có treo tôn với hệ khung sườn thép. Trát tường trong và ngoài bằng vữa xi măng mác 50, lăn sơn.

Các cửa sổ của nhà sản xuất bằng kính khuôn nhôm sơn tĩnh điện, các cửa đi phục vụ sản xuất bằng cửa đẩy khung thép bít tôn, các cửa đi cho các phòng làm việc bằng kính khuôn nhôm sơn tĩnh điện.

Toàn bộ các đường ống điều không thông gió, hệ thống trần nhà đều được treo trên hệ khung dầm mái nên trong thiết kế được tính toán để đảm bảo khả năng chịu tải của dầm.

+ Công trình nhà văn phòng.

Đây là công trình dành cho hoạt động văn phòng, quản lý toàn bộ hệ thống hoạt động của công ty, bao gồm các phòng ban lãnh đạo kết hợp với phòng hội họp, phòng kỹ thuật, kế toán, khu tiếp khách, sảnh đón . . .

Kiến trúc của nhà điều hành được thiết kế một cách vững chắc, đơn giản, sử dụng hệ khung cột bê tông cốt thép toàn khối và tường bao 220 chống nóng và thấm cho nhà, mặt trước công trình được thiết kế toàn bộ là hệ thống vách kính tạo vẻ đẹp thẩm mỹ cho nhà điều hành, đồng thời công trình cũng tạo điểm nhấn cho nhà máy.

+ Các công trình phụ trợ: Công trình có kết cấu chính bằng khung thép tiền chế, cột dầm mái bằng thép, xà gồ thép hình, mái lợp tôn múi, có lớp cách nhiệt dọc theo mái bằng vật liệu cách nhiệt. Tường nhà xây gạch mác 75, trát trong và ngoài bằng vữa XM mác 50, lăn sơn. Cửa đi, cửa sổ bằng kính khuôn nhôm sơn tĩnh điện. Nền đổ bê tông đá dăm xoa nhẵn mặt và sơn phủ bề mặt.

1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Do thời gian hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đền bù và giải phóng mặt bằng bị chậm nên tiến độ thực tế của dự án không đủ đáp ứng theo tiến độ theo Quyết định chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện dự án như sau:

+ Từ tháng 10/2017 đến tháng 01/2025: Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đền bù, san lấp và giải phóng mặt bằng;

+ Từ tháng 02/2025 đến tháng 07/2026: Xây dựng các hạng mục công trình

+ Từ tháng 08/2026 đến tháng 09/2026: Lắp đặt máy móc, thiết bị, đưa một phần dự án đi vào hoạt động

+ Từ tháng 10/2026: Hoàn thiện tất cả các hạng mục công trình, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.6.2. Vốn đầu tư

- Nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 55.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi năm tỷ đồng). Trong đó:

+ Vốn góp để thực hiện dự án: 25.000.000.000 triệu đồng (bằng chữ: Hai mươi năm tỷ đồng), chiếm 45,45% tổng vốn đầu tư;

+ Vốn vay: 30.000000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng), chiếm 54,55% tổng vốn đầu tư.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên cụ thể như sau:

Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án

STT	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG
I	Lao động gián tiếp	
1	Giám đốc	1
2	Phó giám đốc	2
3	Phòng hành chính- kế toán	5
4	Phòng kinh doanh	8
II	Lao động trực tiếp	
1	Công nhân	39
2	Lái xe	5
3	Bảo vệ	10
	Tổng cộng	70

Chế độ làm việc 8 giờ/ca, từ thứ 2 đến thứ 7. Thời gian làm việc tối đa cho 1 ngày là 3 ca.

**Chính sách tuyển dụng lao động và đào tạo:*

Doanh nghiệp ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương, những đối tượng lao động thuộc hàng lao động phổ thông sẽ được đào tạo để phù hợp với những vị trí làm việc theo sự phân công của Ban Giám đốc Dự án.

Chương 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa chất

a. Vị trí địa lý

Huyện Văn Lâm là một trong các vùng kinh tế động lực quan trọng của tỉnh Hưng Yên. Toàn huyện có 10 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là 75,24 km², dân số tính đến năm 2020 của huyện có 135.766 người. Trên địa bàn có các sông nhỏ như: sông Bún, sông Từ A, Từ B, sông Bần Vũ xá, sông Như Quỳnh chảy qua. Tọa độ địa lý nằm trong khoảng 20⁰53’ đến 20⁰58’ vĩ độ Bắc từ 106⁰02’ đến 106⁰10’ kinh độ Đông.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh,
- Phía Nam giáp huyện Yên Mỹ, thị xã Mỹ Hào,
- Phía Đông giáp tỉnh Hải Dương,
- Phía Tây giáp huyện Văn Giang, thành phố Hà Nội.

Trên địa bàn huyện Văn Lâm có hệ thống các tuyến giao thông quan trọng gồm: QL.5A, 5B, 39A, ĐT.385, tỉnh lộ 199, 200, 206, 206B, 207, 209, cùng hệ thống giao thông liên thôn, xã và đường nội đồng. Mạng lưới giao thông chạy qua địa bàn huyện có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của huyện. Với vị trí địa lý thuận lợi tạo nhiều lợi thế phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Vị trí trên cũng đem lại cho Văn Lâm lợi thế có thị trường tiêu thụ rộng rãi, có khả năng trao đổi nông sản, hàng hóa với các tỉnh Đồng bằng châu thổ sông Hồng.

b. Địa chất công trình

Khu vực nghiên cứu quy hoạch là khu đất hiện đang là khu đất nông nghiệp. Địa chất khu đất xây dựng không có sự biến động nhiều nên ít tổn kém về biện pháp xử lý nền móng, thuận lợi khi bố trí thoát nước mặt và nước thải.

Đặc điểm địa hình, địa mạo khu vực dự kiến xây dựng mang những nét đặc trưng của vùng đồng bằng Sông Hồng, kiểu địa hình tích tụ, nguồn gốc sông, biển, hồ, đầm lầy và hỗn hợp. Bề mặt địa hình thấp và tương đối bằng phẳng. Thành tạo nên địa hình này là các trầm tích đệ tứ: sét, sét pha, cát pha, cát và đất nhân sinh

Cột địa tầng tổng hợp đến độ sâu khoan từ trên xuống dưới trong khu khảo sát lân cận bao gồm các lớp:

- Lớp 1. Đất ruộng thành phần phần chủ yếu là đất sét pha, lẫn tạp chất. Chiều dày từ 0,2-0,4m;
- Lớp 2. Sét pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo mềm. Chiều dày từ 1,4-1,8 m;
- Lớp 3. Cát mịn, màu xám vàng, xám đen, trạng thái xốp. Chiều dày từ 15,7-16,2 m;
- Lớp 4. Sét pha, màu xám nâu, xám ghi, trạng thái dẻo chảy. Chiều dày từ 1,7-2,9 m;
- Lớp 5. Sét pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo cứng. Chiều dày từ 2,6-5,1 m;
- Lớp 6. Sét, màu xám đen, trạng thái dẻo mềm. Chiều dày từ 1,7-2,2m;

Với các đặc điểm cơ bản của đất và cường độ chịu tải cho phép, khi đầu tư xây dựng công trình cụ thể cần tính toán cụ thể tải trọng công trình để chọn giải pháp nền - móng, bề rộng móng, chiều sâu chôn móng, kết cấu móng, tính toán các vấn đề sức chịu tải và biến dạng của đất nền (*độ lún cho phép, mức độ lún lệch của công trình*). Trước khi chọn giải pháp nền, móng, kết cấu cho công trình cần luận chứng đầy đủ cả về kỹ thuật, kinh tế và điều kiện thi công.

Hiện trạng tài nguyên quý hiếm không có.

2.1.1.2. Điều kiện về khí tượng

Cũng như các tỉnh khác thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, Hưng Yên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai hướng gió chủ đạo Đông Bắc và Đông Nam, có 4 mùa rõ rệt với 4 kiểu thời tiết đặc trưng: mùa xuân ấm áp, mùa hè nắng nóng, mùa thu mát mẻ và mùa đông lạnh giá.

✓ Chế độ mưa:

Tổng lượng mưa trung bình năm tại Hưng Yên dao động trong khoảng 1.500mm-1.600mm. Lượng mưa trong những tháng mùa mưa trung bình từ 1.200 mm đến 1.300 mm, bằng 80-85% tổng lượng mưa năm tại Hưng Yên.

Mùa khô lượng mưa trung bình từ 200-300 mm chiếm khoảng 15-20% tổng lượng mưa năm. Số ngày mưa trong năm trung bình khoảng 140-150 ngày, trong đó số ngày mưa nhỏ, mưa phùn chiếm khoảng 60- 65 ngày.

Ngoài ra, ở Hưng Yên còn xuất hiện mưa giông, thường là những trận mưa lớn đột xuất kèm theo gió lớn và giông sét. Mưa giông xuất hiện từ tháng 2 đến tháng 11 và tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 9.

Bảng 2.1. Lượng mưa trung bình các tháng trong năm

(Đơn vị:mm)

Tháng	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	25,6	26,9	121,5	1,4	83,4
Tháng 2	9,7	17,1	25,9	62,1	5,8

Báo cáo ĐTM của dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi”

Tháng 3	32,3	31,0	68,1	118,3	49,7
Tháng 4	82,8	204,3	80,6	163,8	119,6
Tháng 5	236,3	155,4	59,8	149,9	206,5
Tháng 6	75,4	92,9	70,4	250,6	211,4
Tháng 7	569,9	63,1	26,2	312,3	367,1
Tháng 8	429,6	541,6	365,8	150,1	328,2
Tháng 9	114,2	153,3	149,5	585,8	166,6
Tháng 10	127,9	198,2	289,3	337,1	8,7
Tháng 11	55,8	55,5	60,9	8,9	2,1
Tháng 12	59,8	6,9	8,4	3,8	41,8
Tổng số	1.819,3	1.546,2	1.326,4	2.144,1	1.590,9

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên).

✓ Chế độ nắng:

Thời gian chiếu sáng trung bình nhiều năm khoảng 1.540-1.550 giờ.

Mùa nóng từ tháng 5 – 10, số giờ nắng chiếm khoảng 1080-1100 giờ. Mùa lạnh từ tháng 11 – 4 năm sau số giờ nắng chiếm khoảng 500-520 giờ.

Số giờ nắng tháng cao nhất tuyệt đối 268 giờ. Số giờ nắng tháng thấp nhất tuyệt đối 6,8 giờ.

Bảng 2.2. Số giờ nắng các tháng trong năm

(Đơn vị: giờ)

Tháng	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 1	51,6	22,9	25,5	57,2	69,1
Tháng 2	74,1	37,2	82,0	58,9	90,3
Tháng 3	28,6	78,3	30,9	33,1	15
Tháng 4	82,5	71,0	95,9	52,0	63,8
Tháng 5	160,2	241,7	117,1	178,9	211,2
Tháng 6	137,7	178,4	184,3	247,2	183,8
Tháng 7	110,1	137,1	168,5	203,6	212,5
Tháng 8	121,8	120,6	147,9	144,8	165,9
Tháng 9	135,7	160,6	193,5	130,8	143,6
Tháng 10	112,7	152,9	141,5	103,7	95,7
Tháng 11	64,3	146,9	130,3	127,4	122,4
Tháng 12	72,4	99,3	141,7	92,8	109,6
Tổng	1.151,7	1.446,9	1.459,1	1.430,4	1.482,9

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021)

Trong năm 2022, số giờ nắng cao nhất vào tháng 6,7, với 4-6 đợt nắng (kéo dài từ 02 ngày trở lên) và một số ngày riêng lẻ do ảnh hưởng của rìa Nam rãnh áp thấp nối với vùng áp thấp nóng phía Tây kết hợp với hiệu ứng phon. Số giờ nắng giảm dần về các tháng cuối năm (Theo: Bản tin dự báo khí tượng thủy văn các tháng trong năm 2022 của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hưng Yên).

✓ Nhiệt độ:

Nhiệt độ trung bình nhiều năm của Hưng Yên là 23,2°C phân bố khá đồng đều trên địa bàn tỉnh.

Mùa hè nền nhiệt độ trung bình nhiều năm	:27,3°C.
Mùa đông nền nhiệt độ trung bình nhiều năm	:19,1°C.
Tổng nhiệt trung bình năm	:8.400-8.500°C.
Tổng nhiệt trung bình mùa nóng	:4.800-5.000°C.
Tổng nhiệt trung bình mùa lạnh	:3.300-3.500°C.

Bảng 2.3. Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm

(Đơn vị: °C)

Tháng	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	17,6	17,6	19,3	16,3	16,1
Tháng 2	17,0	22,2	19,6	20,6	16,6
Tháng 3	22,0	22,2	22,7	22,4	18,9
Tháng 4	23,8	27,0	21,9	25,5	24,1
Tháng 5	28,7	27,9	29,2	29,4	27,7
Tháng 6	30,2	31,4	31,5	31,3	28,3
Tháng 7	29,2	30,8	31,2	30,3	29,2
Tháng 8	28,5	29,1	28,9	30,2	28,2
Tháng 9	28,2	28,7	28,9	28,3	27,4
Tháng 10	25,5	25,9	23,9	23,9	24,1
Tháng 11	23,6	22,6	22,9	21,8	16,7
Tháng 12	19,3	18,8	18,3	18,3	16,6
Bình quân năm	24,5	25,3	24,9	24,8	24,2

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 202 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên 1)

✓ Độ ẩm:

Độ ẩm trung bình năm từ 80-90%.

Độ ẩm cao nhất trong năm xuất hiện vào tháng 2.

Độ ẩm nhỏ nhất trong năm xuất hiện vào tháng 11 và tháng 12.

Bảng 2.4. Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong năm

(Đơn vị: %)

Tháng	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	85	85	86	73	74
Tháng 2	77	86	86	82	84
Tháng 3	84	86	90	87	80
Tháng 4	84	85	87	88	87
Tháng 5	80	84	81	81	81
Tháng 6	77	77	73	75	79
Tháng 7	83	77	77	81	75
Tháng 8	88	85	86	81	75
Tháng 9	83	75	74	84	81
Tháng 10	82	81	81	83	85
Tháng 11	86	81	80	76	85
Tháng 12	85	78	74	74	79
TB tháng	83	82	81	80	80

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên).

✓ Bốc hơi:

Lượng bốc hơi phụ thuộc rất nhiều vào chế độ nắng và gió trên địa bàn Hưng Yên. Tổng lượng bốc hơi theo trung bình nhiều năm là 8.730 mm, lớn nhất tuyệt đối 144,9mm, nhỏ nhất tuyệt đối 20,8mm.

✓ Gió:

Hưng Yên có 2 mùa gió chính: mùa Đông có gió mùa Đông Bắc, thịnh hành từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau. Mùa hè có gió Đông Nam thịnh hành từ tháng 3 đến tháng 7.

Gió Đông Nam chiếm ưu thế trong năm, sau đó là gió bắc. Các hướng khác chỉ xuất hiện đan xen nhau với tần xuất thấp không thành hệ thống.

Tốc độ gió cực đại thống kê được ở Hưng Yên là 40m/s, hướng thổi Tây Nam.

✓ Mưa bão:

Hưng Yên là một tỉnh nằm sâu trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, không có diện tích tiếp giáp với biển nên hàng năm bão và áp thấp nhiệt đới hầu như không đổ bộ trực tiếp vào vùng này như các tỉnh tiếp giáp biển, nhưng ảnh hưởng về mưa do bão gây ra là rất lớn. Lượng mưa do bão gây nên tại Hưng Yên chiếm tới 15-20% tổng lượng mưa năm.

Mùa bão bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc tháng 11, nhưng ảnh hưởng với tần suất lớn nhất trong các tháng 7, 8 và 9.

2.1.1.3. Điều kiện thủy văn

Sông ngòi huyện Văn Lâm là sông trong đồng thuộc hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải. Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải được xây dựng từ năm 1958. Vùng Bắc Hưng Hải của tỉnh Hưng Yên, phần lớn tỉnh Hải Dương, một phần tỉnh Bắc Ninh và TP Hà Nội, nằm giữa các sông Hồng (phía Tây), sông Đuống (phía Bắc), sông Thái Bình (phía Đông), sông Luộc (phía Nam), trong phạm vi các vĩ độ $20^{\circ}30' - 21^{\circ}07'$ và các kinh độ $105^{\circ}50' - 106^{\circ}36'$. Vùng có hình tứ giác, mỗi chiều khoảng 50-70 km, diện tích 2.002,3 km², dân cư đông đúc, nhiều đô thị và khu công nghiệp lớn. Đây là hệ thống thủy lợi lớn nhất của đồng bằng bắc bộ nước ta.

Nước tưới được lấy từ sông Hồng chủ yếu qua cống Xuân Quan (rộng 19m, 4 khoang cửa, lưu lượng 75m³/s). Sông ngòi huyện Văn Lâm là các trục tưới tiêu rất quan trọng trong hệ thống tưới tiêu của tỉnh, bao gồm: Kim Sơn, Cừ An, Quảng Lăng, Tây Kê Sắt...

Sông Kim Sơn: Còn gọi là sông Chính Bắc, từ cống Xuân Quan đến Âu Thuyền cầu Cát, sông dài 60 km là trục tưới chính cho hệ thống và cùng với sông Đình Đào là trục tiêu chính phía Bắc cho hệ thống sông Bắc Hưng Hải.

Sông Quảng Lăng: là đoạn sông khá dài và nhỏ được nối từ sông Kim Sơn đến sông Cừ An, dài 47 km là sông dẫn nước chủ yếu cho vùng phía Tây huyện Văn Lâm bao gồm 14 xã.

Sông Tây Kê Sắt: là con sông khá rộng và sâu nối sông Kim Sơn và sông Cừ An. Là con sông dẫn nước tưới quan trọng, lấy nước từ sông Kim Sơn qua cống Tranh tưới cho khu Bình Giang – Bắc Thanh Miện, Đông Nam Cừ An và một phần khu Tây Nam Cừ An.

Sông Cừ An: là sông chính Nam của hệ thống từ Sài Thị đến Cự Lộc, là trục tiêu chính Nam hiện nay.

2.1.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội

2.1.2.1. Điều kiện về kinh tế, xã hội huyện Văn Lâm

a) Điều kiện về kinh tế huyện Văn Lâm

- Lĩnh vực Công nghiệp, TTCN và Thương mại và Dịch vụ:
- + Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp: Dự ước quý I năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản xuất chế biến thực phẩm tăng 2,46%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 7,21%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 11,69%; sản xuất kim loại tăng 8,43%; sản xuất sản phẩm

từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 11%; sản phẩm bằng plastic tăng 6,68%.

+ Thương mại và Dịch vụ: Quý I/2024 lượng hàng hoá đa dạng về mẫu mã và chủng loại, giá cả ổn định theo từng nhóm thiết yếu đã cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Lĩnh vực Nông nghiệp:

+ Trồng trọt: Tổ chức thành công lễ phát động tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác xuân Giáp Thìn năm 2024 tại nhà văn hoá xã Lương Tài. Toàn huyện cơ bản hoàn thành gieo cấy vụ Xuân (Đúng lịch thời vụ của tỉnh). Tổng diện tích gieo cấy vụ Xuân năm 2024 là 2.095,79 ha giảm 1% (20,71 ha) so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích lúa là 1.805,05 ha giảm 1,7% (30,46 ha); diện tích rau màu các loại là 290,74 ha tăng 1,03% (9,75 ha); diện tích nông dân bỏ ruộng, không canh tác là 31,5ha, giảm 55,81ha so với vụ xuân 2023. Đã mua và cung ứng 38.366kg/60.000 kg đạt 64 % kế hoạch năm, cụ thể các giống như sau: Nếp thơm Hưng Yên là 5.872kg, Tiền Hải 1 là 4.515kg, TBR225 là 24.748kg, Hana số 7 là 1.686kg và N91 là 1.545kg.

+ Chăn nuôi: Tập trung triển khai, thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản vụ Xuân - Hè năm 2024; kế hoạch triển khai thực hiện tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi.

+ Công tác thủy lợi nội đồng: Thực hiện nạo vét thủy lợi Đông Xuân năm 2023-2024 trên địa bàn huyện được 90.652m³ /90.652m³ , đạt 100% kế hoạch giao.

- Lĩnh vực tài chính tiền tệ:

+ Qua 3 tháng tổ chức, triển khai thực hiện, đến nay tổng thu NSNN trên địa bàn huyện thực hiện là 1.695,663 tỷ đồng đạt 46,39% kế hoạch (cùng kỳ năm 3 2023 thực hiện 1.914,997 tỷ đồng), trong đó thu ngân sách theo kế hoạch giao thực hiện 982,695 tỷ đồng đạt 30,10% kế hoạch giao (năm 2023 thực hiện 1.391,647 tỷ đồng).

+ Tổng chi ngân sách nhà nước thực hiện là 177,051 tỷ đồng đạt 13,77% kế hoạch giao (cùng kỳ năm 2023 thực hiện 208,525 tỷ đồng). Nhìn chung các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện tốt trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Công tác quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị:

Đã triển khai thực hiện 15 cuộc kiểm tra trật tự xây dựng, cấp 10 giấy phép xây dựng và 06 cuộc kiểm tra chất lượng công trình xây dựng; đồng thời chấp thuận 05 phương án giải phóng mặt bằng, 06 mặt bằng Quy hoạch tổng thể, thẩm định 03 phương án kiến trúc dự án hạ tầng khu dân cư; thông báo vị trí 05 dự án do UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư.

b. Điều kiện về xã hội huyện Văn Lâm

- Văn hóa và thông tin: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mừng Đảng, mừng Xuân. Triển khai Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số huyện Văn Lâm năm 2024; Kế hoạch " Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy giá trị văn hóa, con người Hưng Yên góp phần xây dựng quê hương, giàu đẹp, văn minh". Huyện được công nhận thêm 01 bảo vật quốc gia: Bia "Đại bi Diên Minh tự bi" tại xã Lạc Đạo (Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng huyện Văn Lâm lần thứ VI năm 2024, đồng thời thành lập các đội tuyển các môn thi đấu tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh. Tập trung chỉ đạo các trường sơ kết học kỳ I, triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II năm học 2023- 2024. Tham mưu với UBND huyện thành lập Hội đồng tự đánh giá và hoàn thiện các bước việc thực hiện nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh với đề tài: “Nghiên cứu xây dựng mô hình điểm trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm trên địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” và hoàn thành báo cáo nghiệm thu cấp tỉnh. Tổ chức kỳ thi chọn học sinh 6 giỏi khối lớp 9 cấp huyện và tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh, kết quả đoạt 51 giải, trong đó đạt 02 giải nhất (Tiếng anh, Lịch sử), 10 giải nhì, 15 giải ba, 24 giải khuyến khích; Tham dự cuộc thi "Thấp sáng tài năng xứ nhãn" tỉnh Hưng Yên năm 2024 đạt giải nhất. Tham dự vòng chung kết (trực tuyến chặng 2) cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” cấp quốc gia. Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi (cấp Tiểu học, THCS) cấp huyện năm học 2023-2024.

- Lĩnh vực Y tế-Dân số KHHGĐ - Công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, được tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên được quan tâm. Triển khai kế hoạch đảm bảo An toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa lễ hội xuân năm 2024. Thành lập 01 đoàn kiểm liên ngành đảm bảo công tác an toàn thực phẩm huyện; đồng thời đôn đốc các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện và thành lập được 11 đoàn kiểm tra các xã, thị trấn. Phối hợp với đoàn kiểm tra BCD 389 kiểm tra được 10 cơ sở (trong đó 02 cơ sở sản xuất, chế biến, 03 cơ sở kinh doanh thực phẩm, 05 cơ sở dịch vụ ăn uống; ký 10 bản kết với cơ sở); cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều ATTP 04 cơ sở (trong đó Y tế: 01 cơ sở; Nông nghiệp: 03 cơ sở). Thành lập 01 đoàn kiểm tra liên ngành hành nghề y, được tư nhân của huyện, tiến hành kiểm tra được 06 cơ sở (trong đó 02 cơ sở kinh doanh dược, 04 cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh), tạm dừng hoạt động 03 cơ sở rằng chưa có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

*(Nguồn: Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quý I và phương
hướng, nhiệm vụ quý II năm 2024 - UBND huyện Văn Lâm)*

2.1.2.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội xã Chỉ Đạo

a. Điều kiện về kinh tế xã Chỉ Đạo

Ngay từ đầu năm Đảng ủy- HĐND, UBND, các ban ngành, đoàn thể, lãnh đạo các thôn đã chỉ đạo và quyết tâm cao cho công tác sản xuất vụ Chiêm xuân. Triển khai các cơ chế của cấp trên về hỗ trợ giống lúa, hỗ trợ công tác diệt chuột để nhân dân yên tâm sản xuất. Đặc biệt quan tâm chỉ đạo gieo cấy đúng thời vụ. Song, do diễn biến phức tạp của thời tiết việc gieo cấy bị chậm so với lịch thời vụ khoảng 07 ngày.

Chăn nuôi: Tổng số đàn lợn tính đến hết tháng 5 là 927 con (cùng kỳ năm 2021 là 883 con), tăng 44 con. Ước thực thu từ chăn nuôi là 11.684.100.000 đồng (cùng kỳ năm 2021 là 9.652.320.000 đồng), tăng 2.031.780.000 đồng.

Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá thực tế) ước đạt 30.227.100.000 đồng, (cùng kỳ năm 2021 là 26.591.020.000 đồng), tăng 3.636.080.000 đồng.

*** Công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp, ngành nghề trên địa bàn xã 5 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nhất là giai đoạn 3 tháng đầu năm 2022 đã ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và sản xuất của các doanh nghiệp.. Thu nhập từ công nghiệp, ngành nghề ước đạt 166.500.000.000 đồng, (cùng kỳ năm 2021 là 136.500.000.000 đồng), tăng 30.000.000.000 đồng.

*** Thương mại, dịch vụ**

Các điểm bán hàng, các dịch vụ không thiết yếu bị ngừng hoạt động nhiều ngày để phòng chống dịch, các dịch vụ thương mại vẫn duy trì. Xã có 2 chợ là chợ thôn Chùa, chợ Cổ Ngựa ở thôn Hoàng Nha và các hàng quán buôn bán dịch vụ ở 6 thôn đang hoạt động thường xuyên có hiệu quả đã cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Hoạt động vận tải hàng hóa tiếp tục duy trì. Tổng giá trị từ thương mại dịch vụ, thu khác 5 tháng đầu năm ước đạt 176.200.000.000 đồng, tăng 27.700.000.000 đồng so với cùng kỳ năm 2021.

b. Điều kiện văn hóa xã hội xã Chỉ Đạo

Đầu năm học do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, các em học sinh được nghỉ học ở nhà để phòng chống dịch, các nhà trường tổ chức học trực tuyến cho các em học sinh đảm bảo theo quy định. Chất lượng đội ngũ giáo viên được nâng lên; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát các hoạt động giáo dục, đặc biệt công tác phòng chống dịch Covid -19 trong các nhà trường.

*** Công tác y tế**

Đầu năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp. Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ; Công văn

số 552/UBND-KGVX ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên, về tổ chức hiệu quả các hoạt động kinh tế-xã hội trong tình hình mới.

** Công tác văn hóa, thông tin và thể thao*

Tổ chức tốt các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hoá-văn nghệ, thể dục thể thao, treo cờ, băng zôn mừng Đảng, mừng xuân Nhâm Dần, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, huyện. Đặc biệt tập trung tuyên truyền công tác phòng chống dịch Covid-19, phong trào xây dựng Nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu...đã in ấn được 32 băng zôn, biển tuyên truyền và chạy băng điện tử tại cổng UBND xã. Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, UBND xã đã quán triệt đến các thôn tổ chức lễ hội truyền thống không tổ chức phần hội, chỉ tổ chức phần lễ đảm bảo an toàn, tiết kiệm.

(Nguồn: Báo cáo tình kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2022).

2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

2.2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường

Để phục vụ cho việc lập báo cáo ĐTM của Dự án *Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi*, Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu môi trường không khí, môi trường nước, mẫu đất để phân tích và đánh giá môi trường nền khu vực thực hiện dự án vào ngày 16/11/2024. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

2.2.2.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy 04 mẫu không khí xung quanh khu đất dự án để đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh, kết quả phân tích được thể hiện tại phụ lục báo cáo

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích 04 mẫu không khí xung quanh khu vực thực hiện dự cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

2.2.2.2. Chất lượng môi trường nước

****) Phương án tiêu thoát nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận***

Nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của dự án là mương nước mặt khu vực thực hiện dự án. Theo khảo sát thực tế tại dự án thời gian qua cho thấy khu vực dự án không xảy ra tình trạng ngập úng, từ đó cho thấy khả năng tiêu thoát nước của khu vực tương đối tốt. Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động, lượng nước thải phát sinh có thể gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận. Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sẽ được thu gom triệt để và xử lý đạt giới hạn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, ngoài ra cần thường xuyên khơi thông dòng chảy tránh gây ngập úng cục bộ.

****) Đánh giá sơ bộ sức chịu tải môi trường khu vực dự án***

Qua kết quả khảo sát, phân tích chất lượng môi trường khu vực dự án có thể thấy môi trường không khí, đất khu vực dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm, chất lượng môi trường nước mặt tại vị trí quan trắc có dấu hiệu bị ô nhiễm. Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động, chủ dự án sẽ xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại dự án đạt QCDP 01:2019/HY trước khi thải ra ngoài môi trường. Nên môi trường nước mặt khu vực dự án vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải của dự án.

Xung quanh dự án là đường giao thông và đất công nghiệp. Việc bố trí đầu tư dự án vào vị trí này là phù hợp với quy định của tỉnh Hưng Yên nói chung và quy hoạch của huyện Văn Lâm nói riêng. Tuy nhiên, nhiệm vụ xử lý chất thải là rất quan trọng dự án phải quan tâm thực hiện đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

Dự án thuộc loại hình Kinh doanh và chế biến lương thực, thực phẩm; xây dựng nhà xưởng, kho, bãi ngoài trời cho thuê. Nên lượng nước thải phát sinh là không lớn, chủ yếu là nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công, nhân viên làm việc trong công ty và hoạt động nấu ăn ca. Do vậy, dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 8 m³/ngày, đảm bảo đạt tiêu chuẩn của QCDP 01:2019/HY ($K = 1,2$; $K_{hy} = 0,85$) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nên tác động của nước thải phát sinh từ dự án tới môi trường tiếp nhận là không đáng kể.

2.2.1.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy mẫu không khí xung quanh khu đất dự án để đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh,

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích 04 mẫu không khí xung quanh khu vực thực hiện dự án cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

2.2.2. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật

Kết quả khảo sát sinh học của đơn vị tư vấn cho thấy xung quanh khu vực dự án không có loài động, thực vật nào quý hiếm sinh sống.

Thực vật chủ yếu là cây cỏ dại, cây nhãn của các hộ dân trồng xung quanh khu vực dự án.

Động vật tự nhiên bao gồm các loại như chuột, cóc, chim sẻ, chim sâu, chim chích, chào mào, ong, bướm...và các loài côn trùng như gián, ruồi, muỗi, sâu, bọ, giun,...Hiện nay số lượng các loại động vật có xu hướng giảm do hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng và hoạt động sản xuất công nghiệp

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

a, Nhận dạng các đối tượng bị tác động

Các đối tượng bị tác động do hoạt động xây dựng và vận hành của dự án được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2.8. Các đối tượng bị tác động trong khu vực thực hiện dự án

	Nguồn phát sinh chất thải	Các chất thải phát sinh	Các đối tượng bị tác động
Giai đoạn xây dựng	- Hoạt động san nền, đào đắp; vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; - Hoạt động của các phương tiện vận tải và thiết bị cơ giới - Hơi, khí thải từ hoạt động sơn tường. - Sự vận hành của các máy móc thiết bị thi công	- Bụi, khí thải: bụi, CO₂, SO₂, CO, VOC - Phát sinh tiếng ồn.	- Cảnh quan, môi trường không khí dọc tuyến đường vận chuyển; - Tác động đến dân cư dọc tuyến đường vận chuyển
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công	- Nước thải sinh hoạt; - Chất thải rắn sinh hoạt;	- Cảnh quan, môi trường nước; - Ảnh hưởng sức khỏe và sinh hoạt của công nhân;
	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa chảy tràn kéo theo đất đá, rác thải,...	Tác động đến mạng thoát nước – nguồn tiếp nhận
Giai đoạn vận hành	Hoạt động của bốc dỡ nguyên vật liệu, vận chuyển hàng hóa	- Bụi; - Khí thải chứa CO, SO₂, NO_x,... - Tiếng ồn;	- Ảnh hưởng đến các giao thông khu vực
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên	- Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu vực bếp ăn của công ty; - Nước thải sinh hoạt; - Phát sinh CTNH	- Cảnh quan, môi trường nước; - Ảnh hưởng sức khỏe và sinh hoạt của công nhân viên tại công ty;
	Nước mưa chảy tràn	Nước mưa chảy tràn kéo theo đất đá, rác thải,...	Tác động đến môi trường nước mặt (tại nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của dự án)

--	--	--	--

b, Yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

- Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022.

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích là 20.562 m². **Khi diện tích đất lúa bị thu hồi có thể gây ảnh hưởng đến tổng số lao động khoảng 86 người.**

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Khu vực thực hiện dự án nằm trên địa bàn xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm nằm giáp đường tỉnh ĐT.385 nên có vị trí giao thông thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên, vật liệu, hàng hóa.

Môi trường nền tại khu vực thực hiện dự án trong quá trình khảo sát chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm là điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện dự án;

Dự án đi vào hoạt động giải quyết và đáp ứng nhu cầu việc làm cho người dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, phù hợp với Quy hoạch được phê duyệt và định hướng cho sự phát triển của huyện Văn Lâm.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Để thực hiện dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi” cần trải qua 03 giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị
- Giai đoạn thi công xây dựng;
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Mỗi giai đoạn dù ít hay nhiều đều gây ra những tác động tới môi trường, kinh tế xã hội và gây ảnh hưởng tới các đối tượng tại khu vực chịu tác động của Dự án theo nhiều hướng khác nhau. Do đó nội dung chương 3 là đánh giá tác động môi trường đối với mỗi giai đoạn của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội; dự báo các tác động tiêu cực đến môi trường và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường. Các tác động và các biện pháp mà dự án gây ra sẽ được trình bày cụ thể trong các mục dưới đây.

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 20.942 m² đất thuộc xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Trong số đó diện tích đất thu hồi của các hộ dân chủ yếu là đất trồng lúa (20.562 m²).

**) Công tác đền bù giải phóng mặt bằng:*

- Khu đất ban đầu chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, do đó việc bồi thường giải phóng mặt bằng được thực hiện theo các quy định tại Luật Đất đai và các quy định hướng dẫn riêng tại địa phương.

- Với diện tích đất lúa thu hồi sẽ ảnh hưởng đến **khoảng 43 hộ dân, tổng số lao động là khoảng 86 người.**

- Kế hoạch tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng: Chủ dự án phối hợp với Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Văn Lâm, Sở Tài Nguyên và Môi trường tiến hành đo đạc địa chính, điều tra cụ thể nguồn gốc đất, kiểm đếm, lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Chủ dự án ứng trước và cung cấp theo tiến độ trong phương án chi tiết về bồi thường giải phóng mặt bằng được UBND tỉnh phê duyệt và được khấu trừ vào tiền thuê đất theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Quá trình phát quang thăm thực vật: chủ trương để nhân dân có đất thu hoạch toàn bộ lúa trước khi tiến hành san lấp mặt bằng, do đó khu vực thực hiện dự án không phải thực hiện phát quang thăm thực vật.

- Trong tổ chức thực hiện cần lưu ý những vấn đề sau:

+ Hiểu rõ được các chính sách về đền bù giải phóng mặt bằng của nhà nước, ý thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình, nắm bắt được các nội dung công việc, giải thích cho người bị thu hồi đất, để họ có ý thức tự giác thực hiện tốt ngay việc kê khai thiệt hại cho đến khi thực hiện giải toả giao đất cho Dự án theo kế hoạch.

+ Phương án bồi thường phải được xây dựng đầy đủ về các nội dung, cụ thể các chi tiết nhằm giải quyết tốt công tác bồi thường di dân tái định cư và GPMB.

+ Công tác điều tra thống kê đánh giá các thiệt hại phải đầy đủ, chính xác theo các yêu cầu. Phải thật sự công bằng và có đầy đủ chữ ký xác nhận thống nhất về nội dung của cán bộ thực hiện, người bị thiệt hại, đại diện trưởng thôn, tổ tự quản và xác nhận của chính quyền xã.

+ Lập dự toán bồi thường và trình duyệt, tổ chức thanh toán phải đầy đủ đúng trình tự quy định và nhanh chóng, trong đó lưu ý các vấn đề công khai trong từng bước cần thiết.

+ Chú trọng đặc biệt trong việc xây dựng đơn giá bồi thường nhất là giá đất đảm bảo các quy định pháp lý và nhất thiết phải phù hợp thực tế địa phương được đại đa số nhân dân chấp thuận.

**) Tạo mặt bằng kho bãi chứa nguyên vật liệu, máy móc thi công; bố trí hệ thống điện; nước và đường giao thông khu dự án*

Quá trình này cần sử dụng tạm thời diện tích đất khá lớn trong toàn bộ thời gian thi công dự án. Các hoạt động tạo mặt bằng bố trí hệ thống điện; nước; bãi chứa nguyên vật liệu, máy móc thi công và đường giao thông khu dự án gồm: đổ cát san lấp mặt bằng, đào rãnh thoát nước...làm phát sinh lượng bụi, khí thải vào môi trường. Tuy nhiên, lượng máy móc và lưu lượng các chất thải của các hoạt động này là ít và ảnh hưởng cục bộ trong thời gian ngắn.

**) Xây dựng lán trại*

Tác động tới môi trường từ quá trình xây dựng lán trại cho cán bộ công nhân thi công là không đáng kể. Vì lán trại được dựng bằng các vật liệu dễ lắp đặt, đơn giản và thời gian dựng lán ngắn.

**) Tác động tới môi trường tự nhiên*

- *Tác động đến địa hình, địa mạo và cảnh quan khu vực:*

Quá trình dọn dẹp, san ủi mặt bằng khu vực công trình, xây dựng hệ thống lán trại - trụ sở điều hành dự án,... sẽ làm thay đổi bề mặt địa hình, địa mạo và thay đổi

cảnh quan khu vực. Ở đây, diện tích đất hiện trạng chủ yếu là đất lúa nên ảnh hưởng được đánh giá là không lớn.

- Tác động đến môi trường không khí và môi trường vi khí hậu:

Các hoạt động phát sinh bụi, các khí thải và tiếng ồn làm nhiễm bẩn môi trường không khí, môi trường vi khí hậu chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật tư, thiết bị thi công. Tuy nhiên cường độ làm việc giai đoạn này chưa cao, số lượng máy móc, thiết bị ít, các hoạt động phân tán nên có thể đánh giá tác động ở mức không đáng kể.

- Tác động đến môi trường sinh thái:

Theo khảo sát thực tế các hệ sinh thái khu vực xây dựng dự án chủ yếu là đất canh tác cây nông nghiệp, nhìn chung thảm thực vật có thành phần loài kém phong phú, không có các loài thực động vật quý hiếm. Tác động được đánh giá ở mức thấp.

Tuy các động vật hoang dã ở khu vực này rất ít chỉ có một số loài như ếch nhái, rắn, chim chóc... nhưng ít nhiều cũng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án, cụ thể là mất đi nơi cư trú, bị xua đuổi ra xa khu vực công trình, xé nhỏ và làm giảm tính liên tục không gian sống, ảnh hưởng đến sự di chuyển và hoạt động kiếm ăn của chúng.

- Tác động đến môi trường nước:

Sự xáo trộn bề mặt đất và việc chặt bỏ, phát quang thảm thực vật làm tăng lượng các chất rửa trôi từ bề mặt, làm tăng độ đục, các chất hữu cơ và các chất rắn lơ lửng trong nước gây nhiễm bẩn môi trường nước, ảnh hưởng đến các sinh vật thủy sinh. Các nương tưới tiêu ở khu vực xung quanh, tầng nước ngầm và đất khu vực bãi thu gom có thể bị ô nhiễm.

**) Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội*

Hoạt động đền bù, đất giải phóng mặt bằng được thực hiện theo hình thức hỗ trợ trực tiếp kinh phí theo đúng Luật đất đai năm 2013; Nghị định của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất và Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá đền bù, giải phóng mặt bằng nên không tạo xung đột với người được đền bù. Đối với dự án này thì vấn đề di dân, tái định cư không có vì không phải di dời một hộ dân nào đi nơi khác.

Bụi, khí thải phát sinh do thu dọn mặt bằng, xây dựng các khu phụ trợ, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân xây dựng và người dân địa phương. Tuy nhiên, hoạt động tạo mặt bằng bố trí hệ thống điện; nước; bãi chứa nguyên vật liệu, máy móc thi công, đường giao thông khu dự án và xây dựng lán trại cho công nhân diễn ra trong thời gian ngắn, lượng chất thải không đáng kể, tác động mang tính chất tạm thời, cục bộ.

Ngoài ra, trong quá trình dò phá bom mìn có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân xây dựng trên công trường và người dân sống gần khu vực thực hiện dự án.

Đánh giá chung: trong giai đoạn chuẩn bị cho quá trình thi công dự án thì hiện tượng ô nhiễm môi trường chỉ xảy ra cục bộ trong khu vực dự án là chủ yếu. Tác động tới môi trường không khí với tác nhân chính là bụi lơ lửng, bụi nặng, khí CO_x, NO_x, SO₂. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng tổng thể của dự án cũng gây tác động lớn tới môi trường kinh tế- xã hội nếu như không có những biện pháp đền bù, hỗ trợ thích hợp.

Bảng 3.1. Đối tượng và quy mô tác động trong giai đoạn đền bù, bồi thường

Đối tượng chịu tác động	Tác nhân	Quy mô tác động
Vấn đề kinh tế - xã hội	Tranh chấp giữa người dân có quyền lợi liên quan đến dự án với chủ dự án; Ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ dân có quyền lợi liên quan đến dự án	Thời gian: Trung bình Mức độ: Trung bình Phạm vi: Địa phương Loại: Trực tiếp Khả năng xảy ra: Trung bình
	Gia tăng khả năng thất nghiệp đối với người dân không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tìm kiếm công việc mới	Thời gian: Trung bình Mức độ: Trung bình Phạm vi: Địa phương Loại: Trực tiếp Khả năng xảy ra: Thấp

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện

**) Biện pháp trong giai đoạn quy hoạch tổng thể:*

- Xây dựng vùng cách ly giữa dự án và khu dân cư xung quanh.
- Để đảm bảo khoảng cách và vùng cách ly vệ sinh, dự án đã thực hiện quy hoạch hành lang cách ly với dân cư xung quanh, che chắn tạm thời bằng bạt để giảm thiểu bụi phát sinh.

- Toàn bộ lúa của người dân được thu hoạch trước khi dự án tiến hành san lấp nhằm hạn chế thiệt hại và phát thải từ quá trình chuẩn bị mặt bằng.

**) Chính sách về bồi thường thiệt hại:*

- Công tác thực hiện bồi thường đất thu hồi của Dự án được thực hiện dựa trên các quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại của trung ương và địa phương. Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước địa phương như UBND xã Chỉ Đạo, UBND huyện Văn Lâm và UBND tỉnh Hưng Yên để thực hiện các chương trình bồi thường thỏa đáng theo quy định của nhà nước như:

- + Tổ chức các cuộc tiếp xúc với các hộ dân có đất bị thu hồi phục vụ cho dự án.

- + Lấy ý kiến cộng đồng, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của người dân.
- + Xem xét các đề nghị và ra quyết định ban hành quy định về bồi thường.

Đến nay các hộ dân đều hoàn toàn đồng thuận và giao toàn bộ đất cho Công ty để tiến hành công việc san lấp hoàn thiện.

**Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với người lao động*

Đối với các gia đình nằm trong khu vực bị thu hồi đất có nhu cầu làm việc, nhà máy bố trí làm việc tại xưởng sản xuất của hộ gia đình trong làng nghề đã hoạt động, tiến tới đào tạo nâng cao tay nghề để người lao động vào làm việc tại công ty khi nhà máy chính thức đi vào hoạt động.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng của dự án

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

3.2.1.1. Các nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

- Ô nhiễm do khí thải như: CO₂, CO, SO₂, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (xăng, dầu DO).
- Ô nhiễm tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, các máy móc và phương tiện thi công trên công trường.
- Ô nhiễm bụi từ quá trình thi công xây dựng.
- Ô nhiễm nhiệt từ quá trình thi công gia cố nhiệt, từ các phương tiện giao thông vận tải.
- Nước thải sinh hoạt do công nhân xây dựng, tuy nhiên nước thải loại này thường có lưu lượng không lớn, gây ô nhiễm cục bộ và chỉ trong giai đoạn thi công.
- Nước thải thi công trong giai đoạn thi công xây dựng, nước thải thi công thường có lưu lượng lớn, gây ô nhiễm cục bộ và chỉ trong giai đoạn thi công.
- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng Dự án sẽ cuốn theo đất cát và các chất ô nhiễm xuống hệ thống kênh mương xung quanh Dự án.
- Ô nhiễm chất thải rắn từ các hoạt động xây dựng: chủ yếu là đất đá thải, sắt vụn, gỗ cốt pha và chất thải rắn sinh hoạt với số lượng nhỏ của lực lượng công nhân tham gia thi công.

Bảng 3.2. Nguồn phát sinh và đối tượng chịu tác động trong giai đoạn xây dựng

Stt	Các nguồn gây tác động	Loại chất thải và đặc tính	Môi trường bị tác động
1	Hoạt động san nền, đào đắp; vận chuyển máy móc trang thiết bị thi công, sản xuất và nguyên vật liệu xây dựng	Tiếng ồn, bụi, đất đá	Môi trường không khí

2	Xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án: văn phòng, nhà kho, xưởng sản xuất, nhà ăn ca; đường giao thông và các công trình phụ trợ khác	Tiếng ồn, bụi, khói hàn, chất thải xây dựng	Môi trường không khí Sức khỏe công nhân
3	Hoạt động thi công xây dựng Sinh hoạt ăn ở của công nhân	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công	Môi trường nước
4	Quá trình lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.	Tiếng ồn, bụi, chất thải rắn	Môi trường không khí Môi trường đất

a, Các nguồn gây tác động đối với môi trường không khí

** Nguồn gốc phát sinh bụi, khí thải:*

- Bụi phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san lấp mặt bằng;
- Quá trình vận chuyển các nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công làm rơi vãi nguyên vật liệu, và bụi cuốn theo phương tiện vận chuyển;
- Bụi, khí thải phát sinh khi các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công đốt cháy nhiên liệu;

Lượng bụi phát sinh biến động, thay đổi tùy thuộc theo hướng gió, tốc độ gió, nhiệt độ và độ ẩm không khí.

** Bụi, khí thải từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san nền*

Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, bụi phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật: Quá trình phát quang thảm thực vật chủ yếu là phát quang cây bụi. Đối với các cây hoa màu, cây ăn quả được người dân khai thác trước khi thu hồi đất. Do đó lượng bụi phát sinh không đáng kể.

+ Bụi từ quá trình đào đất, san nền

Trước khi san nền cần tiến hành dọn dẹp mặt bằng và bóc lớp hữu cơ trên bề mặt, chiều dày bóc hữu cơ trung bình là 0,2 m. Khu đất thủy lợi sẽ bóc lớp bùn đáy đất thủy lợi trước khi đắp nền, chiều dày bóc bùn đất thủy lợi trung bình là 0,3 m.

Với tổng diện tích đất trồng lúa của dự án 20.562 m², ta có khối lượng bóc tách lớp đất hữu cơ của dự án là:

$$20.562 \times 0,2 = 4.112,4 \text{ m}^3$$

Lượng bùn bóc đáy đất thủy lợi:

$$V_{\text{bùn đáy đất thủy lợi}} = S_{\text{đất thủy lợi}} \times d_2$$

Trong đó, chiều dày lớp bùn đáy ao sẽ bóc trung bình $d_2 = 0,3\text{m}$;

$$\Rightarrow V_{\text{bùn đáy đất thủy lợi}} = 1.312 \times 0,3 = 393,5 \text{ (m}^3\text{)}$$

=> Toàn bộ lượng đất hữu cơ bóc bề mặt và bùn bóc đáy ao mương là:
 $= 4.112,4 + 393,5 = 4.506 \text{ (m}^3\text{)}$

Phạm vi diện tích san nền khu đất phục vụ xây dựng các công trình ($S_{\text{đất dự án}} - S_{\text{cây xanh}} = 20.942 - 4.790 = 19.164 \text{ m}^2$) được san nền bằng cát đen san nền. Việc san nền cần tuân thủ cao độ san nền xây dựng đã quy định.

Dự án sẽ thực hiện đắp cát có chiều cao so với nền hiện trạng trung bình là $h_1 = 1,2\text{m}$. Khối lượng cát đen cần sử dụng cho san nền:

$$V_{\text{cát đắp}} = S \times h_{\text{cát đắp tb}} = 19.164 \times 1,2 = 22.996,8 \text{ m}^3$$

Vật liệu dùng để san lấp của dự án là cát đen. Ngoài ra, nếu dự án sử dụng vật liệu san nền là cát san nền và các vật liệu khác phải đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Từ tính toán trên ta có: **Tổng khối lượng đào đắp = $33.104,16 \text{ m}^3$ (cát san nền) + $6.706,38 \text{ m}^3$ (đất đào lớp hữu cơ) = $39.810,54 \text{ m}^3$, tương đương $51.753,7$ tấn (tỷ trọng của đất, cát lấy trung bình là $1 \text{ m}^3 = 1,3$ tấn).**

Tổng thời gian thực hiện bóc lớp hữu cơ, san lấp của dự án ước khoảng 2 tháng, tương đương 52 ngày làm việc (mỗi tháng 26 ngày). Ước tính nồng độ bụi phát sinh như sau:

Theo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế, hệ số ô nhiễm bụi phát tán từ quá trình đào đắp như sau:

Bảng 332: Hệ số ô nhiễm từ quá trình đào đắp

Mùa	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)
Mùa mưa	$1,66 \times 10^{-3}$
Mùa khô	$1,20 \times 10^{-3}$
Trung bình	$1,43 \times 10^{-3}$

Tính theo hệ số ô nhiễm trung bình, tổng lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp của dự án: $51.753,7 \text{ tấn} \times 1,43 \times 10^{-3} \text{ kg/tấn} = 74 \text{ kg}$

Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp được tính trong bảng sau:

Bảng 3.4: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp

STT	Thông số	Đơn vị	Khối lượng
1	Diện tích dự án	m^2	23.333
2	Thể tích tác động trên mặt bằng dự án (độ cao 10 m)	m^3	120.000

3	Tải lượng	Kg/h	0,15
4	Nồng độ bụi phát sinh trung bình (1 giờ)	mg/m ³	1,4
5	Nồng độ bụi cộng hưởng môi trường nền (nồng độ bụi cao nhất theo kết quả quan trắc nền tháng 11/2024: 0,0822 mg/m ³)	mg/m ³	0,067
QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1h)		mg/m³	0,3

Ghi chú:

+ Tải lượng bụi (kg/h) = tổng tải lượng bụi (kg)/số ngày thi công/ h

+ Thể tích tác động trên mặt bằng Dự án: $V = S \times H$ với S là diện tích mặt bằng, H là độ cao phát tán (10 m);

+ Nồng độ bụi trung bình (mg/m³) = tải lượng (kg/h) x 10⁶/V (m³)

So sánh nồng độ cộng hưởng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp và môi trường nền với QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1h) là 0,3 (mg/m³) ta thấy nồng độ bụi phát sinh trong giai đoạn đào đắp san lấp là cao hơn quy chuẩn cho phép.

Quá trình đào lớp đất hữu cơ, san lấp mặt bằng ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công và các khu vực dân cư xung quanh.

** Tải lượng bụi do quá trình vận chuyển nguyên liệu, vật liệu xây dựng:*

Để tính toán lượng bụi do các xe vận chuyển nguyên liệu và vật liệu cho xây dựng của dự án gây ra tại khu vực công trường, người ta thường áp dụng phương pháp đánh giá nhanh của WHO với một số giả thiết sau:

Giả thiết rằng: Vận tốc trung bình của xe vận chuyển (v): 10 km/h

Tải trọng trung bình của xe (M): 12 tấn/xe

Số bánh xe trung bình (n): 8 bánh/xe

Số xe vận chuyển trung bình: 7 xe/ngày

Quãng đường trung bình của xe trong khu vực dự án: 0,5km

Thì tải lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển của 1 xe trên 1.000 km được tính theo công thức:

$$m_{\text{Bụi}} = 21 \cdot f = 21 \cdot v \cdot M^{0,7} \cdot n^{0,5} \text{ (kg/1.000km)}$$

$$m_{\text{Bụi}} = 21 \cdot 10 \cdot 12^{0,7} \cdot 8^{0,5} = 3.382 \text{ (kg/1.000km)}$$

Vậy tải lượng bụi phát sinh trung bình của dự án trong 1 ngày là:

$$M_{\text{Bụi}} = (m_{\text{Bụi}} \cdot 1/1000) \cdot 7 = 23,67 \text{ (kg/ngày)}$$

Như vậy lượng bụi phát sinh hàng ngày tại khu vực Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng là 23,67 (kg/ngày). Tuy nhiên bụi đất cát này có kích thước lớn, dễ lắng đọng nên không có khả năng phát tán đi xa, chỉ có khả năng gây ô nhiễm trong phạm vi dự án và tuyến đường giao thông. Cần có những biện pháp giảm thiểu tác động hiệu quả.

*** Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải**

Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, các phương tiện thi công có công suất lớn như ô tô, xe cần cẩu, búa máy,...Thành phần chính của các loại khí thải này thường bao gồm CO₂, CO, NO_x, hydrocacbon, hơi xăng dầu. Các khí thải này thường là sản phẩm của quá trình đốt cháy nhiên liệu ở các động cơ đốt trong và các dạng nhiên liệu cháy không hết từ động cơ xe thải ra ngoài. Mức độ ô nhiễm giao thông phụ thuộc vào chất lượng đường, mật độ xe, lưu lượng dòng xe, chất lượng kỹ thuật xe trên công trường và lượng nhiên liệu tiêu thụ.

Dựa vào số liệu thống kê lượng xe ra vào công trường Dự án trong một ngày, người ta có thể ước tính tải lượng khí thải độc hại phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của các phương tiện vận chuyển. Theo số liệu thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO), lượng phát thải khí độc do các phương tiện được xác định trong bảng sau:

Bảng 3.5: Nồng độ khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động

Xe tải	Đơn vị (u)	TSP (kg/u)	SO ₂ (kg/u)	NO ₂ (kg/u)	CO (kg/u)	THC (kg/u)	Chì (kg/u)
<i>* Xe tải chạy xăng trọng tải 3,5 tấn trở lên</i>							
Chạy trong thành phố	1000km	0,4	4,5S	4,5	70	7	0,31
	1 tấn nguyên liệu	3,5	20S	20	300	30	1,35
Chạy trên đường cao tốc	1000km	0,6	3,3S	7,5	50	3,5	0,22
	1 tấn nguyên liệu	3,6	20S	45	300	20	1,35
<i>*Xe tải chạy diesel trọng tải 3,5 đến 16 tấn</i>							
Chạy trong thành phố	1000 km	0,9	4,29S	11,8	60	2,6	-
	1 tấn nguyên liệu	4,3	20S	55	28	12	-
<i>*Xe ca sản xuất thời kì 1985 đến 1992</i>							
Máy 1400 – 2000cc	1000km	0,07	1,62S	1,78	15,73	2,23	0,11
	1 tấn nguyên liệu	0,86	20S	22,02	194,7	27,65	1,35
Máy > 2000cc	1000km	0,07	1,85S	2,51	15,73	2,23	0,13
	1 tấn nguyên liệu	0,76	20S	27,11	169,7	24,09	1,35

(Nguồn: Tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới năm 1993)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu.

Căn cứ vào hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập có thể tính toán được tải lượng các chất khí ô nhiễm, như kết quả trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.6: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra

Chất ô nhiễm	Tải lượng chất ô nhiễm theo tải trọng xe, kg/1000km	Quãng đường 4 xe đi được, km/ngày	Tải lượng của dự án (g/ngày)
TSP	0,9	3	2,7
SO ₂	4,29S		12,87S
NO ₂	11,8		35,4
CO	60		180
THC	2,6		7,8

(Nguồn: Tính toán)

Lượng khí thải này chỉ mang tính cục bộ, tạm thời khi giai đoạn xây dựng dừng thì tác động này tới môi trường không khí sẽ không còn.

Bảng 3.7: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động vận chuyển

Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm theo khoảng cách (m)							QCVN 05:2023/BTNMT
	10	20	50	100	200	300	500	(mg/m ³)
Bụi	19,633	13,831	13,831	4,630	2,806	2,090	1,441	0,3
SO ₂	45,067	31,775	17,387	10,640	6,450	4,804	3,312	0,35
NO ₂	29,443	20,752	11,354	6,948	4,212	3,137	2,163	0,2
CO	45,249	31,903	17,457	10,683	6,476	4,824	3,325	30

Kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển nguyên máy móc, thiết bị cho thấy nồng độ các chất đều vượt giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Do thời gian quá trình này diễn ra ngắn nên mức độ tác động được đánh giá là nhỏ và mang tính chất tạm thời.

** Khí thải từ hoạt động máy móc, thiết bị thi công:*

Căn cứ vào chủng loại các máy san lấp và xây dựng hoạt động trên công trường Dự án, định mức nhiên liệu tiêu hao của chúng trong mỗi ca làm việc (*phụ lục 2, thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng*) và dựa vào trọng lượng riêng của dầu diesel là 0,84(kg/lít) và số lượng máy hoạt động trên công trường có thể tính được tải lượng khí phát thải:

Bảng 3.8: Định mức tiêu thụ nhiên liệu của các động cơ

Loại máy	Định mức tiêu thụ nhiên liệu (lít diesel/máy/ca)	Định mức tiêu thụ nhiên liệu (kg diesel/máy/ca)	Số lượng máy/ca	Nhu cầu nhiên liệu (kg diesel/ca)
----------	--	---	-----------------	-----------------------------------

Ô tô vận tải thùng 15 Tấn	46,2	38,81	6	232,86
Máy ủi 160 CV	67,2	56,4	2	112,8
Xe lu 10 tấn	40,32	33,87	1	33,87
Cần trục ô tô 16 tấn	43	35,26	2	70,52
Máy xúc lật loại 1,25m ³ /gầu	46,50	39,06	3	117,18
Máy san 180CV	54	45,36	1	45,36
Máy đào 1 gầu, bánh hơi 1,25m ³ /gầu	73,44	61,69	2	123,38

(Nguồn: phụ lục 2, thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng)

Trong quá trình thi công xây dựng ngoài các máy móc trên ra dự án còn cần sử dụng máy trộn bê tông các loại, máy hàn, máy cắt, máy đóng cọc bê tông.... Tuy nhiên năng lượng cung cấp cho các máy này hoạt động là điện năng. Nhu cầu nhiên liệu cung cấp cho các máy móc thi công được ước tính ở bảng 3.6. Với nhu cầu nhiên liệu của từng loại máy trên và hệ số ô nhiễm của nhiên liệu ta có thể tính được tải lượng các khí thải phát sinh theo bảng sau:

Bảng 3.9: Tải lượng các khí thải phát sinh từ các loại máy thi công, xây dựng

Chỉ tiêu Loại máy	SO ₂ g/ca	NO _x g/ca	CO g/ca	VOC g/ca
Hệ số ô nhiễm (g/kg nhiên liệu)	20*S	70	14	4
Ô tô vận tải thùng 15 Tấn	11,643	16300,2	3260,04	931,44
Máy ủi 160 CV	5,64	7896	1579,2	451,2
Xe lu 10 tấn	1,6935	2370,9	474,18	135,48
Cần trục ô tô 16 tấn	3,526	4936,4	987,28	282,08
Máy xúc lật loại 1,25m ³ /gầu	5,859	8202,6	1640,52	468,72
Máy san 180CV	2,268	3175,2	635,04	181,44
Máy đào 1 gầu, bánh hơi 1,25m ³ /gầu	6,169	8636,6	1727,32	493,52

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu (0,25%)

Từ kết quả tính toán trên ta thấy lượng khí thải phát sinh từ các máy san lấp và xây dựng trong quá trình thi công là không quá lớn, phát thải không liên tục trong ngày, khu vực thi công có không gian rộng rãi và thoáng đãng nên lượng khí thải này nhanh chóng phân tán vào không khí.

* Nguồn ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Nguồn gây ra tiếng ồn, độ rung của Dự án trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động thi công xây dựng.

Mức ồn tính toán (Li) trên công trường như sau:

$$Li = Lp - \Delta Ld - \Delta Lc$$

Trong đó:

- Lp: độ ồn tại điểm cách nguồn 15 m.
- ΔLd : mức giảm độ ồn ở khoảng cách d và được tính theo công thức sau:

$$\Delta Ld = 20 \cdot \lg [(r_2/r_1)]^{(1+a)}$$
 (dBA).
- a: hệ số tính đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất. Do mặt đất khu vực sau GPMB được coi là trống trải, không có cây cối nên $a = 0$.
- r: khoảng cách từ nguồn đến điểm đo, $r = 15$ m.
- ΔLc : mức độ giảm độ ồn khi đi qua vật cản. Ở đây tính trong trường hợp không có vật cản, $\Delta Lc = 0$ (dBA).

Tổng độ ồn sinh ra tại một điểm do tất các nguồn gây ra tính theo công thức:

$$\sum L = 10 \lg \sum_i^n 10^{(Li/10)} \quad (\text{dBA})$$

Kết quả tính toán mức ồn như bảng sau:

Bảng 3.10: Nguồn phát sinh, mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn theo khoảng cách

(Đơn vị: dBA)

TT	Nguồn gây ồn	Khoảng cách		
		15m*	20m	50 m
1	Xe tải	75	72,5	64,5
2	Máy hàn	76	73,5	65,5
3	Máy khoan	79	76,5	68,5
4	Máy cưa	77,5	75	67
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 24:2016/BYT		85 dBA		
QCVN26:2010/BTNMT		70 dBA		

(*) Nguồn tham khảo: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

Từ bảng 3.10 cho thấy:

+ Ở vị trí cách nguồn ồn 15 m khi nguồn phát sinh là riêng lẻ hay đồng loạt thì mức ồn vẫn nằm trong TCCP đối với môi trường lao động.

+ Nếu các thiết bị có tiếng ồn lớn hoạt động đồng thời có thể gây mức ồn vượt TCCP (>75dBA) tuy nhiên trong khoảng 50 m không có dân cư sinh sống nên độ ồn không ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

Nếu khu vực trộn bê tông hoạt động suốt ngày, khu vực này cần phải được bố trí cách xa các đối tượng chịu ảnh hưởng (như khu dân cư, văn phòng).

- *Đối tượng bị tác động:*

+ Môi trường không khí, đất nước, con người.

+ Mỹ quan khu vực dự án.

- *Phạm vi tác động:* Khu vực thi công dự án và môi trường xung quanh.

b, Nguồn gây tác động tới môi trường nước

** Nguồn gốc phát sinh nước thải*

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, nguồn nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải vệ sinh máy móc thiết bị thi công xây dựng, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn.

- *Nước thải thi công*

Nước thải từ quá trình thi công xây dựng: Trong quá trình xây dựng có sử dụng một lượng nước để trộn nguyên vật liệu và rửa máy móc, thiết bị vì vậy sẽ phát sinh một lượng nước thải khoảng 1,5 m³/ngày.

Lượng nước thải này có chứa một số chất ô nhiễm môi trường như xi măng, vôi vữa và một số chất vô cơ thông thường như cát, đá.

Mức độ tác động:

Trong giai đoạn xây dựng, lượng phát sinh khó dự báo vì tùy thuộc đơn vị thi công, lượng này dễ biến động.

Theo nghiên cứu của Trung tâm Môi trường đô thị và khu công nghiệp CEETIA, thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công xây dựng được dự báo như sau:

pH	: 6,99;
Chất lơ lửng SS	: 663 mg/l;
Tổng dầu mỡ khoáng	: 0,02 mg/l;

Nước thải thi công chứa chất gây ô nhiễm với nồng độ khá cao đặc biệt là chỉ tiêu SS. Đây là điều tất yếu trong quá trình xây dựng. Do đó để đảm bảo chất lượng môi trường, Chủ dự án sẽ có những quy định buộc các nhà thầu xây dựng phải có những biện pháp quản lý cụ thể để tránh gây ra các tác động xấu.

- *Nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt: Theo dự kiến, trong giai đoạn này, Dự án sẽ phải sử dụng khoảng 20 công nhân xây dựng trên công trường. Theo TCN 33- 85 quy định định mức lượng nước dùng cho công nhân là 45 lít/người/ngày đêm (công nhân không ăn

ở 24/24 trên công trường). Số lượng công nhân trong giai đoạn xây dựng là 20 người, với hệ số phát thải là 100% thì ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án là:

$$20 \times 0,045 \times 100\% = 0,9 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$$

Nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD, COD), các dưỡng chất (N, P) và vi sinh vật. Về lý thuyết, nồng độ ô nhiễm của nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào lưu lượng thải, lượng chất ô nhiễm đơn vị tính trung bình cho 1 người/ngày, đặc điểm, tính chất của các công trình và thiết bị vệ sinh. Nước thải sinh hoạt được tính như sau:

- Tổng tải lượng chất ô nhiễm = Định mức trung bình 1 người x 20

Kết quả tính toán tổng tải lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.11: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Định mức TB (g/người.ngày)	Tổng tải lượng (g/ngày)
1	BOD ₅	50	1.000
2	COD	89	1.780
3	TSS	86	1.720
4	Dầu mỡ	20	400
5	Coliform (MPN/100ml)	10 ⁴	20x10 ⁴

Ghi chú: () Hoàng Kim Cơ, Kỹ thuật môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật*

Từ tổng tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

$$C = P/V \text{ (g/m}^3\text{)} = P \times 10^3 / V \times 10^3 = P/V \text{ (mg/l)}$$

Trong đó:

P: Tổng tải lượng chất gây ô nhiễm (gam/ngày)

V: Thể tích nước thải sinh hoạt (V= 0,9 m³/ngày)

C: Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)

Theo tính toán như trên, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại bảng sau:

Bảng 3.12: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)	QCĐP 01:2019/HY, (K=1,2; K _{hy} =0,85)
1	BOD ₅	1.111	30,6
2	COD	1.978	-
3	TSS	1.911	51

4	Dầu mỡ	444,4	10
5	Coliform (MPN/100ml)	222.222	3.000

(Nguồn: tính toán)

- Nhận xét: Qua bảng trên cho thấy:

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình thi công xây dựng của dự án cao hơn so với quy chuẩn cho phép nhiều lần cụ thể chỉ tiêu BOD₅ vượt 36,31 lần; chỉ tiêu TSS vượt 37,47 lần; chỉ tiêu dầu mỡ vượt 44,44 lần và chỉ tiêu Coliform vượt 74,07 lần.

Để hạn chế ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này, đơn vị thi công sẽ bố trí nhà vệ sinh di động để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Nước mưa chảy tràn:*

Nước mưa chảy tràn: Nước mưa có thể lôi cuốn các loại rác và chất thải rắn xuống vùng trũng của khu vực làm cản trở, tắc nghẽn dòng chảy. Ngoài ra các chất có thể bị nước mưa rửa trôi tại mặt bằng Dự án còn có đất, cát bụi và một lượng nhỏ dầu mỡ thải rơi vãi ra đất từ quá trình xây dựng.

Theo số liệu của tổ chức Y tế thế giới, WHO, 1993 nồng độ các chất ô nhiễm đo được trong nước mưa chảy tràn như hàm lượng tổng N khoảng 0,5- 1,5 mg/l; hàm lượng Photpho khoảng 0,004- 0,03 mg/l; hàm lượng COD khoảng 10- 20 mg/l; hàm lượng TSS khoảng 10- 20 mg/l.

Nước mưa chảy tràn xuất hiện sau khi mặt đất bão hòa nước khi xảy ra mưa. Thành phần của nước mưa chảy tràn rất khó ước tính và biến đổi theo thời gian mưa.

** Tác động tới môi trường nước*

- *Tác động do nước thải thi công*

Nguồn ô nhiễm nước do nước thải trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án bao gồm các chất như TSS, BOD₅, COD. Khi được thải ra khu vực tiếp nhận lân cận với hàm lượng cao chúng sẽ gây tác động tiêu cực tới hệ sinh thái thủy sinh. Ngoài ra, nước thải thi công còn chứa vôi vữa, xi măng và đây là nguyên nhân làm cho pH của nước trong thủy vực tăng cao, tác động tiêu cực tới hệ sinh thái thủy sinh.

- *Tác động do nước thải sinh hoạt*

Với đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất cặn bã, chất rắn lơ lửng và các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh vật, đây hoàn toàn có thể là một nguồn gây tác động xấu đến môi trường.

Tuy lưu lượng của nước thải sinh hoạt nhỏ nhưng thời gian thi công xây dựng dài khoảng 7 tháng nên những tác động đến môi trường sẽ không nhỏ. Dự án cần có những biện pháp để hạn chế những tác động xấu đến môi trường.

- Tác động do nước mưa chảy tràn.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực nhà xưởng của dự án gần như không gây tác động lớn tới đời sống thủy sinh và không gây ô nhiễm nguồn nước khu vực.

c, Chất thải rắn

** Nguồn phát sinh chất thải rắn*

Trong quá trình thi công xây dựng công trình, chất thải rắn phát sinh bao gồm : chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn xây dựng:

Trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình mới của dự án có phát sinh một lượng chất thải rắn xây dựng bao gồm :

+ Đất, cát đào móng với lượng phát sinh không thường xuyên, ước tính khối lượng đất đào móng như sau:

$$M = [\text{diện tích xây dựng} \times \text{chiều cao móng} \times 30\%] \times \text{khối lượng riêng của đất}$$

Trong đó: Tổng diện tích xây dựng là 6.661 m²

Chiều cao móng trung bình là 1,5m (do khu vực là vùng trũng thấp)

Khối lượng riêng của đất trong khoảng 2,7 kg/m³

Vậy khối lượng đất đào móng ước tính khoảng:

$$M = 6.661 \times 1,5 \times 30\% \times 2,7 = 8.093,12 \text{ kg} \approx 8,09 \text{ tấn}$$

+ Vụn sắt thép: phát sinh với khối lượng trung bình khoảng 55 kg/tháng;

+ Vụn bê tông, nguyên vật liệu xây dựng (cát, đá, gạch, vữa...): phát sinh với lượng trung bình khoảng 58 kg/tháng.

+ Bao bì carton, vỏ bao xi măng: phát sinh với lượng trung bình khoảng 36 kg/tháng.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Trong giai đoạn xây dựng, hoạt động sinh hoạt của công nhân còn thải ra một lượng chất thải rắn sinh hoạt như: thức ăn thừa, vỏ hoa quả, các loại giấy gói, túi nilon...

Ước tính trung bình mỗi ngày một người thải ra một lượng chất thải sinh hoạt khoảng 0,3 kg, với số lượng công nhân tham gia hoạt động trên công trường là 20 người, thì khối lượng chất thải phát sinh từ các hoạt động này khoảng 6 kg/ngày. Lượng chất thải sinh hoạt nếu không được thu gom một cách triệt để sẽ là nguyên nhân gây phát sinh ra các tác động xấu đến môi trường như: phát sinh mùi, gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến vệ sinh chung và môi trường sống của các công nhân.

Bảng 3.13: Chất thải thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng

STT	Loại chất thải nguy hại	Đơn vị	Khối lượng
1	Đất, cát đào móng	Tấn	8,09

2	Vụn sắt thép	kg/tháng	55
3	Vụn bê tông, nguyên vật liệu xây dựng	kg/tháng	56
4	Bao bì carton, vỏ bao xi măng	kg/tháng	36
5	Chất thải sinh hoạt	kg/ngày	6

- Chất thải nguy hại:

Trong quá trình thi công xây dựng chất thải rắn nguy hại phát sinh từ các nguồn:

+ Giẻ lau dính dầu mỡ: do lau dọn, vệ sinh máy móc thi công, bảo dưỡng thay dầu cho máy móc, thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển.

+ Dầu mỡ thải được thay ra từ máy công trình cùng các loại dầu mỡ bôi trơn.

+ Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại: hộp đựng dầu mỡ thải.

+ Dầu mẫu que hàn thải;

+ Bóng đèn huỳnh quang cháy hỏng;

Cụ thể về thành phần, khối lượng và mã chất thải nguy hại của từng loại được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3.14: Chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng

STT	Loại CTNH	Mã CTNH	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Phát sinh khi bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển.	3
2	Bao bì cứng thải chứa thành phần nguy hại	18 01 04	Phát sinh khi bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển.	1,5
3	Đầu mẫu que hàn thừa	07 04 01	Phát sinh trong công đoạn hàn khung thép nhà xưởng.	6
4	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Phát sinh khi lau dọn, vệ sinh máy móc, bảo dưỡng thiết bị.	3,2
5	Bóng đèn huỳnh quang cháy hỏng	16 01 06	Phát sinh do tắt đèn cho hoạt động thi công vào buổi tối và đèn điện sinh hoạt của công nhân.	0,5
Tổng khối lượng				14,2

*** Tác động của chất thải rắn:**

Các tác động chính của chất thải rắn trong giai đoạn này là:

- Làm tăng độ đục của nước khi có mưa lớn. Nước mưa kéo theo đất, cát có thể làm ảnh hưởng cục bộ đến hệ thống công thu gom và thoát nước mưa chung của khu vực.
- Đất, cát và các vật liệu là nguyên nhân phát sinh bụi trong không khí. Đất cát và rác thải rơi vãi có thể bị cuốn rơi xuống hệ thống mương tưới tiêu nằm ngay sau khu vực Dự án và gây ảnh hưởng đến khả năng tưới tiêu của hệ thống này, đặc biệt là khi có gió lớn.
- Tác động đến vệ sinh chung của môi trường do chất thải rắn không được thu gom, xử lý gây ra.

Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo quy định. Do vậy, chủ dự án cam kết quản lý và thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn tại đơn vị mình, các tác động tiêu cực do chất thải rắn gây ra cho môi trường sẽ được hạn chế tối đa.

Đánh giá chung:

Trong thời gian thi công xây dựng các công trình, hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án sẽ phát sinh một số các tác động như tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn và một số nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác. Với quy mô và mức độ khác nhau, các nguồn tác động này làm ảnh hưởng đến môi trường không khí, nước, đất và sinh thái khu vực đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên làm việc tại công ty. Tuy nhiên, những tác động này mang tính tạm thời, chỉ xảy ra trong thời gian xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường và lắp đặt máy móc thiết bị của dự án.

3.2.1.2. Các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

****) Tác động do ồn và rung:***

Tiếng ồn từ các phương tiện thi công nhìn chung là không liên tục, phụ thuộc vào loại hình hoạt động và các máy móc, thiết bị được sử dụng. Các máy móc, thiết bị sử dụng một cách riêng biệt trong thi công được coi là nguồn điểm. Tiếng ồn tại giai đoạn này của yếu tố từ các xe tải và xe nâng. Mức ồn điển hình cách 8m của xe tải là 83 – 94 dBA, của xe nâng là 72 – 84 dBA. Tương tự mức rung cũng được gây ra bởi hoạt động của xe tải vận chuyển. Mức rung điển hình của xe vận chuyển hàng nặng cách 10m là 74 dB.

Nhìn chung mức ồn và rung có giá trị khá lớn. Tuy nhiên, hoạt động của xe tải và xe nâng chỉ trong khoảng thời gian ngắn, không phải nguồn liên tục. Bên cạnh đó, khu dân cư cách khu vực dự án khoảng 300 m nên tác động không lớn.

****) Tác động đến an toàn giao thông:***

Quá trình thi công xây dựng các công trình chính và công trình phụ trợ, lắp đặt máy móc thiết bị của dự án sẽ gây tác động đến môi trường: Vận chuyển máy móc thiết bị và hoạt động đi lại của công nhân sẽ dẫn đến sự gia tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường hiện hữu. Sự gia tăng mật độ giao thông sẽ làm tăng khả năng xảy ra tai nạn và ùn tắc giao thông và suy giảm chất lượng của các tuyến đường.

Đánh giá chung:

Trong thời gian thi công xây dựng các công trình chính và công trình phụ trợ, lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án sẽ phát sinh ra một số các tác động như bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn và một số nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác như tiếng ồn, độ rung. Với quy mô và mức độ khác nhau, các nguồn tác động này làm ảnh hưởng đến môi trường không khí, nước, đất và sinh thái khu vực đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên làm việc tại công trường và một số hộ dân xung quanh. Tuy nhiên, những tác động này mang tính tạm thời, chỉ xảy ra trong thời gian xây dựng các hạng mục công trình của dự án và sẽ mất đi khi dự án đi vào hoạt động.

3.2.1.3. Dự báo tác động gây ra bởi các rủi ro, sự cố

a, Tai nạn giao thông

Quá trình thi công dự án cần một lượng lớn nguyên vật liệu vận chuyển đến phục vụ dự án làm tăng đáng kể lượng phương tiện tham gia giao thông có thể gây ùn tắc cục bộ trên các tuyến đường vận chuyển.

Bên cạnh đó, trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, di chuyển các máy móc, thiết bị thi công có thể xảy ra các sự cố gây tai nạn giao thông làm thiệt hại về con người và tài sản. Vì vậy, trong quá trình thi công dự án, Chủ đầu tư sẽ phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu xây dựng trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa rủi ro sự cố về tai nạn giao thông.

b, Tai nạn lao động

Các tai nạn lao động có thể xảy ra trên công trường xây dựng bởi các nguyên nhân sau:

Trong giai đoạn thi công còn tiềm ẩn các rủi ro về tai nạn lao động từ các phương tiện giao thông tại công trường, chủ yếu do sự bất cẩn của lái xe, hoặc do bố trí đường vận tải trên công trường không hợp lý,...

c, Sự cố cháy nổ

Các nguyên nhân dẫn đến cháy nổ có thể do:

- Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do các nguyên nhân như chập điện, sét đánh và các quá trình khác như nấu ăn, đốt lửa, hút thuốc... tại khu vực nhà ở công nhân và khu vực bếp của công nhân.

- Sự cố về các thiết bị sử dụng điện như quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt, dẫn đến cháy, hoặc do chập mạch khi có mưa.

Xác suất xảy ra sự cố cháy nổ tương đối nhỏ. Tuy nhiên nếu không có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó phù hợp thì khi xảy ra sự cố sẽ ảnh hưởng lớn sức khỏe, tính mạng người lao động và cảnh quan, môi trường xung quanh.

d, Tác động đến an ninh, trật tự xã hội:

Việc tập trung lao động làm việc dễ phát sinh những ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, công ty cần có sự quản lý chặt chẽ công nhân làm việc và phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trong suốt quá trình xây dựng dự án.

e, Tác động đến công trình thủy lợi:

Nằm về phía Bắc dự án là mương thủy lợi, đây là mương tiêu cho khu vực xung quanh dự án, do đó trong quá trình san lấp mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có thể gây tác động đến hệ thống mương tiêu này làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực, do đó chủ dự án cần phải có biện pháp giảm thiểu tránh làm ảnh hưởng đến hệ thống mương tiêu này.

3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động có liên quan đến chất thải

a, Biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường không khí

Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động thi công đào và từ hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng:

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Che kín mọi phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng (cát, đất, xi măng, đá...) để tránh phát tán bụi;

- Không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm;

- Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công;

- Vật liệu xây dựng được chứa trong các kho chứa để quản lý, tránh hiện tượng phát tán bụi ra môi trường xung quanh;

- Thiết bị và máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên để giảm thiểu ô nhiễm do khói xe;

- Không đốt các nguyên vật liệu tại khu vực dự án;

- Phun, tưới nước thường xuyên để giảm thiểu lượng bụi phát tán.

- Lắp đặt tấm chắn cao 2m để hạn chế bụi phát sinh ra khu vực xung quanh;

b, Biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường nước

Nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng chỉ là nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường, nước thải thi công và nước mưa chảy tràn.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường:

+ Lượng nước thải sinh hoạt tại công trường xây dựng dự án trong giai đoạn này sẽ được khống chế bằng cách tăng cường tuyển dụng nhân công tại khu vực, tổ chức hợp lý các nguồn nhân lực trong các giai đoạn thi công tránh tình trạng tập trung quá đông nhân công.

+ Đối với nước thải sinh hoạt: trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được xử lý bằng nhà vệ sinh, dự án dự kiến lắp 02 nhà vệ sinh loại 2.000 lít. Vị trí đặt nhà vệ sinh di động được bố trí ngay khu vực cuối khu đất. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn cặn vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Ban hành nội quy nghiêm cấm công nhân phóng uế, vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

+ Tăng cường nhắc nhở cán bộ nhân viên ý thức tiết kiệm sử dụng nước và tuân thủ nội quy quy định của công ty.

- Nước mưa chảy tràn và nước thải thi công:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải trong khu vực dự án.

+ Các tuyến thoát nước mưa, nước thải thi công được thực hiện phù hợp với quy hoạch thoát nước của dự án cũng như của toàn khu vực nói chung.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị được dẫn vào hệ thống thu gom riêng, qua song chắn rác, hố ga lắng cặn trước khi thoát vào hệ thống thoát thải. Công ty bố trí 02 hố ga với kích thước của mỗi hố ga lắng cặn là $L \times B \times H = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$, đảm bảo đạt giới hạn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát thải.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

c, Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

- Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng trong giai đoạn thi công. Hạn chế các phế thải phát sinh trong thi công.

- Chất thải rắn xây dựng chủ yếu là vật liệu hư hỏng như gạch vỡ, cát, sỏi, bê tông được tận dụng để san nền tại dự án. Chất thải rắn xây dựng khác được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: giai đoạn thi công xây dựng của dự án công nhân không ăn, ở 24/24 trên công trường vì vậy lượng chất thải rắn phát sinh không nhiều, toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào khu lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn.

+ Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại công trường. Khu vực bảo dưỡng sẽ được bố trí tạm trước và có hệ thống thu gom dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu thiết bị thi công cơ giới.

+ Dầu mỡ thải phát sinh tại dự án không được phép đốt, chúng sẽ được thu gom vào trong các thùng chứa thích hợp đảm bảo an toàn và được đặt trong khu vực dự án.

- Công ty bố trí 01 khu lưu giữ chất thải thông thường và nguy hại có tổng diện tích khoảng 10m², có mái che và bố trí khoảng 3 thùng đựng rác có dung tích 500 lít/thùng, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11,...) với tần suất thu gom 1tuần/lần. Lập nội quy vệ sinh tại các lán trại, giáo dục công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường.

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a, Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh làm việc vào giờ nghỉ của dân cư, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông và giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ. Ngoài ra, các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào đêm khuya.

- Các công nhân xây dựng sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt;

- Ngoài ra, các phương tiện vận tải hạng nặng sẽ được quản lý tốt trong khi vận chuyển vật liệu xây dựng trong vùng đô thị để giảm phát sinh tiếng ồn.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung nêu trên sẽ cho phép môi trường tại khu vực dự án nằm trong các giới hạn cho phép theo quy định của:

QCVN 26:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn);

QCVN 27:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung);

b, Giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội

- Dự án tập trung một lực lượng lao động làm việc hàng ngày trong suốt thời gian thi công là điều kiện dễ nảy sinh mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa

phương. Sự xáo trộn xã hội, kéo theo một số hiện tượng tiêu cực có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, ma túy, mại dâm,...). Chính vì vậy, chủ dự án có các biện pháp phòng ngừa ứng phó kịp thời như:

- + Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các khu vực thi công
- + Kết hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân lao động.
- + Đối với hệ thống đường giao thông: Kiểm tra độ chịu tải của hệ thống giao thông khu vực để xác định loại xe vận chuyển có trọng tải phù hợp khi tham gia giao thông. Có các giải pháp khắc phục và sửa chữa các tuyến đường hư hỏng do quá trình thi công của dự án gây ra để đảm bảo không ảnh hưởng đến đi lại của người dân trong khu vực.

- Trong quá trình thi công xây dựng lượng khí thải và chất thải phát sinh sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, hiện tượng sụt lở đất có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến chất lượng đất và công trình ở gần. Vì vậy trong quá trình thi công cần tuân thủ đúng các quy trình kỹ thuật đã thiết kế, thi công.

- Thi công theo phương án thiết kế đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

c, Giảm thiểu tác động, hoàn trả các công trình thủy lợi

- Đối với nương thủy lợi tiếp giáp dự án, không thuộc khu đất thực hiện của dự án thì dự án không xâm lấn hay sử dụng trái phép nên không tác động đến kết cấu công trình thủy lợi.

- Đồng thời, dự án tiến hành thi công nhanh gọn, dứt điểm các hạng mục công trình tại khu vực tiếp giáp nương thủy lợi xung quanh, hạn chế không để các vật liệu thi công và chất thải rơi vãi làm tắc nghẽn nương thủy lợi và không làm ảnh hưởng đến việc tưới tiêu thoát nước của công trình thủy lợi khu vực nằm liền kề dự án.

3.2.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

a. Giảm thiểu tai nạn giao thông

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu theo giờ, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm; Các phương tiện vận chuyển phải thực hiện nội quy vệ sinh do Chủ dự án đề ra;

- Có đội ngũ giám sát quá trình thi công, có nhân viên bảo vệ, hướng dẫn các phương tiện vận chuyển ra vào công trình;

- Thường xuyên bảo dưỡng các xe vận chuyển;

- Đặt bảng báo hiệu tại các đoạn đường đang có công trình và đảm bảo số lượng xe vào công trình, tránh tình trạng các phương tiện này gây ùn tắc tại gần khu vực dự án;

b. Giảm thiểu tai nạn lao động

- Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định An toàn và Vệ sinh lao động;

- Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành;

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn;

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc thi công để ngăn ngừa tai nạn;

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật;

- Tạo hàng rào ngăn cách để tách biệt các khu vực nguy hiểm như: Trạm điện, các loại vật liệu dễ cháy, dễ nổ.

c. Phòng chống và ứng phó sự cố cháy nổ

- Cấm hút thuốc tại công trường;

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị để đảm bảo độ an toàn, tránh nguy cơ xảy ra cháy nổ;

- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường;

- Phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, hệ thống bơm, phun nước....

d. Giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội

- Giữ mối liên hệ tốt với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh xung đột trong quá trình thực hiện dự án;

- Có hình thức kỷ luật nghiêm khắc với công nhân khi chơi cờ bạc, lô đề hay các tệ nạn xã hội khác....

3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động liên quan đến chất thải

1. Tác động của bụi, khí thải:

***) Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

Bụi và khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án là từ nguồn chính sau:

Bảng 3.15: Nguồn phát sinh khí thải giai đoạn vận hành dự án

Stt	Nguồn phát sinh	Khí thải đặc trưng
-----	-----------------	--------------------

1	Quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa	Bụi, khí thải (SO ₂ ; NO ₂ ; CO; THC)
2	Quá trình cắt (cắt cạnh, cắt theo kích thước yêu cầu)	Bụi
3	Công đoạn ép nhiệt (ép nóng)	Nhiệt dư, hơi keo
4	Máy phát điện dự phòng	SO ₂ ; NO ₂ ; CO; HC và bụi
5	Hoạt động của lò hơi đốt củi	Bụi, CO, NO _x
6	Quá trình thu gom bụi từ HTXL bụi	Bụi

***) Thành phần và tải lượng:**

1*) Bụi, khí thải độc hại phát sinh từ quá trình bốc dỡ, vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu

- Trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu sản xuất và sản phẩm, những lớp bụi bám trên các bao nguyên liệu được phát tán vào trong không khí làm cho hàm lượng bụi trong khu vực bốc dỡ tăng lên, tuy nhiên lượng bụi không nhiều và mức độ ảnh hưởng của cũng không cao, nếu công nhân được trang bị đầy đủ khẩu trang sẽ không có vấn đề gì đáng lo ngại.

- Thành phần khí ô nhiễm từ quá trình đốt nhiên liệu của động cơ phương tiện giao thông chủ yếu là CO, CO₂, SO₂, NO₂, THC.

Theo số liệu thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO), lượng phát thải khí độc do các phương tiện được xác định trong bảng sau:

Bảng 3.16: Tải lượng khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động

Xe tải	Đơn vị (u)	TSP (kg/u)	SO ₂ (kg/u)	NO ₂ (kg/u)	CO (kg/u)	THC (kg/u)	Chì (kg/u)
<i>Xe tải chạy xăng trọng tải 3,5 tấn trở lên</i>							
Chạy trong thành phố	1000km	0,4	4,5S	4,5	70	7	0,31
	1 tấn N.liệu	3,5	20S	20	300	30	1,35
Chạy trên đường cao tốc	1000km	0,6	3,3S	7,5	50	3,5	0,22
	1 tấn N.liệu	3,6	20S	45	300	20	1,35
<i>Xe tải chạy diesel trọng tải 3,5 đến 16 tấn</i>							
Chạy trong thành phố	1000km	0,9	4,29S	11,8	60	2,6	-
	1 tấn N.liệu	4,3	20S	55	28	12	-

(Nguồn: WHO, 1993)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh có trong nhiên liệu 0,25%

Hiện nay các nhiên liệu như xăng sinh học đã được phổ biến rộng rãi nên việc phát sinh khí thải của các phương tiện vận chuyển cũng được giảm thiểu đi khá nhiều.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của khí thải từ các phương tiện vận chuyển hoạt động tại dự án đến môi trường xung quanh, dự án cần có các biện pháp tuyên truyền đến các lái xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường và các công nhân phải thực hiện nghiêm ngặt vệ sinh lao động trong dự án, sử dụng hiệu quả các trang bị bảo hộ của Công ty cấp phát để bảo vệ sức khỏe của chính mình.

Đồng thời, Dự án nằm tại địa thế thuận lợi, không gian thông thoáng do đó lượng khí thải này tác động không đáng kể đến người dân sống xung quanh khu vực thực hiện dự án.

*) Mức độ tác động:

Tác hại của bụi gỗ

Qua các công đoạn sản xuất, bụi gỗ được sản sinh với nhiều loại kích thước và tải lượng khác nhau gây nên một số bệnh vô cùng nghiêm trọng, nếu không có biện pháp thu hồi và xử lý triệt để, bụi gỗ sẽ gây ra một số tác động đến môi trường và sức khỏe con người, bụi vào phổi gây kích thích cơ học và phát sinh phản ứng xơ hóa phổi gây nên những bệnh hô hấp: viêm phổi, khí thũng phổi, ung thư phổi...

Ô nhiễm bụi trong không khí cũng gây tác hại không kém phần nặng nề đối với thực vật và tác hại đầu tiên của ô nhiễm bụi đối với thực vật dễ dàng nhận thấy là độ trong suốt của khí quyển đối với ánh sáng Mặt Trời bị giảm, cộng với lớp bụi bao phủ trên lá cây làm cho khả năng quang hợp, trao đổi khí và thoát hơi nước – 3 chức năng sinh học quan trọng của cây – đều bị hạn chế, hậu quả là năng suất cây trồng bị giảm, mùa màng bị thất thu.

SO₂: là chất khí gây kích thích mạnh, gây co giật cơ trơn, tăng tiết dịch, viêm các chứng bệnh khác của đường hô hấp. Ngoài ra SO₂ còn có thể gây ra sự rối loạn chuyển hóa protein và đường, gây thiếu vitamin B và C, ức chế enzym oxydaza. Tiếp xúc lâu dài với khí này ở nồng độ cao có thể bị bệnh ở hệ tạo huyết vì khi đó methemoglobin tạo ra sẽ tăng cường quá trình oxy hóa FeII thành FeIII. SO₂ còn ăn mòn kim loại, giảm độ bền vật liệu, giảm tuổi thọ của các công trình xây dựng. SO₂ trong không khí dễ bị oxy hóa thành SO₃ tác dụng với hơi nước trong khí quyển tạo thành acid Sulfuric hay muối sulfat tác động có hại cho cây trồng. Giới hạn nồng độ SO₂ cho phép trong khu vực sản xuất là 20mg/m³ còn ở vùng xung quanh và khu dân cư là 0,3mg/m³.

CO: là khí không màu, không mùi, sinh ra trong điều kiện đốt thiếu không khí, con người đề kháng với CO rất khó khăn. CO có ái lực với hemoglobin và chiếm chỗ oxy trong máu gây thiếu oxy trong cơ thể, vì thế CO gây chóng mặt, đau đầu, buồn nôn, ngất và rối loạn nhịp tim. Với nồng độ 250ppm, CO có thể gây tử vong. Người lao động làm việc liên tục ở khu vực có nồng độ CO cao sẽ bị ngộ độc mãn tính, thường xanh xao gầy yếu. CO có nồng độ cao hơn 100 ppm gây hiện tượng xoắn lá

làm chết cây non. Giới hạn nồng độ CO cho phép trong khu vực sản xuất là 30mg/m³ còn ở khu vực xung quanh và khu dân cư là 40mg/m³.

NO_x: Oxit nitơ có nhiều dạng, do nitơ có 5 hoá trị từ I đến V. Do ôxy hoá không hoàn toàn nên nhiều dạng oxit nitơ có hoá trị khác nhau hay đi cùng nhau, được gọi chung là NO_x. Có độc tính cao nhất là NO₂, khi chỉ tiếp xúc trong vài phút với nồng độ NO₂ trong không khí 5 phần triệu đã có thể gây ảnh hưởng xấu đến phổi, tiếp xúc vài giờ với không khí có nồng độ NO₂ khoảng 15-20 phần triệu có thể gây nguy hiểm cho phổi, tim, gan; nồng độ NO₂ trong không khí 1% có thể gây tử vong trong vài phút. NO_x có thể xâm nhập vào đường hô hấp gây loét hoặc qua đường tiêu hóa vào máu với nồng độ 100ppm có thể dẫn tới tử vong. NO₂ cũng có thể tác dụng với hơi nước trong môi trường không khí ẩm tạo acid ngưng tụ rơi xuống phá hủy cây cối mùa màng, rỗ gỉ kim loại, ăn mòn công trình. NO_x bị ôxy hoá dưới ánh sáng mặt trời có thể tạo khí Ôzôn gây chảy nước mắt và mẩn ngứa da, NO_x cũng góp phần gây bệnh hen, thậm chí ung thư phổi, làm hỏng khí quản.

Khí fomaldehyt: Với đường hô hấp: khí fomaldehyt đi thẳng vào khí quản tác dụng với oxi tạo axit formic. Axit formic ức chế cytochrome oxidase trong hệ thần kinh làm xáo trộn dẫn truyền sợi trục, gây tăng độ axit trong máu, dẫn đến suy hô hấp và ngưng thở. Ở nồng độ thấp axit formic kích thích đường hô hấp gây chảy nước mũi, lâu ngày gây viêm đường hô hấp, viêm phế quản. Sau khi xâm nhập vào cơ thể: fomaldehyt dễ dàng liên kết với protein, RNA và DNA sợi đơn để tạo ra DNA – protein cross – liên kết và phá vỡ DNA sợi đơn, nó phản ứng dễ dàng với đại phân tử trong tế bào, chủ yếu là tại các điểm tiếp xúc với cơ thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người, gây kích thích, ăn mòn da và làm cay mắt, nặng hơn có thể gây bệnh ung thư.

b, Tác động tới môi trường nước

*** Nguồn tác động**

- Nước mưa chảy tràn trên diện tích nhà máy cuốn theo đất cát, bụi bẩn và chất rắn.
- Nước thải sinh hoạt: Do hoạt động vệ sinh cá nhân của cán bộ, công nhân viên làm việc tại công ty và nước thải từ nhà bếp do nấu ăn, rửa rau, rửa bát, vệ sinh bếp;

*** Mức độ tác động**

- *Nước mưa chảy tràn*

Khi dự án đi vào hoạt động thì khu vực thực hiện dự án đã được xây dựng hoàn thiện hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện và hệ thống cấp thoát nước. Đường giao thông đã được đổ bê tông không thấm nước nên nước mưa chảy tràn giai đoạn này tương đối sạch chứa chủ yếu là các tạp chất vô cơ khó tan có kích thước nhỏ như bụi từ sân, đường đi, từ mái nhà... Ngoài ra với chất thải có kích thước lớn khi bị nước mưa cuốn theo sẽ làm tắc nghẽn dòng chảy, gây ngập úng khi có mưa lớn.

Với diện tích khu đất thực hiện dự án là 20.942 m² với tổng lượng mưa trung

bình khoảng 1.500 – 1.600 mm/năm thì tổng lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trên khu đất thực hiện dự án phát sinh khoảng 35.931 – 38,326,4 m³/năm. Nước mưa khá sạch, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn theo WHO được ước tính như sau:

Tổng Nito	: 0,5 ÷ 1,5 mg/l;
Photpho	: 0,004 ÷ 0,03 mg/l;
COD	: 10 ÷ 20 mg/l;
Tổng chất rắn lơ lửng	: 10 ÷ 20 mg/l.

Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn trong khu vực nhà máy cũng cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, chất thải rơi vãi chảy xuống hệ thống thoát nước. Lượng nước này nếu không được quản lý tốt cũng gây tác động tiêu cực tới nguồn nước và đời sống thủy sinh trong thủy vực tiếp nhận. Hàm lượng các chất rắn lơ lửng hoặc một số chất độc hại khác nếu vượt quá ngưỡng cho phép làm thay đổi môi trường sống của động thực vật trong nước, ảnh hưởng tới quá trình sinh trưởng và phát triển của chúng. Ngoài ra, sự lắng đọng chất rắn có thể làm tắc hệ thống thoát nước mưa, gây úng lụt ảnh hưởng tới bộ rễ thực vật và hệ sinh vật đất trên khu vực bị úng lụt. Do đó đòi hỏi phải có biện pháp thu gom, phân luồng dòng chảy của nước mưa chảy tràn nhằm giảm thiểu các tác động xấu trên.

- Nước thải sinh hoạt

+ Khi dự án đi vào hoạt động số lượng công nhân việc làm việc tại dự án tối đa khoảng 70 người. Với mức tiêu thụ nước trung bình của một người là khoảng 0,075 m³/ngày (áp dụng tiêu chuẩn cấp nước có nấu ăn tại công ty), ước tính lượng nước thải phát sinh là:

$$70 \times 75 \times 100\% = 5,25 \text{ (m}^3/\text{ ngày đêm)}$$

(Theo Nghị định 80:2014/NĐ-CP, lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp).

+ Đối với mục tiêu cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa: Quá trình này chỉ diễn ra hoạt động lưu giữ, bảo quản hàng hóa chứ không sử dụng lao động cho mục tiêu này. Vì vậy dự án không cấp nước cho mục tiêu này.

Vậy tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án là 5,25 (m³/ ngày đêm).

Thành phần của nước thải sinh hoạt gồm: chất hữu cơ (BOD), chất dinh dưỡng (N/P), chất rắn lơ lửng (SS), vi sinh vật,... đây là những chất có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao đối với nguồn nước mặt và nước ngầm trong khu vực nếu không được xử lý nhất là hệ sinh vật nơi tiếp nhận nguồn thải. Ngoài ra trong nước thải sinh hoạt chứa các vi khuẩn mang mầm bệnh, trứng giun sán, các vi khuẩn này theo nguồn nước làm lan truyền mầm bệnh, gây hại cho con người và môi trường.

Nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý tốt, sẽ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí xung quanh và ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Về lý thuyết nồng độ ô nhiễm của nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào lưu lượng thải, lượng chất ô nhiễm đơn vị tính trung bình cho 1 người/ngày, đặc điểm, tính chất của các công trình và thiết bị vệ sinh. Nước thải sinh hoạt được tính như sau:

Tổng tải lượng chất ô nhiễm = Định mức trung bình 1 người x N

Trong đó: N là tổng số người làm việc của dự án

Kết quả tính toán tổng tải lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của Dự án trong giai đoạn hoạt động ổn định được thể hiện qua bảng như sau:

Bảng 3.23. Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Định mức TB (g/người.ngày)	Tổng tải lượng (g/ngày)
1	BOD ₅	50	3.500
2	COD	89	6.230
3	TSS	86	6.020
4	Dầu mỡ	20	1.400
5	Coliform (MPN/100ml)	10 ⁴	700.000

Ghi chú: () Hoàng Kim Cơ, Kỹ thuật môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật*

Từ tổng tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

$$C = P/V \text{ (g/m}^3\text{)} = P \times 10^3 / V \times 10^3 = P/V \text{ (mg/l)}$$

Trong đó:

P: Tổng tải lượng chất gây ô nhiễm (g/ngày)

V: Thể tích nước thải sinh hoạt (V= 5,25 m³/ngày)

C: Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)

Theo tính toán như trên, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại bảng sau:

Bảng 3.24: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)	QCĐP 01:2019/HY	
			C	C _{max} (K =1,2; K _{hy} =0,85)
1	BOD ₅	666,67	30	30,6
2	COD	1.186,67	-	-
3	TSS	1.146,67	50	51
4	Dầu mỡ	266,67	10	10

5	Coliform (MPN/100ml)	133.333,3	3.000	3.000
---	-------------------------	-----------	-------	-------

(Nguồn: tính toán)

Ghi chú:

K: hệ số ứng với quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ ($K=1,2$ đối với cơ sở sản xuất quy mô dưới 500 người).

K_{hy} : hệ số khu vực của tỉnh Hưng Yên (huyện Văn Lâm hệ số $K_{hy}=0,85$)

Nhận xét:

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án cao hơn so với QCVN 01:2019/HY nhiều lần. Nếu không được xử lý đúng quy cách, nước thải sinh hoạt là nguyên nhân chính dẫn tới hiện tượng phú dưỡng của mương gần dự án là nguồn tiếp nhận, gây hiện tượng tảo nở hoa, làm đen các dòng sông do sự phân hủy chất hữu cơ và gây mùi hôi thối ảnh hưởng tới sức khỏe người dân xung quanh cũng như gây mất mỹ quan. Vì vậy, để giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt, chủ dự án sẽ có biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường được trình bày ở phần sau của báo cáo.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Lượng nước thải này thường có pH cao, hàm lượng cặn lơ lửng khá cao, do đó việc phát sinh lượng nước thải này ra ngoài môi trường cùng nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn nước mặt ảnh hưởng đến đời sống sinh vật thủy sinh. Do đó, đây là nguồn nước thải công ty cần xử lý đảm bảo không phát sinh ra ngoài môi trường. Lượng nước cấp ban đầu cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi là $3m^3$, lượng nước này được sử dụng tuần hoàn và bổ sung thất thoát hàng ngày khoảng $0,5 m^3/ngày$. Định kỳ đưa qua hệ thống bể lắng lọc để tuần hoàn lại cho quá trình xử lý.

c. Tác động của chất thải rắn

*** Nguồn tác động**

- Chất thải rắn sinh hoạt;
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- Chất thải nguy hại.

*** Mức độ tác động**

- **Chất thải rắn sinh hoạt:**

Thành phần chất thải sinh hoạt phần lớn là các chất hữu cơ dễ phân huỷ (như rau, thức ăn thừa, vỏ hoa quả). Ngoài ra còn có một phần nhỏ các loại bao bì thực phẩm, giấy phế liệu. Chất thải rắn còn có chứa một lượng không đáng kể các thành phần khó phân huỷ như bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, thủy tinh. Khi dự án đi vào vận hành với số lượng cán bộ công nhân viên lao động tối đa khoảng 70

người, khi đó tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 35 kg/ngày (Định mức khoảng 0,5kg/người/ngày).

Đối với mục tiêu cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa: Quá trình này chỉ diễn ra hoạt động lưu giữ, bảo quản hàng hóa chứ không sử dụng lao động cho mục tiêu này. Vì vậy dự án không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ mục tiêu này.

Vậy tổng khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án là: 35 kg/ngày tương đương 10,5 tấn/năm.

Các chất thải rắn sinh hoạt này nếu được thu gom, phân loại tại nguồn và tập kết đúng nơi quy định sẽ hạn chế được khả năng phát thải ra môi trường và mức độ tác động đến môi trường được dự báo là không đáng kể.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh khi dự án đi vào hoạt động bao gồm:

+ Dự án có phát sinh một lượng bùn thải từ hệ thống bể phốt, hệ thống xử lý nước thải và hố ga thoát nước (phát sinh không liên tục);

+ Ngoài ra còn phát sinh chất thải rắn như: Pallet gỗ thải, vụn xốp, bao bì thải từ khu vực cho thuê nhà xưởng.

Danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được trình bày dưới bảng sau:

Bảng 3.25: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải rắn của nhà máy	
3	Bùn thải từ hệ thống bể phốt, hệ thống xử lý nước thải và hố ga thoát nước	328
II	Chất thải rắn của đơn vị thuê nhà xưởng	
1	Pallet gỗ thải, vụn xốp, vụn nilon	600
2	Bao bì thải	216
	Tổng	41.175,2

- *Chất thải nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động dự kiến như sau:

Bảng 3.26: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg/năm	5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Màng)	18 02 01	Kg/năm	75

	lọc bụi sơn thải), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại			
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Kg/năm	50
4	Ắc quy chì thải	19 06 01	Kg/năm	16
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (can đựng các loại dầu mỡ máy, bao bì đựng hóa chất khử trùng nước thải, vỏ hộp đựng keo thải, vỏ thùng sơn...)	18 01 03	Kg/năm	50
6	Pin thải	19 06 02	Kg/năm	8
	Tổng			769

Chất thải nguy hại được liệt kê trong danh mục đã nêu có khả năng gây ung thư, đột biến, gây cháy nổ, có thể cháy do ma sát, hoặc tự thay đổi – chuyển hóa về hóa học.

Do tính dễ cháy nổ, hoạt tính hóa học cao, nếu không có biện pháp quản lý và kiểm soát tốt thì các chất nguy hại này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của con người.

Mức độ tác động: Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác.

Để giảm thiểu những nguy cơ tác động tới môi trường cũng như sức khỏe người lao động của loại chất thải này Dự án sẽ có các biện pháp thích hợp (giám sát chặt chẽ quy trình vận hành, nâng cao nhận thức về môi trường của công nhân,...), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Công ty sẽ báo cáo tình hình phát sinh chất thải nguy hại gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên định kỳ 1 lần/năm.

3.3.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

Trong giai đoạn vận hành thương mại của dự án, các nguồn tác động không liên quan đến chất thải là:

- Tiếng ồn, rung động từ hoạt động sản xuất của dự án;
- Giao thông khu vực;
- Nhiệt dư
- Các tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

a. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung từ hoạt động vận chuyển ra vào dự án, hoạt động bốc dỡ

nguyên liệu, hàng hóa và tự hoạt động sản xuất. Nếu không có các biện pháp giảm thiểu, tiếng ồn sẽ gây tác động trực tiếp đến khu dân cư xung quanh dự án. Tiếng ồn với cường độ cao kích thích mạnh mẽ hệ thần kinh trung ương, gây rối loạn chức năng thần kinh, nhức đầu, chóng mặt và sợ hãi, gây trạng thái khó chịu, tinh thần bất an, dễ gây bức bối và nóng giận dẫn đến những hành động khó kiềm chế.

b. Giao thông khu vực

Khi dự án đi vào hoạt động, số lượng xe ra vào dự án góp phần gia tăng lượng xe lưu thông trên các tuyến đường khu vực.

Việc gia tăng các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án làm tăng nguy cơ ách tắc giao thông tại nút giao, ngã rẽ các tuyến vào khu vực. Điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây tai nạn giao thông ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân lưu thông trên tuyến đường.

c. Tác động đến kinh tế – xã hội khu vực

** Tác động tích cực:*

- Hoạt động của Dự án đã tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế.

- Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

** Tác động tiêu cực:*

- Tác động đến hoạt động giao thông vận tải: Các phương tiện giao thông ra vào khu vực ngoài việc phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

- Các vấn đề về gây mất trật tự xã hội có thể xảy ra.

d. Tác động đến môi trường sinh thái

** Hệ sinh thái dưới nước*

- Các tác động đối với hệ sinh thái dưới nước bắt nguồn từ ô nhiễm nguồn nước do nước thải của Dự án gây nên (trong trường hợp các chỉ tiêu vượt quá quy chuẩn cho phép).

- Sự ô nhiễm do chất hữu cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước do vi sinh vật sử dụng oxy hòa tan để phân hủy các chất hữu cơ. Oxy hòa tan giảm sẽ gây tác hại đến hệ thủy sinh. Tiêu chuẩn chất lượng nuôi cá theo FAO quy định, nồng độ oxy hòa tan (DO) trong nước phải cao hơn 50% giá trị bão hòa (tức cao hơn 4 mg/L ở 25°C).

- Các chất rắn lơ lửng làm ngăn cản sự xuyên ánh sáng xuống nước, giảm quang hợp và giảm trao đổi chất gây tác hại cho đời sống thủy sinh.

** Hệ sinh thái trên cạn*

- Hầu hết các động vật đều rất nhạy cảm với sự ô nhiễm môi trường. Các chất ô nhiễm trong khí thải đều có tác động xấu đến thực vật và động vật.

- Bụi phủ lên lá cây làm cản trở quá trình quang hợp, hô hấp của thực vật làm cho cây chậm sinh trưởng.

- Các thành phần ô nhiễm trong không khí như SO₂, NO₂ và bụi ngay cả ở nồng độ thấp cũng làm chậm quá trình sinh trưởng của cây trồng, ở nồng độ cao làm vàng lá, quả bị lép, bị nứt và ở mức độ cao hơn cây sẽ bị chết. Đồng thời gây ảnh hưởng tới hệ hô hấp của động vật.

e. Tác động của nhiệt: Khu vực có liên quan đến nguồn nhiệt dư là khu vực sấy và khu ép nóng (ép nhiệt) tấm ván gỗ. Lượng nhiệt lượng này toả vào không gian nhà xưởng làm nhiệt độ bên trong nhà xưởng cao hơn so với nhiệt độ ngoài trời (chưa kể đến ảnh hưởng của điều kiện khí hậu trong khu vực) và gây ảnh hưởng tới sức khỏe và năng suất lao động. Khi phải làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, quá trình trao đổi chất trong cơ thể công nhân sản sinh ra nhiều nhiệt sinh học hơn. Do vậy, nếu khả năng sinh học của cơ thể người lao động không đủ để trung hòa các nhiệt dư thì gây ra trạng thái mệt mỏi, làm tăng khả năng gây chấn thương và có thể xuất hiện dấu hiệu lâm sàng của bệnh do nhiệt cao. Trong trường hợp phải làm việc thời gian dài trong điều kiện nhiệt độ cao sẽ gây rối loạn các hoạt động sinh lý của cơ thể và gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thần kinh trung ương. Nếu quá trình này kéo dài có thể dẫn đến bệnh đau đầu kinh niên.

3.3.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

a, Sự cố cháy nổ

Sự cố cháy nổ khi xảy ra gây nên các thiệt hại về người và của ảnh hưởng đến kinh tế xã hội và môi trường khu vực. Có thể xác định các nguyên nhân cụ thể như:

- Hoạt động vận chuyển nguyên nhiên vật liệu đến kho bãi của khu vực dự án bị rò rỉ xăng dầu trên đường.

- Các kho chứa nguyên, nhiên liệu là các nguồn dễ gây cháy.

- Hệ thống cấp điện cho các máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất có thể gây ra sự cố giật, chập và dẫn đến cháy nổ...gây thiệt hại về kinh tế và tai nạn lao động cho công nhân.

b, Sự cố tai nạn lao động

Nhìn chung tai nạn lao động có thể xảy ra tại bất kỳ một công đoạn nào của dự án, có thể xảy ra khi vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu, hàng hóa và khi vận hành máy móc, thiết bị. Nguyên nhân của các trường hợp xảy ra tai nạn lao động là do tính bất cẩn trong lao động, thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân.

- Nguy cơ rủi ro về tai nạn lao động đối với công nhân có thể xảy ra nếu nhà máy không quan tâm đến an toàn và kỷ luật lao động.

- Các yếu tố môi trường khắc nghiệt và cường độ lao động cao ngoài trời có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người công nhân như gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu. Điều này có thể gây ra các tai nạn lao động đáng tiếc.

- Chủ dự án sẽ quan tâm áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy và các điều kiện làm việc cũng như sinh hoạt cho công nhân, hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động.

c, Sự cố về công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải:

Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra đối với dự án gồm:

- + Hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do mất điện.
- + Hệ thống ngừng hoạt động do hỏng hóc máy móc, thiết bị xử lý.
- + Sự cố vỡ đường ống dẫn thu gom, xử lý nước thải.

- Đối với khu lưu giữ chất thải:

- + Diện tích khu lưu giữ chất thải không đảm bảo dẫn đến chất thải không được lưu giữ trong khu vực có mái che.
- + Chất thải không được vận chuyển đi xử lý thường xuyên.

d, Sự cố ngộ độc thực phẩm

Dự án có hoạt động nấu ăn ca cho công nhân viên làm việc tại công ty. Nếu hoạt động nấu ăn không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm như nguyên liệu nhập không rõ nguồn gốc, không đảm bảo vệ sinh trong quá trình nấu ăn, có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

e) Đánh giá, dự báo các tác động đến công trình thủy lợi khu vực dự án

Khi dự án đi vào hoạt động, lượng nước thải phát sinh khoảng 5,25 m³/ngày đêm tương đương với 0,000061m³/s. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án là mương tiêu phía Bắc cạnh dự án, do đó trong quá trình hoạt động của dự án sẽ gây tác động đến hệ thống mương tiêu nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước và khả năng tiêu thoát nước của khu vực, do đó chủ dự án cần phải có biện pháp giảm thiểu tránh làm ảnh hưởng đến hệ thống mương tiêu phía Bắc này.

3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.3.2.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường không khí

* Bụi, khí thải và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông

- Thiết kế tăng ma sát tại đường dốc dẫn vào cổng chính của dự án để hạn chế tốc độ của các phương tiện ra vào;

- Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông nhằm phân luồng xe ra vào hợp lý và thuận tiện;

- Trồng nhiều cây xanh tại các khu vực đất trống tạo cảnh quan, không gian xanh. Trồng cây xanh là biện pháp hỗ trợ tích cực để vừa giúp lọc không khí và tạo

cảnh quan cho khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, chắn tiếng ồn... Cây xanh lựa chọn trồng tại khu vực dự án là cây bản địa, dễ dàng thích nghi với điều kiện khí hậu của địa phương;

- Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh;

Công ty sẽ bố trí trồng cây xanh xung quanh dự án với tổng diện tích 2.400 m², cụ thể như sau:

Bảng 3.27: Vị trí, diện tích trồng cây xanh của Công ty

TT	Hướng trồng	Khu vực trồng	Loại cây trồng	Diện tích
1	Phía Đông	Giáp tường rào, khu vực văn phòng, cổng ra vào	Cây bạch đàn, cây nhãn, bàng...	660 m ²
2	Phía Tây	Giáp tường rào, khu xử lý vệ sinh môi trường	Cây phượng, bàng, chuối,...	790 m ²
3	Phía Nam	Giáp tường rào và khu vực xưởng sản xuất	Cây xoài, nhãn, bàng,...	547 m ²
4	Phía Bắc	Giáp tường rào và khu vực xưởng sản xuất	Cây bạch đàn, cây nhãn, sấu...	403 m ²
Tổng cộng				2.400 m²

*) *Biện pháp giảm thiểu tác động khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:*

Nồng độ khí thải từ máy phát điện đạt tiêu chuẩn cho phép, hơn nữa máy phát điện chỉ mang tính dự phòng chứ không hoạt động thường xuyên nên có thể khắc phục bằng cách đặt máy phát điện hoạt động tại phòng riêng biệt.

*) *Biện pháp giảm thiểu khí thải do phương tiện vận chuyển:*

- Không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe ô tô
- Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện vận chuyển
- Dự án cần có các biện pháp tuyên truyền đến các lái xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường và các công nhân phải thực hiện nghiêm ngặt vệ sinh lao động trong dự án, sử dụng hiệu quả các trang bị bảo hộ của Công ty cấp phát để bảo vệ sức khỏe của chính mình.

*) *Biện pháp giảm thiểu tác động khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:*

Nồng độ khí thải từ máy phát điện đạt tiêu chuẩn cho phép, hơn nữa máy phát điện chỉ mang tính dự phòng chứ không hoạt động thường xuyên nên có thể khắc phục

bằng cách đặt máy phát điện tại phòng riêng cách xa khu vực làm việc để không gây ảnh hưởng đến sức khỏe. Có biện pháp thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát để đảm bảo hiệu suất đốt nhiên liệu chuyển hóa thành điện năng cao.

****) Biện pháp xử lý nhằm giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường:***

- Thường xuyên bảo trì và quản lý các máy móc thiết bị và các hệ thống phụ trợ
- Công ty sẽ tiến hành trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp trong xưởng sản xuất.

- Thường xuyên quét dọn sau mỗi ca sản xuất.

- Tăng cường vệ sinh công nghiệp khu vực mái nhà xưởng, sàn nhà xưởng, dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị thu hồi bụi với tần suất 1 tháng/lần.

Ngoài những biện pháp kỹ thuật như đã trình bày ở trên, các nguồn gây ô nhiễm không khí sẽ được giảm thiểu đáng kể nếu quản lý tốt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

3.3.2.2 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nước

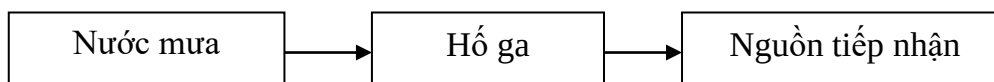
a. Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Lắp đặt hệ thống song chắn rác tại các hố ga để tách rác có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước, rác đọng lại trên song được thu gom theo chất thải rắn.

- Khi vào mùa mưa, hàng tháng phải có đội vệ sinh môi trường vệ sinh các hố ga, đường cống dẫn nước, không để nước mưa lưu trữ lâu trong hố ga và đường cống dẫn nước mưa.

- Giáo dục ý thức cho công nhân làm việc trong Nhà máy luôn vệ sinh sạch khu vực của mình làm việc và thu gom chất thải đúng nơi quy định là một yếu tố quan trọng nhằm giảm thiểu khả năng ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

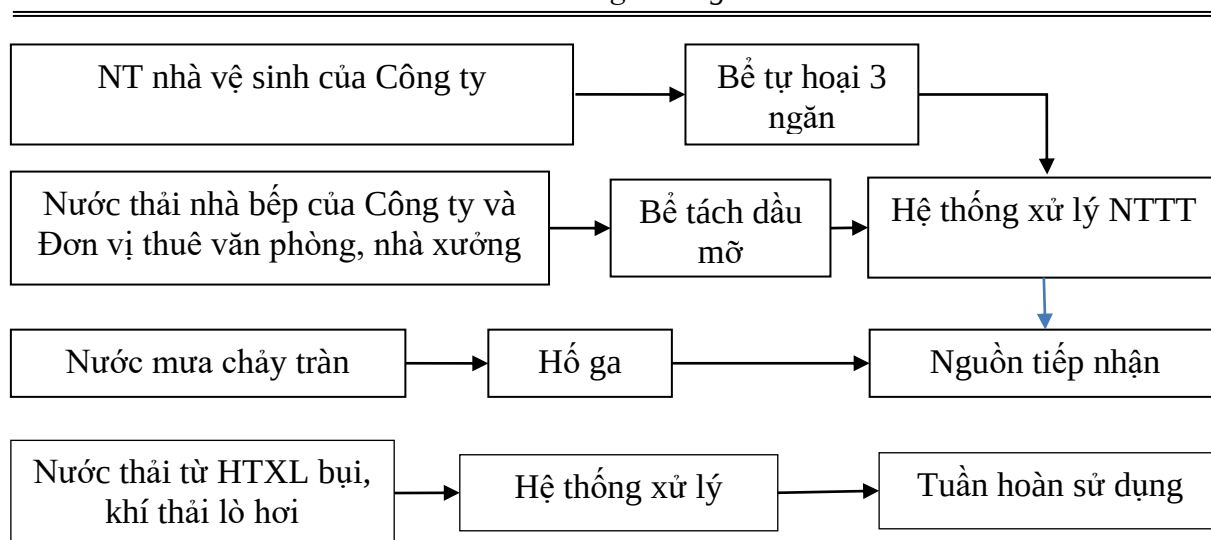


Hình 3.7. Sơ đồ xử lý nước mưa chảy tràn

Lượng nước này không thường xuyên và tương đối sạch nên không cần xử lý. Nước mưa chảy tràn lẫn đất cát, chất rắn lơ lửng, được thu gom vào hệ thống dẫn riêng, sau đó thải ra hệ thống thải chung. Ống thoát nước được thiết kế là loại ống BTCT chịu áp lực cao nhằm tránh các tác động cơ học làm hư hại ống.

b. Nước thải sinh hoạt

Sơ đồ phân luồng dòng thải giai đoạn vận hành của dự án được thể hiện qua hình sau:

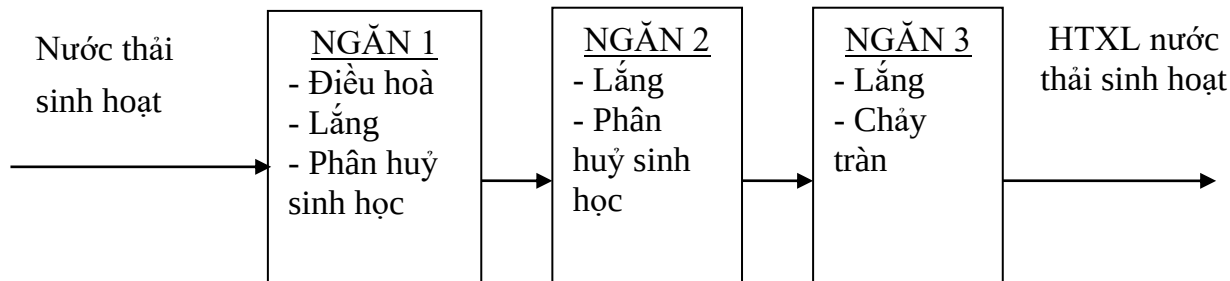


Hình 3.8. Sơ đồ phân luồng dòng thải của dự án

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy đạt QCVN 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt, sẽ được thải ra nguồn tiếp nhận.

- Đối với nước thải của khu vệ sinh:

Giải pháp xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của khu vệ sinh sẽ sử dụng bể tự hoại 3 ngăn được trình bày theo sơ đồ sau:



Hình 3.9. Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên tắc hoạt động của loại công trình này là lắng cặn và phân huỷ, lên men cặn lắng hữu cơ. Công ty sử dụng bể tự hoại loại 3 ngăn đạt tiêu chuẩn quy định về kích thước và khối lượng. Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước được đưa vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án.

- Thể tích yêu cầu của bể tự hoại: $V1 = d \times Q$

Trong đó: $V1$ = Thể tích bể tự hoại

d : Thời gian lưu với điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, có thể chọn $d = 4$ ngày.

Q : Lượng nước thải sinh hoạt trong ngày (m^3) ($Q = 5,25 m^3$)

$V1 = 5,25 m^3 \times 4 = 21 m^3$

Thể tích phần chứa bùn: $Wb = b \times N/1000 m^3$

Trong đó: N: Số lượng người (trong giai đoạn vận hành ổn định là 70 người)

b: Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn, 30 lít/ngày

$$W_b = 30 \times 70/1000 = 2,1 \text{ m}^3$$

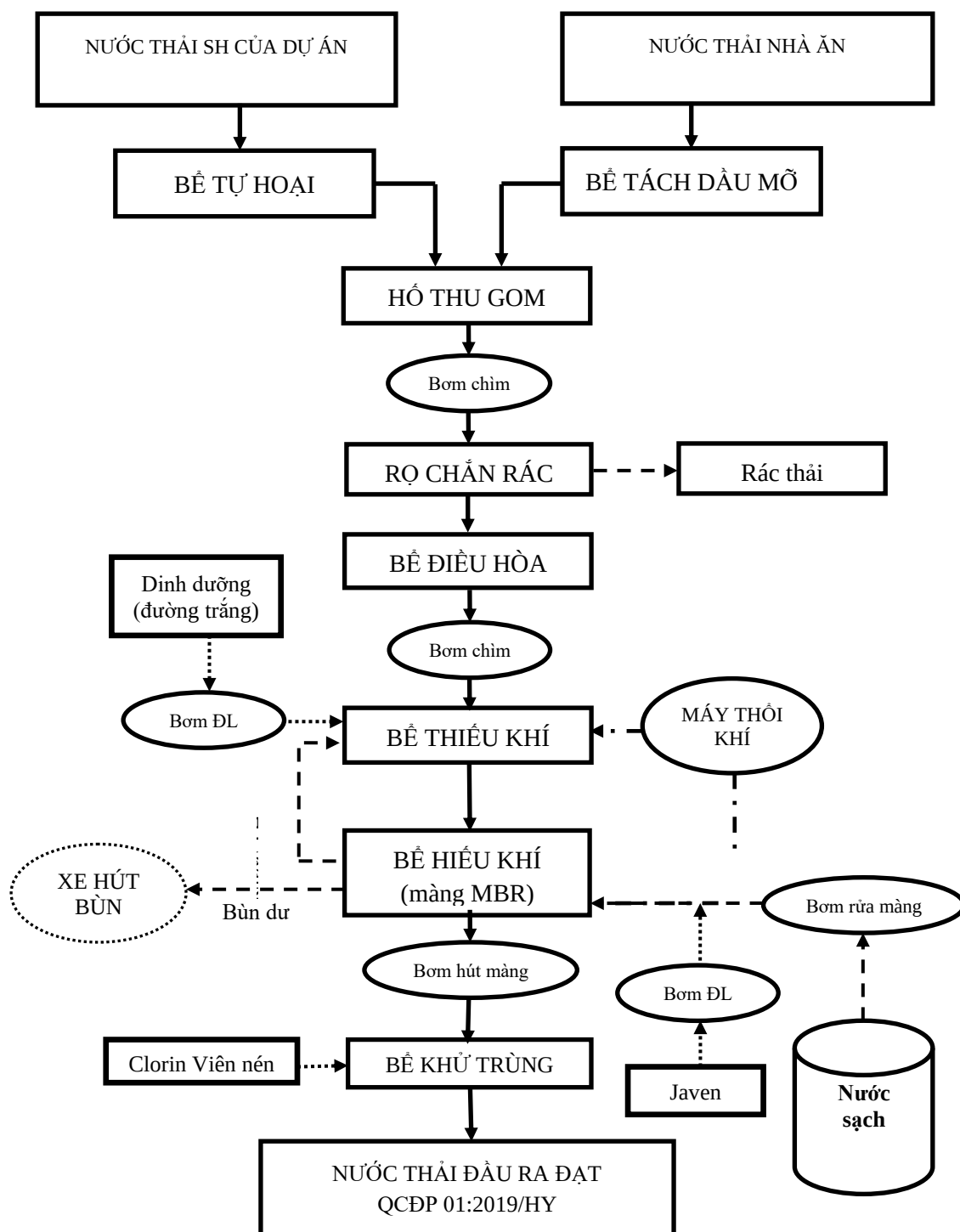
Như vậy thể tích bể tự hoại cần xây dựng là: $21 + 2,1 = 23,1 \text{ m}^3$.

Dự án sẽ bố trí nhà vệ sinh tại khu vực nhà ăn, nhà điều hành và xưởng sản xuất với 04 bể tự hoại và có tổng thể tích tối thiểu khoảng $23,1 \text{ m}^3$.

Dự án sử dụng 1 bể tách dầu mỡ tại khu vực nhà ăn với thể tích khoảng 1 m^3 .

***) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt**

Khi công ty đi vào hoạt động ổn định tổng lượng nước thải cần xử lý bao gồm nước thải sinh hoạt là $5,25 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Vì vậy công ty sẽ tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất $8 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm}$. Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt giới hạn cho phép theo QCVN 01:2019/HY. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty như sau:



Hình 3.10. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

Thuyết minh công nghệ:

*** Bể tách dầu mỡ**

Nước thải nhà bếp của dự án sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ. Để tách lớp dầu mỡ có trong dòng thải để tránh việc tắc nghẽn đường ống của hệ thống xử lý, cũng như tránh làm ảnh hưởng tới các công đoạn xử lý phía sau. Lượng dầu mỡ này sẽ được tách và thu gom theo định kỳ để đem đi xử lý.

*** Bể tự hoại**

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của công ty và đơn vị thuê văn phòng, nhà xưởng sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn. Làm giảm một phần nồng độ chất ô nhiễm hữu cơ bằng quá trình lắng và lên men kỵ khí, chuyển hóa các chất ô nhiễm khó xử lý, phức tạp về dạng đơn giản, dễ xử lý hơn. Đảm bảo cho quá trình xử lý phía sau đạt hiệu quả cao hơn. Bể có công dụng giống bể xử lý kỵ khí.

* **Hồ thu gom:** Nước thải sau khi qua song chắn rác được tập trung tại hồ thu gom của hệ thống xử lý tập trung.

* **Rọ chắn rác:** Nước thải từ hồ thu gom được bơm qua rọ chắn rác về ngăn điều hòa nước thải.

* **Bể điều hòa:** Bể điều hòa đóng vai trò điều hòa lưu lượng nước thải đi vào các hệ thống xử lý tiếp theo đảm bảo độ ổn định của hệ thống xử lý.

* **Bể thiếu khí:** Xử lý hợp chất có chứa N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphorit. Quá trình Nitrat hóa xảy ra như sau:

Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu oxy, các vi khuẩn này sẽ khử Nitrat Denitrificans sẽ tách oxy của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa:

$\text{NO}_3^- \Rightarrow \text{NO}_2^- \Rightarrow \text{N}_2\text{O} \Rightarrow \text{N}_2$. Khí N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài.

Với quá trình Photphorit hóa, chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng vi sinh vật hiếu khí.

Bên trong bể thiếu khí được thiết kế đặt các ống đục lỗ DN 2mm để phân phối khí thô. Dự án sử dụng một máy thổi khí để cung cấp khí thô có kích thước lớn để đảo trộn nước thải, tăng hiệu quả của quá trình khử nitrat của bể điều hòa và bể thiếu khí. Tại mỗi ngăn, sẽ lắp đặt các van điều tiết lưu lượng khí thổi vào.

* **Bể hiếu khí:**

Quá trình hiếu khí ở đây sử dụng bùn hoạt tính lơ lửng hiếu khí có chứa nhiều chủng vi sinh vật có khả năng phân hủy, oxy hóa các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Không khí từ bên ngoài được cung cấp vào ngăn hiếu khí bằng máy thổi khí đặt cạn thông qua hệ thống đĩa phân phối khí tinh đặt dưới đáy ngăn nhằm để duy trì nồng độ oxy hòa tan tối ưu cho các chủng vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Lưu lượng khí cung cấp xuống ngăn hiếu khí được điều tiết bằng hệ thống van đặt ngay trên đường ống khí.

Bể hiếu khí có vai trò xử lý BOD có trong nguồn nước. Quá trình này là quá trình sinh trưởng hiếu khí, chuyển hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước thành bùn hoạt tính (activated sludge) tồn tại ở dạng pha rắn, gồm 2 quá trình xử lý:

- Dùng vi sinh vật hiếu khí kết hợp với oxy để chuyển hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nước thành tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào).

- Dùng oxy trong không khí để oxy hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước để chuyển hoá thành các hợp chất khí (chủ yếu là CO_2) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ (chủ yếu là NH_4^+) thành NO_2^- và NO_3^-

Tại bể hiếu khí có đặt khung màng MBR (trong khung màng MBR bao gồm các tấm màng lọc MBR – màng dạng tấm phẳng có kích thước lỗ lọc là $0,2\ \mu\text{m}$). Màng lọc MBR có chức năng là rút nước sạch trong ngăn hiếu khí đi qua các lỗ lọc có trên các tấm màng MBR sang ngăn khử trùng, thông qua bơm hút màng. Bơm hút màng sẽ hút nước sạch từ màng MBR đi qua các lỗ lọc có trên bề mặt của tấm màng MBR. Các lỗ lọc trên tấm màng MBR chỉ có kích thước là $0,2\ \mu\text{m}$ do đó chỉ có nước sạch và các thành phần có kích thước nhỏ hơn $0,2\ \mu\text{m}$ mới có thể đi qua được lỗ lọc, đảm bảo có rất ít hoặc không có cặn lơ lửng đi theo nước sạch sang ngăn khử trùng.

Bơm rửa màng sẽ đẩy nước sạch vào tấm màng MBR, nước sạch sau đó được đi qua các lỗ lọc có trên bề mặt của tấm màng, đồng thời bơm rửa màng sẽ kéo theo các cặn bẩn bám trên các lỗ lọc và trên bề mặt tấm màng, nhằm duy trì tuổi thọ cho các tấm màng MBR.

Bơm hút màng và bơm rửa màng đều được kiểm soát bằng các đồng hồ đo áp suất nhằm đảm bảo không hút quá nhiều và không đẩy quá mạnh vào trong màng gây ra hiện tượng rách màng, hỏng màng, giảm tuổi thọ cho màng MBR.

Dưới khung màng MBR có hệ thống phân phối khí thô, bằng các ống uPVC đục lỗ $\text{Ø}2\text{mm}$ được bố trí dàn đều dưới khung màng, có mục đích để rung các tấm màng không cho vi sinh vật và bùn hoạt tính dính bám trên bề mặt tấm màng nhằm nâng cao hiệu quả hút và tránh tắc cho các tấm màng MBR.

- Quá trình hút, rửa màng MBR bằng nước sạch được thực hiện theo chế độ tự động như sau:

+ Hút màng: thông qua bơm hút màng được thực hiện 08 phút;

+ Rửa màng: thông qua bơm rửa màng được thực hiện 02 phút;

Quá trình hút màng, rửa màng được thực hiện luân phiên, thực hiện liên tục và được cài đặt tự động trong suốt quá trình vận hành.

- Quá trình rửa màng định kỳ bằng dung dịch Javen 0,2%: thực hiện định kỳ 3 tháng/lần, màng được rửa trong thời gian 15 phút.

Lượng nước sau khi rửa màng được xử lý tiếp trong ngăn hiếu khí. Định kỳ 2-3 năm, màng MBR được thay để đảm bảo hiệu quả xử lý của màng.

Tại bể hiếu khí MBR có lắp đặt bơm tuần hoàn nước thải từ bể hiếu khí MBR về bể thiếu khí nhằm phục vụ cho quá trình khử nitơ, tăng hiệu quả xử lý nitơ có trong nước thải.

*** Bể khử trùng:**

Nước thải sau khi qua bể hiếu khí MBR được bơm qua màng lọc sang bể khử trùng. Hầu hết các giai đoạn xử lý trước không xử lý được virus gây bệnh (vi khuẩn có kích thước rất nhỏ). Để hoàn thiện cho toàn bộ quá trình xử lý thì cần phải dùng hoá chất có khả năng loại bỏ được toàn bộ mầm bệnh này. Tại bể khử trùng, Công ty sử dụng Clorine dạng viên nén bổ sung vào nguồn nước để diệt các mầm vi trùng và vi khuẩn gây bệnh. Nước thải sau khi qua bể khử trùng đảm bảo nước thải đạt QCVN 01:2019/HY.

*** Xử lý bùn**

Do mật độ bùn hoạt tính duy trì trong bể hiếu khí MBR là rất lớn (khoảng 8.000 – 10.000 mg/l) nên toàn bộ lượng bùn dư và bùn thải của các giai đoạn xử lý được giữ tại bể hiếu khí MBR. Sau đó sẽ thuê đơn vị xử lý môi trường hút và vận chuyển đi xử lý theo định kỳ.

Danh mục kích thước các hạng mục xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.28: Danh mục kích thước các hạng mục xử lý của hệ thống

TT	Hạng mục	Vật liệu	Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Thể tích(m ³)
1	Hố thu gom	BTCT	3	2,5	2	15
2	Bể điều hòa	BTCT	1	2	2	4
3	Bể thiếu khí	BTCT	0,6	2	2	2,4
4	Bể hiếu khí MBR	BTCT	1,3	2	2	5,2
5	Bể khử trùng	BTCT	0,6	2	2	2,4

Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.29: Danh mục máy móc thiết bị vận hành hệ thống

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1	Hố thu gom				
1.1	Bơm chìm	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng: Q=4 m ³ /h - Cột cấp: H=6 m - Công suất: 1/3 HP, 1 pha 50Hz; - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox;	Đài Loan	BỘ	1

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1.2	Phao báo mức cho bơm	- Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Đài Loan	BỘ	1
2	Ngăn điều hòa				
2.1	Rọ chắn rác	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước lỗ lọc 2-5mm - Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	BỘ	1
2.2	Bơm chìm	- Lưu lượng: Q=4 m ³ /h- Cột cấp: H=6 m- Công suất: 1/3 HP, 1 pha 50Hz; - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox;	Đài Loan	BỘ	1
2.3	Phao báo mức cho bơm	- Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Đài Loan	BỘ	1
3	Ngăn thiếu khí				
3.1	Hệ khí đảo trộn	- Loại: ống phân phối khí thô - Vật liệu: PVC	Việt Nam	HỆ	1
3.2	Bồn chứa dinh dưỡng	- Vật liệu: PP/PE - Kích thước: 300L	Việt Nam	HỆ	1
3.3	Bơm định lượng	- Lưu lượng: 0-15 L/H - Cột áp: 1bar - Công suất: 0,058 kW/50Hz/220V	Rumania	CÁI	1
4	Ngăn hiếu khí				
4.1	Máy thổi khí cạn	- Loại: Con sò - Lưu lượng 0.8 m ³ /p - Cột áp: H=2 m; - Công suất: P=1.5 kW/380V/50Hz	Đài Loan	CÁI	1
4.2	Hệ thống phân phối khí	- Loại: đĩa: 270 mm, phân phối khí tinh - Lưu lượng: 0-9 m ³ /h - Vật liệu: EDPM	Đài Loan	HỆ	1

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
4.3	Bơm nội tuần hoàn	- Loại: Bơm Air lift, - Lưu lượng: Q =2 m ³ /h - Cột cấp: H = 4m - Vật liệu: Inox 304; PVC	Việt Nam	BỘ	1
4.4	Màng MBR	- Loại màng tấm phẳng- Vật liệu:+ Vật liệu màng: PES (Polyethersulfone)+ Vật liệu khung đỡ màng: ABS	Hàn Quốc	HỆ	1
4.5	Khung màng MBR	- Vật liệu: Inox 304 - Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	BỘ	1
4.6	Bơm cặn	- Loại bơm li tâm - Lưu lượng: 1 m ³ /h - Cột áp: 20m - Công suất: 0.15Kw/220V/50Hz	Việt Nam	CÁI	2
4.7	Van điện	- DN27	Việt Nam	CÁI	2
4.8	Lưu lượng kế	- Đo lưu lượng nước thải	Đài Loan	CÁI	2
4.9	Phao báo mức	- Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Đài Loan	BỘ	2

** Đánh giá tính hiệu quả, hiệu suất, khả thi và hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải:*

- Vận hành đơn giản, không đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao;
- Chi phí vận hành thấp;
- Không gây độc hại cho người vận hành hệ thống;
- Nước thải sau xử lý luôn đảm bảo ổn định và đạt theo QCDP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt.
- Cơ chế rửa màng MBR tự động do đó hạn chế được các thao tác không chính xác.
- Hàm lượng bùn hoạt tính cao khoảng 8.000 – 10.000 mg/l sẽ được hút luôn từ bể hiếu khí sau đó thuê xử lý.

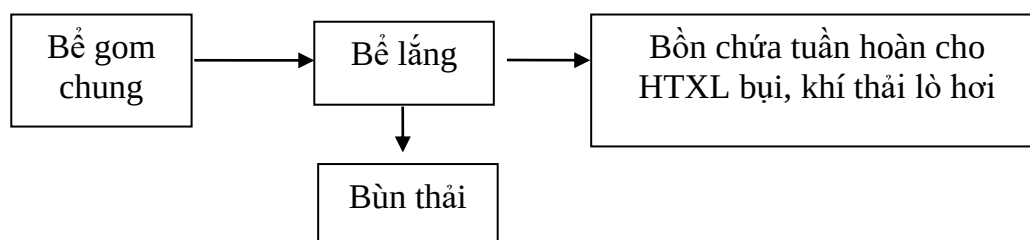
- Hệ thống được thiết kế nhỏ gọn, diện tích xây dựng ít.
- Chi phí xây dựng và duy trì vận hành hệ thống cũng tương đương như các hệ thống xử lý khác có cùng công suất.

* Chế độ vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: vận hành tự động, liên tục 24/24h, hóa chất được nhân viên vận hành hệ thống pha theo đúng hướng dẫn trong quy trình vận hành hệ thống và dùng chế độ bơm tự động điều chỉnh về các ngăn xử lý. Trong chế độ vận hành tự động các máy bơm nước thải, máy thổi khí cạn, máy bơm định lượng dinh dưỡng được điều khiển tự động bằng phao báo mức và role thời gian. Chế độ này cho phép tiết kiệm điện năng và nhân công khi vận hành.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án: là mương tiêu nằm phía Bắc dự án
- Vị trí xả thải: xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 2321406$; $Y(m) = 557745$.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Phương thức xả thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại HTXL nước thải của Công ty được thải ra nguồn tiếp nhận bằng phương thức tự chảy.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 01:2019/HY- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($k=1,2$, $k_{HY}= 0,85$).

c. Biện pháp xử lý nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

Dự án đầu tư các bể để xử lý nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi. Toàn bộ nước thải của HTXL bụi, khí thải lò hơi sau khi qua hệ thống các bể như sơ đồ dưới đây được sử dụng tuần hoàn cho hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi. Sơ đồ của hệ thống như sau:



Hình 3.11. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của HTXL bụi, khí thải của lò hơi

Thuyết minh quy trình:

Trong quá trình xử lý khí thải từ lò hơi có phát sinh một lượng nước thải, lượng nước này có tính axit và chứa nhiều cặn lơ lửng. Toàn bộ lượng nước từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi được bơm thu gom theo hệ thống đường ống uPVC DN50 đưa về bể gom chung. Thể tích của bể gom chung là 10 m^3 ($D \times R \times H = 2,5\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$), được xây dựng bằng BTCT mac 200.

Từ bể gom chung, nước được đi vào bể lắng 2 ngăn (kích thước $L \times R \times H = 3\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m} = 12 \text{ m}^3$), được xây dựng bằng BTCT mac 200. Nước sau khi được lắng qua 2 ngăn thì

phần nước trong được bơm vào bồn chứa (bằng vật liệu inox) để tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình xử lý bụi, khí thải, thể tích bồn chứa là 10m³. Phần bùn cặn từ quá trình lắng lọc được định kỳ 3 tháng/lần nạo vét và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Quá trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý khí thải giúp giảm thiểu lượng nước thải phát sinh tại dự án.

Đồng thời lượng nước xả cặn nồi hơi định kỳ 1 tuần/lần cũng được đưa về hệ thống trên để xử lý tuần hoàn.

** Đánh giá tính khả thi và hiệu quả xử lý:*

- Vận hành đơn giản, không đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao;
- Hệ thống được thiết kế nhỏ gọn, diện tích xây dựng ít do đó chi phí vận hành thấp;
- Không gây độc hại cho người vận hành hệ thống;
- Nước thải sau bể lắng theo cảm quan không còn màu đen, không đục mà có màu trắng trong, do đó được tuần hoàn lại cho quá trình xử lý khí thải lò hơi.

3.3.2.3 Biện pháp giảm thiểu do tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng, dự kiến đầu tư 05 thùng chứa chất thải thông thường, 07 thùng chứa chất thải nguy hại, công nghiệp, thể tích mỗi thùng chứa khoảng 500 lít.

- Bố trí khu lưu giữ tạm thời chất thải thông thường và chất thải nguy hại với tổng diện tích khoảng 50 m² có dán biển báo theo quy định. Trong đó diện tích khu lưu giữ chất thải thông thường là 25 m² và diện tích khu lưu giữ chất thải nguy hại là 25 m².

- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt:** Đối với chất thải sinh hoạt thông thường, chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom để xử lý theo quy định với tần suất 2 lần/tuần. Bùn thải từ hệ thống hồ ga, bể tự hoại phát sinh tại nhà máy thu gom với tần suất 03 lần/tháng.

- **Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:** Chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được thu gom lại được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- **Đối với chất thải nguy hại:** Chất thải nguy hại được thu gom lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải tạm thời của nhà máy. Khu lưu giữ chất thải rắn nguy hại được xây dựng có tường bao quanh, có mái che bằng tôn tránh mưa dột, nền bê tông, gắn biển báo theo quy định đối với từng loại chất thải và bố trí rãnh thu (kích thước 10cm x 20cm) và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ dầu mỡ thải, hố thu có kích thước LxBxH = 0,5 m x 0,5m x 0,5 m. Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng (Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11- Urenco 11,...) vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Biển cảnh báo được lắp tại mỗi thùng chứa chất thải nguy hại ở vị trí đúng với tầm nhìn của mọi người, hoặc cao hơn một chút và dấu hiệu biển gồm hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen với các biểu tượng màu đen và chữ màu đen (nếu có) tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009. Một số hình ảnh về biển cảnh báo chất thải nguy hại như sau:



Hình 3.12. Biển cảnh báo chất thải nguy hại

(Vị trí khu lưu giữ chất thải của dự án được thể hiện rõ trên mặt bằng tổng thể dự án đính kèm phụ lục báo cáo).

3.3.2.4. Các biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Hầu hết các loại máy móc, thiết bị dự kiến sử dụng đều có mức ồn không lớn lắm. Để giảm tiếng ồn Nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn bằng việc cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm.
- Các thiết bị gây ồn lớn như: Máy cắt, máy phát điện, máy bơm,... áp dụng phương pháp cách âm, cách ly nguồn phát sinh bằng việc bố trí máy phát điện, máy bơm tại khu vực kỹ thuật tách riêng với khu vực sản xuất và nhà văn phòng; máy cắt được bố trí tại khu vực cuối xưởng để giảm thiểu ảnh hưởng đến toàn khu vực phân xưởng sản xuất.
- Đối với các thiết bị không thể cách ly như quạt gió, tại các ống hút, ống đẩy sử dụng các môi nối mềm. Lắp các chi tiết giảm ồn và rung, ống giảm thanh và gioăng cao su, lò xo giảm chấn..

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

b. Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư

Thiết kế nhà xưởng thông thoáng với chiều cao hợp lý đảm bảo cho không khí bên ngoài và không khí bên trong nhà xưởng lưu thông, trao đổi dễ dàng, giảm thiểu bức xạ nhiệt do ánh nắng mặt trời và nguồn hơi nóng do hoạt động sản xuất.

c. Các vấn đề về an toàn lao động

- Trang bị kiến thức đầy đủ cho công nhân trước khi công nhân bước vào làm việc chính thức, cần có thời gian đào tạo ngắn hạn để đảm bảo công nhân hiểu rõ quy

trình làm việc của máy móc và thực hiện nghiêm ngặt quy trình đảm bảo an toàn lao động.

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, mũ bảo hộ, ...

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao và các thiết bị tại các công đoạn sử dụng hóa chất.

- Nhà máy sẽ thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Nhà máy.

3.3.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a, Đối với sự cố cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa:

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho đội phòng cháy cơ sở để kịp thời xử lý các tình huống khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Vệ sinh công nghiệp đối với nhà kho, nhà xưởng.

- Bố trí, sắp xếp hàng hóa đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC.

- Trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ theo quy định.

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động đối với toàn bộ diện tích nhà xưởng, nhà kho theo quy định.

- Thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc đối với nhà, công trình kiến trúc và các trang thiết bị kèm theo; máy móc thiết bị; các loại hàng hóa, vật tư và tài sản khác.

- Nước cấp cho cứu hoả được lấy trực tiếp từ các họng cứu hoả cạnh nhà xưởng đặt tại những vị trí thích hợp thuận tiện trong công trình.

- Hệ thống PCCC của công trình được thiết kế và được sự chấp nhận riêng của cơ quan quản lý.

- Bố trí lắp đặt các thiết bị như bình chữa cháy dạng bột hoặc khí phù hợp với các nguồn phát sinh gây cháy tại khu vực lắp đặt.

- Hệ thống hoạt động thường trực 24/24 để đảm bảo an toàn trong mọi trường hợp bất ngờ xảy ra cháy.

Phương án tuyên truyền và tập huấn ứng phó sự cố cháy nổ cho nhân viên.

- Chủ dự án thường xuyên nhắc nhở, tập huấn về công tác PCCC – chữa cháy và thoát nạn (có sự hướng dẫn của Công an PCCC) cho mọi đối tượng trong Dự án.

- Quản lý việc sử dụng các thiết bị điện trong các khu sản xuất đúng kỹ thuật tránh sử dụng điện quá tải làm ảnh hưởng đến hệ thống điện toàn công trình.

- Các bảng tiêu lệnh PCCC phải được gắn ở những nơi có nguy cơ cháy nổ cao.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị giám sát các thông số kỹ thuật và kiểm tra hệ thống quạt tăng áp, hút khí ở các buồng thang thoát nạn.

- Thiết kế hệ thống chống sét theo đúng quy định của nhà nước.

- Kiểm tra dây dẫn điện tránh sự quá tải trên đường dây.
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị chữa cháy và báo cháy, các thiết bị và dây dẫn chống sét công trình để đảm bảo khi có sự cố xảy ra thì vẫn hoạt động tốt.
- Phải chấp hành các quy định về an toàn điện.
- Chủ dự án trang bị tủ bình cứu hỏa và đặt vào các vị trí theo đúng tiêu chuẩn để bảo đảm chữa cháy tại chỗ kịp thời.

Hệ thống chữa cháy cục bộ bằng các bình xách tay:

Nhằm đảm bảo an toàn và kịp thời dập tắt các đám cháy khi vừa phát sinh, trong khu nhà xưởng được bố trí lắp đặt các bình khí xách tay. Bình chữa cháy cầm tay được bố trí tại các vị trí xung yếu đặt trong các tủ chữa cháy dùng để dập tắt đám cháy tức thời khi mới bắt đầu cháy. Vị trí lắp đặt nơi dễ thấy, dễ lấy và thuận tiện cho việc sử dụng khi có cháy. Các loại bình sử dụng gồm:

- Bình chữa cháy bột đa chức năng MFZL4 để chữa các đám cháy có nguồn gốc là xenlulo, cháy điện, cháy kim loại và các loại đám cháy khác, trừ chữa cháy các thiết bị kỹ thuật không thể vệ sinh được sau khi chữa cháy.
- Bình chữa cháy CO₂ được bố trí để chữa cháy các thiết bị kỹ thuật, thiết bị điện tử...
- Xe đẩy chữa cháy bột loại 35kg MFZ 35 được bố trí ở gara với mục đích chữa cháy các đám cháy xăng dầu đã phát triển tương đối lớn.

Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, người phát hiện phải bấm còi báo động đồng thời hô hào mọi người xung quanh để cùng dập lửa; dùng bình xịt hoặc hệ thống bơm nước để dập tắt đám cháy;
- Người gần khu vực cầu dao điện nhanh chóng đến ngắt nguồn điện và cho ngừng hoạt động sản xuất;
- Di tản mọi người ra khỏi khu vực cháy;
- Thông báo cho đơn vị cảnh sát chữa cháy, đơn vị y tế gần nhất;
- Nếu có người mắc kẹt phải tổ chức thực hiện giải cứu và đưa người mắc kẹt ra ngoài;
- Người bị kẹt trong khu vực đám cháy phải dùng quần áo bịt kín và thực hiện các thao tác đã huấn luyện để di tản ra khỏi khu vực đám cháy;
- Khi người mắc kẹt được đưa ra khỏi đám cháy mà bị ngất, bộ phận y tế cấp cứu bên ngoài hoặc ai đó thực hiện thao tác sơ cứu hà hơi thổi ngạt như đã được tập huấn, và đưa người bị thương đi bệnh viện.

b, Tai nạn lao động

Để tránh các sự cố tai nạn lao động không đáng có xảy ra, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố như sau:

Phòng ngừa:

- Đề ra các nội quy an toàn lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn cho máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm.

- Quy định về trang phục, đầu tóc gọn gàng trong khi làm việc và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Cấm sử dụng điện thoại di động, làm việc riêng trong giờ làm việc;

- Đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc cho người mới được tuyển dụng;

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho người công nhân;

- Kiểm tra thiết bị an toàn, gương chiếu hậu của phương tiện vận tải để tránh các tai nạn không đáng có xảy ra.

Ứng phó:

Khi sự cố xảy ra tùy theo mức độ của tai nạn mà thực hiện các biện pháp ứng phó khác nhau nhưng về cơ bản qua các bước như sau:

- Khi phát hiện sự cố người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm của tai nạn và thông báo cho giám đốc sản xuất hoặc trưởng bộ phận sản xuất để cho dừng hoạt động và thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu kịp thời: Các phương pháp sơ cứu khẩn cấp là các biện pháp cấp cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mạng và tránh tai biến khi người lao động bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của các bác sỹ. Khi xảy ra tai nạn cần phải:

Kiểm tra xem nạn nhân có bị chảy máu, gãy xương, nôn hay không.

Kiểm tra xem nạn nhân có còn tỉnh táo, còn thở, mạch còn hay không.

Các biện pháp sơ cứu

- Ra máu nhiều:

+ Dùng bông hoặc gạc sạch bịt vết thương

+ Nâng tay hoặc chân bị thương so với tim

+ Dùng băng để buộc chặt vết thương, chú ý không buộc quá chặt

+ Chú ý nếu sử dụng phương pháp cầm máu trực tiếp không có hiệu quả thì sử dụng nẹp cầm máu.

- Bỏng do nhiệt:

+ Làm mát xung quanh vết bỏng bằng nước lạnh, đá.

+ Để nguyên dạng vết thương, không thoa kem, dầu lên vết thương.

- Gãy xương:

Trước hết phải điều trị vết thương khi có máu ra cần phải cầm máu, khi có mảnh xương nhô cần khử trùng cho vết thương, để miếng gạc dày, sạch lên vết thương và dùng băng đàn hồi băng cầm máu, tránh dùng dây và băng thường để buộc.

Có chấn thương không nguy hiểm đến tính mạng: Sơ cứu tại chỗ nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất. Tai nạn nghiêm trọng sơ cứu tại chỗ, gọi cấp cứu theo số 115 và làm theo hướng dẫn của y tế. Nếu huy động được phương tiện, nhanh chóng chuyển đến cơ sở để cấp cứu, gọi điện báo cáo cơ sở.

c, Sự cố đối với các công trình bảo vệ môi trường

- *Đối với hệ thống xử lý nước thải:*

- + Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- + Thường xuyên theo dõi hoạt động, quy trình vận hành của hệ thống; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.
- + Định kỳ tiến hành hút hầm cầu với bể tự hoại và hút bùn cặn tại bể xử lý nước thải.

+ Đối với các sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải. Công ty sẽ tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với hệ số an toàn cao, đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả, không bị vượt quá lưu lượng.

Tuy nhiên trong quá trình vận hành có thể do lỗi vận hành của công nhân dẫn đến đầu ra của hệ thống xử lý không đạt. Công ty sẽ kết hợp với các đơn vị có chuyên môn, chức năng trong việc đào tạo, hướng dẫn công nhân vận hành và giải quyết các hậu quả do sự cố xảy ra.

Nếu hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố mà chưa thể khắc phục ngay công ty sẽ phải dừng hoạt động sản xuất, tuyệt đối không thải nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- *Hệ thống xử lý khí thải lò hơi:* Công ty cần có cán bộ chuyên trách về môi trường, có quy trình vận hành, giám sát, ghi nhật ký vận hành để vận hành hệ thống xử lý khí thải và kiểm tra thường xuyên hiệu quả xử lý khí thải của hệ thống.

- + Sử dụng nước sạch để cấp cho hệ thống xử lý khí thải, nước tuần hoàn cần được xử lý cặn lắng triệt để tránh gây tắc nghẽn hệ thống phun nước của tháp hấp thụ.
- + Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý.
- + Đồng thời cần chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với một số các bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, xyclon...

- *Hệ thống thu hồi bụi:* Trong quá trình hoạt động hệ thống thu hồi bụi có thể xảy ra sự cố như túi vải rách, quạt hút hỏng. Do đó công ty cần có cán bộ chuyên trách vận

hành hệ thống, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ. Đồng thời cần chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với một số các bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, túi vải lọc bụi...

- *Hệ thống xử lý hơi keo:*

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống để kịp thời khắc phục khi có sự cố.

+ Thay thế than hoạt tính định kỳ 3 tháng/lần đảm bảo xử lý khí thải hiệu quả.

+ Định kỳ bảo dưỡng quạt hút để đảm bảo hút triệt để nguồn khí thải phát sinh.

- *Khu lưu giữ chất thải:*

+ Xây dựng khu lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao đề phòng khi có sự cố rò rỉ chất thải ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

+ Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

+ Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

) *Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố lò hơi

- Biện pháp phòng ngừa: Một số lưu ý về an toàn khi vận hành lò hơi:

Khi vận hành lò hơi, vấn đề sự cố cần quan tâm nhất là có thể xảy ra như cháy nổ bình đun và đường ống dẫn. Để sự cố cháy nổ không xảy ra, Nhà máy thực hiện một quy trình vận hành nồi hơi bao gồm:

+ Thường xuyên theo dõi mực nước trong bình đun qua ống thủy nhằm giảm thiểu hiện tượng cạn nước làm cháy bình đun, gây hiện tượng cháy nổ do khi đó độ bền của vỏ bình đun giảm xuống, còn áp suất bên trong bình đun thì tăng lên.

+ Đào tạo chuyên môn cho người vận hành lò hơi để họ nắm được khi xảy ra sự cố cạn nước trong bình đun, tuyệt đối không được đổ thêm nước vào bình, bởi ở nhiệt độ cao, nước bốc hơi rất nhanh làm cho áp suất trong bình tăng cao đột ngột dẫn đến nổ bình. Bên cạnh việc không được đổ thêm nước, người vận hành cần nhanh tay mở van an toàn cho áp bên trong bình đun hạ xuống.

+ Định kỳ vệ sinh buồng đốt nhằm tăng cường quá trình trao đổi nhiệt.

+ Thường xuyên kiểm tra các van an toàn, van điện từ cấp nước vào bình để đảm bảo các thiết bị này hoạt động hiệu quả, bởi đây là các thiết bị rất quan trọng để phòng tránh cháy nổ lò hơi.

+ Lắp đặt hệ thống đường ống dẫn có chất lượng tốt, khi lắp đặt song cần kiểm tra áp lực đường ống trước khi vận hành.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn hơi, tránh rò rỉ hơi nước ra bên ngoài.

+ Định lượng chính xác lượng chất đốt tối đa vào buồng đốt trong khoảng cho phép, tránh việc cho vào nhiều quá hoặc liên tục làm cho lượng nhiệt cấp tăng lên dẫn đến áp suất trong bình đun tăng, làm cho nguy cơ cháy nổ tăng.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ các chi tiết thiết bị bên trong lò hơi.

+ Định kỳ kiểm định nồi hơi, các đồng hồ áp kế, các van an toàn theo đúng quy định.

- Biện pháp ứng phó sự cố lò hơi:

+ Khi xảy ra sự cố lò hơi, phải di tản các công nhân làm việc tại khu vực lò hơi và xung quanh khu vực lò hơi ra khu vực an toàn;

+ Dừng các công đoạn sản xuất có liên quan tới lò hơi;

+ Báo cáo ngay sự cố với ban lãnh đạo dự án, liên hệ ngay với đơn vị cung cấp lò hơi để đến khắc phục tình hình.

d, Sự cố ngộ độc thực phẩm

Nhà ăn phải đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh: phải có thiết bị, tủ kính che đậy thức ăn, dùng nước sạch để đun nấu, ngâm rửa thực phẩm,....

e) Biện pháp giảm thiểu tác động đến công trình thủy lợi khu vực thực hiện dự án

Trong quá trình đi vào hoạt động, tổng lượng nước thải phát sinh từ dự án ước tính khoảng 5,25 m³/ngày đêm tương đương với 0,000061m³/s. Mương tiêu phía Bắc có chiều rộng khoảng 3m, chiều sâu khoảng 2m, lưu lượng chảy khoảng 2 m³/s; nên có khả năng tiếp nhận nước thải sau xử lý từ dự án. Đồng thời, chủ dự án cũng thường xuyên khơi thông dòng chảy tránh gây ngập úng cục bộ. Chủ dự án đầu tư HTXL NTSH đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 01:2019/HY (K=1, K_{hy}=0,85) trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận do đó lượng nước thải phát sinh từ dự án không ảnh hưởng đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

a, Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường mà chủ đầu tư dự án đưa ra và đã trình bày trên, dự toán kinh phí để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

Bảng 3.30: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án

TT	Danh mục các công trình	Thành tiền (VNĐ)	Trách nhiệm thực hiện
----	-------------------------	---------------------	--------------------------

I Giai đoạn thi công xây dựng			
1	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt và CTNH	5.000.000	Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
2	Thuê đơn vị chức năng, thu gom, xử lý	10.000.000	
3	Nhà vệ sinh di động, hố ga lắng nước thải thi công	25.000.000	
II Giai đoạn vận hành dự án			
1	Quạt thông gió, quạt hút các loại	100.000.000	Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
2	Hệ thống cây xanh trong khu vực dự án	30.000.000	
3	Bể tự hoại 3 ngăn	20.000.000	
5	01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	400.000.000	
11	Chi phí xây dựng khu lưu giữ CTR, CTNH tập trung	450.000.000	

(Giá của các danh mục công trình đang thực hiện chỉ có ý nghĩa tham khảo và được ước tính dựa trên giá tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khi triển khai thực tế giá sẽ được xác lập cụ thể trên cơ sở giá vật liệu nhân công tại thời điểm xây dựng).

b. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình BVMT

*** Giai đoạn thi công xây dựng**

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng thi công xây dựng với các nhà thầu, sẽ có điều khoản đảm bảo rằng nhà thầu sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đã đề ra trong báo cáo ĐTM của dự án;

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý dự án về mọi mặt chất lượng, kỹ thuật, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường bắt đầu từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến khi kết thúc giai đoạn xây dựng theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

*** Giai đoạn vận hành**

Công tác bảo vệ môi trường đảm bảo thực hiện:

- + Đảm bảo công tác quét dọn, vệ sinh và phân loại rác;
- + Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;
- + Vận hành hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- + Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến BVMT;

3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi” được thực hiện dựa theo các phương pháp sau: Phương pháp thống kê; Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm, Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993, Phương pháp so sánh, phương pháp lập bảng liệt kê và phương pháp tham vấn cộng đồng dân cư. Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM được trình bày trong bảng như sau:

Bảng 3.31: Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM

Stt	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	Cao	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh.
2	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	Cao	- Thiết bị lấy mẫu, phân tích mới, hiện đại - Dựa vào phương pháp lấy mẫu tiêu chuẩn
3	Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
4	Phương pháp so sánh	Cao	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
5	Phương pháp lập bảng liệt kê	Trung bình	Phương pháp chỉ đánh giá định tính hoặc bán định lượng, dựa trên chủ quan của những người đánh giá
6	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Cao	Dựa vào ý kiến chính thức bằng văn bản của UBND xã và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp từ dự án.

Báo cáo ĐTM cho dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi” do Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên làm chủ đầu tư đã đánh giá đầy đủ và có đủ độ tin cậy cần thiết về các tác động của dự án và đề xuất được các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động có hại.

Tuy nhiên, một số đánh giá trong báo cáo ĐTM theo phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993 này đã cũ và một số đánh giá còn định tính hoặc bán định lượng do chưa có đủ thông tin, số liệu chi tiết để đánh giá định lượng.

Chương 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ đầu tư dự án

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1,3 dưới dạng bảng như sau:

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Giai đoạn chuẩn bị	- San lấp mặt bằng - Xây dựng lán trại	Tác động tới môi trường không khí, nước, đất gồm: Khí thải, nước thải	- Hệ thống thoát nước - Che chắn cách ly khu vực dự án với các khu vực xung quanh	Trong suốt giai đoạn chuẩn bị
Giai đoạn thi công, xây dựng	- Vận chuyển nguyên vật liệu; - Xây dựng các hạng mục công trình kỹ thuật; - Bảo dưỡng phương tiện, máy móc thi công; - Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công tại công trường;	Tác động tới môi trường không khí, nước, đất gồm: Khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại	- Hệ thống lắng, thoát nước mưa, nước thải thi công; - Nhà vệ sinh di động; - Thùng chứa chất thải.	Trong suốt quá trình xây dựng của dự án
Giai đoạn vận hành	- Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào kho và nhà máy; - Quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, bốc dỡ sản phẩm tại nhà kho;	Bụi, khí thải, nhiệt dư	- Hệ thống cây xanh tạo cảnh quan, không gian xanh; - Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh;	Trong suốt quá trình dự án đi vào hoạt động.

*Báo cáo ĐTM của dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván sàn, gỗ ép xuất khẩu,
kho bãi và lưu giữ hàng hoá ”*

	- Hoạt động sản xuất - - Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: CO, NO₂, SO₂, ồn....		-	
	- Nước thải sinh hoạt - Nước mưa chảy tràn. - Nước thải từ HTXL khí thải lò hơi tuần hoàn	Tác động tới hệ thống thoát nước, môi trường nước mặt, môi trường nước ngầm.	- Hệ thống thu gom và thoát nước thải; - Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; - Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; - Nước phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được tuần hoàn tái sử dụng, không thải bỏ ra ngoài môi trường	Trong suốt quá trình dự án đi vào hoạt động.
	- Chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại phát sinh của dự án	- Các hoạt động làm phát sinh chất thải rắn và CTNH. - Tác động tới môi trường cảnh quan.	- Thùng chứa chất thải; - Khu lưu giữ chất thải; - Thuê đơn vị thu gom, xử lý	Trong suốt quá trình dự án đi vào hoạt động

4.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án

4.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Bảng 4.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây

Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
I - Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh			QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
02 mẫu tại khu vực thực hiện dự án (Đầu và cuối khu đất thực hiện dự án)	Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, SO ₂ , CO, NO ₂	tối thiểu 6 tháng/lần	
II - Giám sát chất lượng môi trường nước			QCVN 08:2023/BTNMT
01 mẫu nước mặt tại mương phía Bắc gần dự án	pH, DO, BOD ₅ , COD, TSS, NO ₂ ⁻ , NO ₃ ⁻ , NH ₄ ⁺ , Fe, As, Hg, Pb, Cd, tổng dầu, mỡ, coliform	tối thiểu 6 tháng/lần	
III. Giám sát chất thải rắn	Một lần sau quá trình thi công xây dựng, tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường		

4.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của dự án

Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Sau khi được cấp giấy phép môi trường công ty sẽ thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, khí thải theo điều 31 nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kì theo quy định tại điều 97 và 98 nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

* *Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;
- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình hoạt động và định kỳ 1 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường

4.2.4. Các phương pháp quan trắc và phân tích

Tuân thủ theo quy định của Nhà nước về hoạt động quan trắc, phân tích môi trường

4.2.5. Dự toán kinh phí quản lý, giám sát môi trường

- Dự toán kinh phí giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng của dự án:

+ Phân tích mẫu không khí xung quanh: 6 triệu đồng.

+ Phân tích mẫu nước mặt: 3 triệu đồng

Tổng cộng: 9 triệu đồng

- Kinh phí quản lý môi trường trong quá trình hoạt động hàng năm: 50 triệu đồng/năm

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Căn cứ vào kết quả khảo sát và phân tích Đánh giá tác động môi trường cho dự án “*Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi*” của Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên có thể đưa ra một số kết luận và kiến nghị như sau:

Dự án “*Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi*” đi vào vận hành sẽ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng về sản phẩm gỗ ván sàn, gỗ ép xuất khẩu.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án có thể gây ra một số tác động tiêu cực tới môi trường và con người trong khu vực dự án. Nhưng Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên đã có kế hoạch đầu tư cụ thể, đánh giá hết những tác động có thể có và cam kết thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu, khắc phục các tác động đó. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu và phòng ngừa ứng phó sự cố là đầy đủ, khả thi. Đây sẽ là cơ sở đảm bảo cho sự phát triển bền vững của khu vực dự án. Cam kết các hoạt động của Dự án đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường như đã quy định theo TCVN, QCVN.

2. Kiến nghị

Để dự án đi vào hoạt động có hiệu quả và mang lại những lợi ích phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh, chủ đầu tư dự án có một số kiến nghị sau:

Trên cơ sở đánh giá các nguồn tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, chúng tôi rất mong các cấp có thẩm quyền xét duyệt để Dự án sớm được triển khai và đi vào hoạt động.

Tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư dự án trong quá trình hoạt động như: việc vận chuyển nguyên, nhiên liệu...

Hỗ trợ về công tác an toàn giao thông, an ninh, trật tự xã hội tại khu vực Dự án.

3. Cam kết

3.1. Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật

Chủ dự án xin cam kết:

Cam kết tuân thủ thực hiện đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan.

Cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo ĐTM này và những yêu cầu theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

Cam kết lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường và thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

Cam kết đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường.

Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường như:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

QCVN 26:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

QCĐP 01:2019/HY– Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt.

QCVN 02: 2019/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo ĐTM của Dự án đã được phê duyệt.

Cam kết công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu quan trắc chất lượng môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của dự án.

Cam kết trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để có biện pháp quản lý và xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

3.1. Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong quá trình vận hành dự án:

Cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án như đã trình bày trong chương 3.

Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường trong quá trình vận hành dự án như đã nêu trong chương 4.

3.2. Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án

Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động như đã trình bày trong chương 3.

Cam kết thực hiện đúng đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại khi dự án đi vào hoạt động.

Cam kết chịu trách nhiệm, thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.

Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam./.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Nguồn tài liệu và dữ liệu của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi” được trình bày trong bảng sau:

TT	Tên tài liệu	Nguồn tài liệu
1	Luật bảo vệ môi trường	Nhà xuất bản Lao động – xã hội, năm 2020
2	Luật xây dựng và Văn bản hướng dẫn thực hiện	Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội năm 2005
3	Tài liệu về kỹ thuật xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tài liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và ngân hàng thế giới (WB)
4	Môi trường không khí- Phạm Ngọc Đăng	Do Phạm Ngọc Đăng biên soạn, nhà xuất bản xây dựng năm 2000
5	Giáo trình công nghệ xử lý nước thải	Do Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga biên soạn, nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, 2002
6	Tuyển tập Quy chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng	Quy chuẩn Việt Nam- 2008- 2009
7	Các tiêu chuẩn về thiết kế xây dựng	Tiêu chuẩn xây dựng- 2005
8	Phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm- WHO	Do tổ chức Y tế thế giới ban hành năm 1993
9	Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2021	Cục thống kê tỉnh Hưng Yên
10	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2024	UBND huyện Văn Lâm
11	Báo cáo tình kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022	UBND xã Chỉ Đạo

Số: 01 /QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 53/BC-SKHĐT ngày 09/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH LUONG THUC THUC PHAM TÂN THỊNH HUNG YÊN

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901001376 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 15/11/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/01/2018.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nghĩa Lộ, xã Chi Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Khả Mão; sinh ngày 14/12/1951; quốc tịch Việt Nam; Thẻ căn cước công dân số 001051001808 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/4/2016.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6, chợ Gạo, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Chỗ ở hiện tại: Số 6, chợ Gạo, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Chức danh: Giám đốc.

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án: **XUỒNG CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM VÀ CHO THUÊ NHÀ XUỒNG, KHO BÃI**

2. Mục tiêu dự án: Kinh doanh và chế biến lương thực, thực phẩm; xây dựng nhà xưởng, kho, bãi ngoài trời cho thuê.

3. Quy mô dự án: Bột gạo: 2.000 tấn/năm; bột đậu xanh: 200 tấn/năm; mứt các loại (mứt lạc, mứt bí, mứt gừng, mứt táo, mứt cà rốt, mứt sen): 2.000 tấn/năm; nhà xưởng, kho, bãi ngoài trời cho thuê: 15.000m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Vị trí khu đất: Phía Bắc giáp đất canh tác; phía Nam giáp đường nhựa; phía Đông giáp đất canh tác; phía Tây giáp khu đất hiện có của Công ty.

5. Diện tích đất sử dụng: Tại khu đất có diện tích khoảng 20.942m² (tổng diện tích thu hồi khoảng 22.200m², trong đó: 1.258m² làm hành lang đường giao thông).

6. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 55.000 triệu đồng, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 20.000 triệu đồng, chiếm 36,36% tổng vốn đầu tư. Chủ sở hữu Công ty (ông Đoàn Khả Mão) cam kết góp đủ vốn bằng tiền mặt trong vòng 36 tháng kể từ ngày dự án được quyết định chủ trương đầu tư.

- Vốn vay: 35.000 triệu đồng, chiếm 63,64% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày dự án được quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư:

- Tháng thứ 1 - tháng thứ 10: Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đền bù, san lấp mặt bằng;

- Tháng thứ 11 - tháng thứ 32: Xây dựng các hạng mục công trình;

- Tháng thứ 33 - tháng thứ 35: Lắp đặt máy móc, thiết bị và đưa một phần dự án vào hoạt động;

- Tháng thứ 36: Hoàn thiện tất cả các hạng mục công trình, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp và thời hạn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành về thuế tại thời điểm Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên chính thức đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu: Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất: Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

D:
ÁN F
JNG
AI BÀ
SA TRU

Điều 3. Trách nhiệm của nhà đầu tư

Sau khi Dự án được quyết định chủ trương đầu tư, Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên có trách nhiệm:

1. Ký quỹ để đảm bảo thực hiện Dự án Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014. Mức ký quỹ là 3% tổng vốn đầu tư (không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp cho Nhà nước và chi phí xây dựng các công trình công cộng thuộc dự án). Nhà đầu tư được giảm và hoàn trả tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời điểm ký quỹ sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư và trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam (nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản ký quỹ và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ký quỹ).

2. Triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, quy mô và tiến độ đã đăng ký. Chủ sở hữu Công ty góp đủ vốn theo đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp Công ty không thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ thì không được hưởng các chính sách ưu đãi.

3. Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

4. Lập Hồ sơ thiết kế cơ sở trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; phải xây dựng các hạng mục công trình theo đúng Giấy phép xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

5. Trường hợp có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ xây dựng, sản xuất và sinh hoạt, Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; nghiêm cấm tự ý khoan giếng khai thác, sử dụng nước và xả thải khi chưa thực hiện thăm dò, đánh giá trữ lượng, phân tích chất lượng nước và chưa được cấp phép theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện đối với mục tiêu kinh doanh vệ sinh an toàn thực phẩm, chế biến lương thực, thực phẩm; quyền và nghĩa vụ đối với tổ chức sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn liên quan đến mục tiêu xây dựng nhà xưởng công nghiệp, kho, bãi cho thuê. Không cho thuê nhà xưởng đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, như: Chế biến thực phẩm, thủy sản, sản xuất hóa chất, phân bón hóa học, nhuộm, giặt, mài, thuộc da, sản xuất giấy và các dự án có mạ kim loại, sơn, tái chế kim loại thủ công, tái chế nhựa ... theo tinh thần Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty; quy định về phòng, chống cháy, nổ, an toàn lao động và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án tại địa điểm đã đăng ký; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tuân thủ các quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư và các văn bản pháp lý liên quan.

8. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Văn Lâm điều chỉnh, bổ sung vị trí khu đất thực hiện dự án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Văn Lâm theo quy định của pháp luật về đất đai trước khi bàn giao đất.

9. Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên, Luật Tài nguyên nước, Luật Xây dựng, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 50 (năm mươi) năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 02 bản gốc. Một bản cấp cho Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên, một bản lưu tại UBND tỉnh Hưng Yên.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, TC, XD, TNMT, CT;
- UBND huyện Văn Lâm;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh; BẢN SẠO DỰNG VỚI BẢN GỐC
- UBND xã Chi Lăng;
- Lưu: VT, TH.

Ngày: 13-02-2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Ngọc Quỳnh



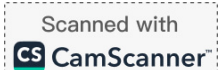
CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Sáng

Tên dự án: Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi
Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân thịnh Hưng Yên

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân thịnh Hưng Yên

- ### 6.1. Sơ đồ thửa đất:



PHƯƠNG ÁN TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY

DỰ ÁN: XƯỞNG CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VÀ CHỖ THUẾ NHÀ XƯỞNG, KHO BÀ
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM TÂN BÌNH HƯNG YÊN

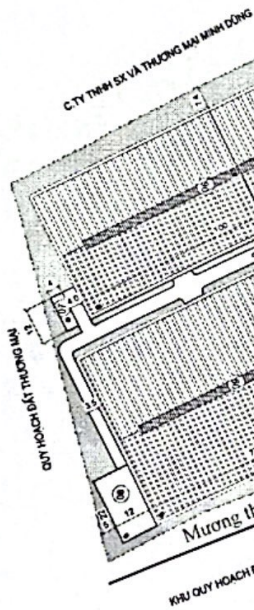
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ CHÍ ĐẠO, HUYỆN VĂN LAM, TỈNH HƯNG YÊN
THEO QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ SỐ: 810D-UBND NGÀY 11/01/2018 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)
1	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	17.136,60	100,00
2	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	11.421,60	66,85
3	ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN BÀ	2.250,31	13,13
4	ĐẤT CÂY XANH	2.333,05	20,22
5	MẶT ĐÓ XÂY DỰNG		66,85
6	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT		0,78 LẦN

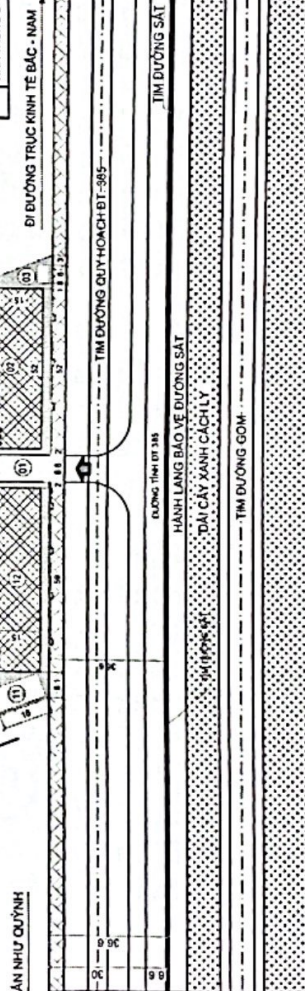
BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU

STT	HẠNG MỤC	TẦNG CAO	DIỆN TÍCH (M ²)
01	CỔNG - NHÀ BẢO VỆ	1	-
02	NHÀ ĐIỀU HÀNH	3	780,00
03	TRẠM BIẾN ÁP	1	24,00
04	BẾ PCCC	1	128,00
05	KHU XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG 1	-	-
06	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT	1	4.487,60
07	KHU VỆ SINH	1	24,00
08	NHÀ KỸ THUẬT	1	264,00
09	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT	1	4.650,00
10	KHU XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG 2	-	-
11	BẾ PCCC	1	128,00
12	NHÀ TRUNG BAY SP	3	865,00



ĐI THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH

ĐI ĐƯỜNG TRỰC KINH TẾ BẮC - NAM



T.L: 1/1000

* KÝ HIỆU

- RANH GÓI BỜ ĐẤT QUY HOẠCH
- SỐ TẦNG CAO
- CÂY XANH CẢNH QUAN
- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

SỐ XÂY DỰNG HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ VẤN THIỆT KẾ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 118 /UBND-KT2
V/v chấp thuận chủ trương cho phép
Công ty TNHH lương thực thực phẩm
Tân Thịnh Hưng Yên nhận chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

Hưng Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 2924/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 về chủ trương đầu tư; số 2873/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đến năm 2020 và điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Văn Lâm;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 996/TTr-STNMT ngày 28/12/2018 về việc đề nghị chấp thuận chủ trương cho phép Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất tại xã Chí Đạo, huyện Văn Lâm để thực hiện dự án đầu tư Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 090101376 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 15/11/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/01/2018) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất với diện tích khoảng 19.735 m² (Mười chín nghìn bảy trăm ba mươi lăm mét vuông) đất thuộc địa phận xã Chí Đạo, huyện Văn Lâm để thực hiện dự án đầu tư Xưởng chế biến lương thực, thực phẩm và cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Mảnh trích đo chính lý trích lục tờ bản đồ số 07, 08 - tỷ lệ 1/1000 xã Chí Đạo, huyện Văn Lâm do Công ty Cổ phần đo đạc địa chính Hưng Yên lập ngày 14/11/2018 và Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xác nhận ngày 19/11/2018.

2. Công ty TNHH lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, thuê đất sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: TNMT, KHĐT, XD;
- UBND huyện Văn Lâm;
- UBND xã Chí Đạo;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV: TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Rạng Phó CHỦ TỊCH
BÙI THẾ CỬ

Số TN: 1200/DAK/2024/4757/MTX-KQ/HY072/9076

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng

: Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
2. Cơ sở được lấy mẫu

: Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
3. Địa chỉ

: Thôn Nghĩa Lộ, Xã Chỉ Đạo, Huyện Văn Lâm
4. Loại mẫu

: Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu

: KK1; KK2; KK3; KK4
6. Ngày lấy mẫu

: 29/11/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	KK3	KK4	QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) ^(a)
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022 /BTNMT	22,6	23,9	22,4	24,0	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022 /BTNMT	51,7	52,3	50,9	52,7	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022 /BTNMT	1,3	1,4	1,0	0,8	-
4	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878-2:2018	53,1	56,8	52,8	57,5	70 ^(a)
5	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	83,0	78,3	80,0	79,2	300
6	SO ₂	µg/Nm³	TCVN 5971:1995	79,4	77,2	71,5	73,5	350
7	NO ₂	µg/Nm³	TCVN 6137:2009	58,4	59,5	58,0	58,8	200
8	CO	µg/Nm³	MTX.PT.KK-05	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	30000

Ghi chú:

- QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h)^(a): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - Trung bình 1 giờ; ^(a)QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- KK1 (HY072.24T11DP.KK1): Mẫu không khí tại khu vực phía Bắc dự án; KK2 (HY072.24T11DP.KK2): Mẫu không khí tại khu vực phía Đông dự án; KK3 (HY072.24T11DP.KK3): Mẫu không khí tại khu vực phía Tây dự án; KK4 (HY072.24T11DP.KK4): Mẫu không khí tại khu vực phía Nam dự án.
- (*) Được phân tích bởi thầu phụ: (*) Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền
Nguyễn Thị Hiền



Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 1201/DAK/2024/4758/MTX-KQ/HY072/9076

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
3. Địa chỉ : Thôn Nghĩa Lộ, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm
4. Loại mẫu : Nước mặt
5. Ký hiệu mẫu : NM
6. Ngày lấy mẫu : 29/11/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NM	QCVN 08: 2023/BTNMT (B- B _a)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0-8,5
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	46,5	≤ 6
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	160,0	≤ 15
4	Tổng các bon hữu cơ (Total organic cacbon, TOC)*	µg/L	ISO 20236:2018	2,34	≤ 6
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	12,9	≤ 100
6	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,45	≥ 5,0
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	6,17	≤ 0,3
8	Tổng Nitơ	mg/L	SMEWW 4500.N.C:2023	21,9	≤ 1,5
9	Coliform	MPN/ 100ml	SMEFW 9221B:2023	40000	≤ 5000
10	Coliform chịu nhiệt*	MPN/ 100ml	SMEFW 9221B&E:2023	24000	<1.000

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT (B-B_a): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Chất lượng nước trung bình (Phục vụ phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước).
- NM (HY072.24T11DP.NM): Mẫu nước mặt tại mương nội đồng gần khu vực dự án.
- (*) Được phân tích bởi đầu phụ; (✓): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền



1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 1202/DAK/2024/4759/MTX-KQ/HY072/9076

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Lương thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Lương thực phẩm Tân Thịnh Hưng Yên
3. Địa chỉ : Thôn Nghĩa Lộ, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm
4. Loại mẫu : Đất
5. Ký hiệu mẫu : Đ
6. Ngày lấy mẫu : 29/11/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Đ	QCVN 03: 2023/BTNMT (Loại I)
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	25,000
2	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7000B	18,3	150,000
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	200
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7000B	21,500	300
5	Cadmium (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	4

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT (Loại I): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (Đất nông nghiệp; đất nuôi trồng thủy sản; đất ở nông thôn, đất ở đô thị; đất sản xuất vật liệu xây dựng; đất đi tích lịch sử).
- Đ (HY072.24T1IDP.Đ): Mẫu đất tại khu vực dự án.
(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (Y): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện;
(-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền



1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Nếu thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



